

MARY NORTON



những người
vay mượn
tỉ hon

*"Một cuốn sách cần được
chta sé."* — The Horn Book



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Table of Contents

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)



Thông tin sách

Tên sách: **NHỮNG NGƯỜI VAY MƯỢN TÍ HON**

Nguyên tác: **The Borrowers (The Borrowers #1)**

Tác giả: **Mary Norton**

Người dịch: **Văn Dương Đức Sơn**

Nhà phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Hội Nhà Văn**

Khối lượng: **240g**

Kích thước: **13 x 20.5 cm**

Ngày phát hành: **07/2010**

Số trang: **204**

Giá bìa: **38.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Thiếu nhi - Giả tưởng - Kinh điển**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Thực hiện ebook: thanhbt

Ngày hoàn thành: 06/02/2017

Dự án ebook #282 thuộc Tủ sách BOOKBT



[Giới thiệu](#)

Biết bao câu chuyện về người tí hon đã từng làm say đắm cả thế giới. Nhưng chẳng phải ai cũng biết rằng họ thực sự tồn tại. Và trong câu chuyện này họ lại là những người vay mượn sinh sống bên dưới thế giới con người.

Bên dưới sàn nhà căn bếp của một tòa lâu đài cổ có gia đình Clock tí hon, gồm ông Pod, bà Homily và con gái họ, Arrietty. Hễ cần cái gì, ông Pod chỉ việc lên “mượn” con người. Nhưng chỉ mình ông được ngao du lên trên, bởi luôn còn đó nguy cơ người vay mượn bị “nhìn thấy” và không thể trở về nhà. Cuộc sống của nhà Clock dễ dàng, nhưng lại quá buồn tẻ với một đứa trẻ như Arrietty. Cô chỉ có thể nhìn trời xanh qua ô lưới sắt, hít thở từ khe ván gỗ, lủi thủi chơi một mình. Arrietty đang vô cùng khao khát được kết bạn Trong khi ở trên kia có mây rợp bay, cây cối mát rượi, những cánh đồng hoa bát ngát. Và có cả một cậu bé tốt bụng...

Tặng Sharon Rhodes

Chương 1



Bà May là người đầu tiên kể cho tôi nghe về họ. Không, không phải tôi. Sao có thể là tôi - một con bé nông cuồng, bừa bộn, bướng bỉnh, lúc nào cũng nhìn chăm chăm với cặp mắt tức giận, lại còn bị nói là có thói nghiện răng? Kate, cô bé thực ra nên được gọi như vậy. Phải, đúng thế - Kate. Dù sao đi nữa thì cái tên đó cũng chẳng quan trọng lắm: cô bé gần như không xuất hiện trong câu chuyện.

Bà May sống tại hai căn phòng trong ngôi nhà của bố mẹ Kate ở London; bà ấy, theo tôi nghĩ, là họ hàng gì đó. Phòng ngủ của bà ở tầng hai, còn phòng khách của bà là cái nơi trong ngôi nhà được gọi là “phòng ăn sáng”. Thường thì các phòng ăn sáng đều khá ồn vào buổi sáng khi ánh mặt trời ủa vào trên bánh mì nướng và trên nứt, nhưng đến buổi chiều chúng lại có vẻ như tan biến đi đôi chút và chìm trong một thứ ánh sáng bạc kỳ lạ, buổi chạng vạng riêng của chúng; khi đó chúng chứa đựng một kiểu buồn riêng, nhưng hồi Kate còn nhỏ thì đó lại là kiểu buồn mà cô bé thích. Cô bé thường lên vào phòng bà May ngay trước giờ uống trà chiều và bà May thường dạy cô đan lát.

Bà May đã già, các khớp xương của bà đã bị tê cứng, và bà không hẳn nghiêm khắc mà thay vào đó bà có sự vững vàng bên trong. Kate không bao giờ “nông cuồng” với bà May, cũng không bừa bộn, không bướng bỉnh; còn bà May thì dạy cho cô bé nhiều thứ ngoài đan lát: cách quần len thành một trái bóng hình quả trứng; cách dọn dẹp ngăn kéo và cách phủ,

như một lời ban phước, một tấm giấy lụa sột soạt lên trên đồ đạc để chống bụi.

“Sao im hơi lặng tiếng thế, cô bé?” một hôm bà May hỏi, trong khi Kate đang ngồi khom lưng im lặng trên chiếc gối quỳ. “Cháu sao vậy? Mất lưỡi rồi à?”

“Không ạ,” Kate vừa nói vừa kéo nút giày, “cháu bị mất que đan rồi.” Họ đang đan một chiếc chăn trải giường ghép bằng các ô vuông nhỏ bằng len: vẫn còn phải đan ba mươi ô vuông nữa. “Cháu biết mình để nó ở đâu,” cô bé hấp tấp nói tiếp, “cháu đã để nó ở ngăn dưới cùng trên giá sách ngay cạnh giường cháu.”

“Ở ngăn dưới cùng ư?” bà May nhắc lại, cây kim của bà vẫn vẩy đều trong ánh lửa. “Gần sàn nhà à?”

“Vâng,” Kate nói, “nhưng cháu tìm trên sàn nhà rồi. Dưới cái thảm. Khắp mọi nơi. Len thì vẫn còn đó. Đúng chỗ cháu đã để.”

“Ôi trời,” bà May khẽ thốt lên, “đừng nói là họ cũng ở trong ngôi nhà này đấy chứ!”

“Ai cơ ạ?” Kate hỏi.

“Những Người Vay Mượn,” bà May nói, và trong ánh sáng chập chờn bà trông như đang mỉm cười.

Kate nhìn chăm chăm hơi sợ hãi. “Có những thứ như thế ư?” cô bé hỏi sau giây lát.

“Như gì nào?”

“Như là người, loại người khác, sống trong một ngôi nhà và... mượn đồ đạc?”

Bà May đặt miếng đan xuống. “Cháu nghĩ sao?” bà hỏi.

“Cháu không biết,” Kate vừa nói vừa giật mạnh nút giày. “Không thể có những người như thế được. Nhưng vẫn có,” cô bé ngẩng đầu lên, “... vẫn có những lúc cháu nghĩ chắc chắn là có.”

“Tại sao cháu lại nghĩ chắc chắn là có?” bà May hỏi.

“Vì tất cả những thứ đã biến mất. Kim băng chẳng hạn. Các nhà máy cứ tiếp tục sản xuất kim băng, và hàng ngày người ta cứ tiếp tục mua kim băng ấy thế nhưng chẳng hiểu sao cứ đến lúc ta cần thì lại không có chiếc kim băng nào hết. Chúng đâu cả rồi? Bây giờ, ngay đúng phút này? Chúng đi đâu kia chứ? Chẳng hạn như những cái kim,” cô bé nói tiếp, “Tất cả những cái kim mẹ cháu từng mua - phải đến hàng trăm cái - không thể nào chỉ nằm lẫn lóc trong ngôi nhà này.”

“Không nằm lẫn lóc trong nhà, không,” bà May đồng ý.

“Và tất cả các đồ vật khác mà chúng ta vẫn mua hết lần này đến lần khác nữa. Nữa, nữa và nữa. Như bút chì rồi hộp diêm rồi xi găng rồi kẹp tóc rồi đinh ghim rồi cái đê...”

“Và kim kẹp mũ,” bà May chen vào, “và giấy thấm.”

“Vâng, giấy thấm,” Kate đồng ý, “nhưng không có kim kẹp mũ.”

“Điều đó thì cháu nhầm rồi,” bà May nói, và bà lại tiếp tục đan. “Có một lý do cho kim kẹp mũ.”

Kate nhìn chăm chăm. “Có một lý do?” cô bé nhắc lại. “Ý cháu là... lý do kiểu gì?”

“Ừ, thực ra là có hai lý do. Kim kẹp mũ là một vũ khí cực kỳ hữu ích và” - bà May tự nhiên cười - “nhưng tất cả đều có vẻ như rất vô lý và” - bà ngập ngừng - “chuyện cũng lâu lắm rồi!”

“Nhưng bà kể cho cháu nghe đi,” Kate nói, “kể cho cháu nghe làm sao bà *biết* về kim kẹp mũ. Bà đã từng nhìn thấy cái nào chưa?”

Bà May giật mình liếc nhìn cô bé. “À có, có...” bà bắt đầu.

“Không phải kim kẹp mũ,” Kate kêu lên nôn nóng, “mà là một người-gì-gì-đó-như-bà-đã-gọi-họ, một Người Vay Mượn ấy ạ?”

Bà May hít một hơi thật mạnh. “Không,” bà nói nhanh, “ta chưa bao giờ nhìn thấy người nào cả.”

“Nhưng có người khác đã nhìn thấy,” Kate thét lên, “và bà biết điều đó. Cháu có thể thấy là bà biết!”

“Suyt,” bà May nói, “không cần phải hét lên thế!” Bà nhìn xuống khuôn mặt đang ngẩng lên, rồi bà mỉm cười và ánh mắt bà trượt ra phía xa xăm. “Ta có một người em trai...” bà bắt đầu một cách lưỡng lự.

Kate quỳ trên chiếc gối. “Và ông ấy đã nhìn thấy họ!”

“Ta không biết,” bà May lắc đầu nói, “ta thật sự không biết!” Bà trải đều miếng len đan trên đầu gối. “Nó luôn đùa cợt. Nó kể cho chúng ta nhiều chuyện - em gái ta và ta - những chuyện không có thật. Nó chết rồi,” bà nhẹ nhàng nói thêm, “nhiều năm trước đây, ở tỉnh Biên giới Tây Bắc. Nó đã trở thành đại tá trung đoàn. Nó chết theo cách mà người ta gọi là ‘sự hy sinh của người anh hùng’...”

“Ông ấy là người anh em trai duy nhất của bà ư?”

“Phải, và nó là em út của chúng ta. Ta nghĩ đó là lý do vì sao” - bà suy nghĩ một lát, vẫn đang tự mỉm cười với mình - “phải, vì sao nó lại kể cho chúng ta những câu chuyện không có thật, những tưởng tượng kỳ lạ tới vậy. Nó ghen tị, ta nghĩ vậy, vì chúng ta lớn hơn nó - và độc thạo hơn. Nó muốn gây ấn tượng với chúng ta; có thể nó muốn làm chúng ta sững sốt. Ấy thế nhưng” - bà nhìn vào bếp lửa - “có cái gì đó ở nó - có thể bởi vì chúng ta đã lớn lên tại Ấn Độ với những bí ẩn, phép màu và huyền thoại quanh mình - cái gì đó đã làm chúng ta nghĩ rằng nó nhìn thấy những điều mà người khác không thể nhìn thấy được; có những lúc chúng ta biết rằng nó đang trêu

đùa, nhưng còn những lúc khác - ừm, chúng ta cũng không chắc chắn lắm...” Bà cúi người về phía trước và gọn gàng quét tro vụn dưới ghi lò, rồi tay vẫn cầm chổi, bà lại nhìn chăm chăm vào đống lửa. “Nó không phải một cậu bé khỏe mạnh lắm: lần đầu tiên khi trở về từ Ấn Độ nó đã bị sốt do thấp khớp. Nó lỡ cả một học kỳ và bị đưa về nông thôn để hồi phục. Đến nhà một bà dì. Sau này ta cũng đã đến đó. Đó là một ngôi nhà cổ kỳ lạ...” Bà treo chổi lên cái móc bằng đồng, lau bụi trên tay bằng chiếc khăn mùi soa, rồi cầm miếng đan lên. “Phải châm đèn lên thôi,” bà nói.

“Khoan đã,” Kate năn nì, cúi người về phía trước. “Xin bà tiếp tục đi. Xin bà kể cho cháu...”

“Nhưng ta đã kể cho cháu rồi mà.”

“Không, chưa. Ngôi nhà cổ ấy - có phải đó là chỗ ông ấy đã nhìn thấy - ông ấy đã nhìn thấy...?”

Bà May cười. “Chỗ nó đã nhìn thấy những Người Vay Mượn? Phải, đó là điều mà nó đã kể cho chúng ta... điều mà nó muốn chúng ta tin. Và hơn nữa, có vẻ như không chỉ nhìn thấy họ mà nó còn biết rất rõ về họ; nó đã trở thành một phần trong cuộc sống của họ; thực ra ta gần như có thể nói chính nó đã trở thành một Người Vay Mượn...”

“Ôi, kể cho cháu đi, cháu xin bà. Bà cố gắng nhớ đi. Ngay từ đoạn đầu ấy!”

“Nhưng ta vẫn nhớ đấy chứ,” bà May nói. “Kỳ lạ ở chỗ ta nhớ nó rõ hơn nhiều chuyện thật đã xảy ra. Có thể đó là chuyện thật. Chỉ là ta không biết thôi. Cháu biết không, trên đường trở lại Ấn Độ em trai ta và ta ở chung một khoang tàu - em gái ta thường ngủ với cô gia sư - và, trong những đêm rất nóng nực đó, nhiều lúc chúng ta không ngủ được; vậy là em trai ta lại nói chuyện hàng tiếng hàng tiếng đồng hồ, nhắc lại những câu chuyện cũ, kể lại các cuộc nói chuyện, kể đi kể lại cho ta các chi tiết - tự hỏi họ có khỏe không, đang sống ra sao và...”

“Họ? Họ là ai - chính xác họ là ai?”

“Homily, Pod và Arrietty bé nhỏ.”

“Pod?”

“Phải, ngay cả cái tên của họ nghe cũng thật kỳ lạ. Họ tưởng tượng rằng họ có tên riêng của mình - khá khác biệt với tên của loài người - nhưng chỉ thoáng nghe ta cũng có thể thấy chúng đã được mượn. Ngay cả tên của bác Hendreary và Eggletina. Tất cả những gì họ có đều là vay mượn; họ không có bất cứ cái gì là của riêng họ cả. Chẳng có gì. Tuy nhiên, em trai ta nói họ rất dễ tự ái và kiêu ngạo, và họ nghĩ rằng họ sở hữu cả thế giới.”

“Ý bà là sao?”

“Họ nghĩ rằng loài người chỉ được tạo ra để làm công việc nặng nhọc - những kẻ nô lệ khổng lồ sinh ra để họ sử dụng. Ít ra đó là điều họ nói với nhau. Nhưng em trai ta nói rằng dưới vẻ bề ngoài đó, nó nghĩ họ sợ hãi. Là vì họ sợ hãi, nó nghĩ, cho nên họ mới trở nên bé như thế. Mỗi một thế hệ lại một bé hơn và ẩn khuất hơn. Ngày xưa ngày xưa, dường như vậy, và ở nhiều nơi trên nước Anh, tổ tiên chúng ta đã nói khá công khai về những ‘người tí hon’.”

“Vâng,” Kate nói, “cháu biết.”

“Ngày nay, ta cho rằng,” bà May chậm rãi nói tiếp, “nếu họ có còn tồn tại chẳng nữa, thì ta cũng chỉ tìm thấy họ trong các ngôi nhà cũ kỹ và yên tĩnh ở vùng nông thôn hẻo lánh - và chỗ nào con người sống theo lệ thường. Lệ thường là cái bảo vệ họ. Họ phải biết được những phòng nào sẽ được sử dụng và sử dụng khi nào. Họ không ở lâu những chỗ có người cầu thả hay có trẻ con ương ngạnh, hoặc có một số loại vật nuôi nhất định.

“Cái ngôi nhà đặc biệt ấy, tất nhiên, là lý tưởng - tuy rằng đối với một vài người trong số họ thì hơi lạnh lẽo và trống trải. Bà dì Sophy nằm liệt giường, do một tai nạn khi đi săn khoảng hai mươi năm trước, còn về những người khác thì chỉ có bà Driver đầu bếp, Crampfurl làm vườn, và thỉnh thoảng có một người hầu không thường xuyên hay gì đó. Em trai ta,

khi nó đến đó sau hồi bị sốt do viêm khớp, cũng phải nằm hàng giờ trên giường, và trong những tuần đầu có vẻ như những Người Vay Mượn không biết tới sự tồn tại của nó.

“Nó ngủ trong căn phòng cũ dành cho trẻ con, phía sau phòng học. Phòng học hồi đó được phủ khăn, bọc vải và đầy đồ lặt vặt bỏ đi - những hòm những xiềng linh tinh, một cái máy khâu hỏng, một bàn viết, một con ma-nơ-canh của thợ may, một cái bàn, vài cái ghế, và một chiếc piano cơ không dùng nữa - vì những đứa trẻ từng sử dụng phòng này, con cái của bà dì Sophy, đã lớn từ lâu, đã kết hôn, đã qua đời hoặc chuyển đi chỗ khác. Căn phòng trẻ con mở ra phía phòng học và từ giường mình em trai ta có thể nhìn thấy bức tranh sơn dầu trận Waterloo treo trên lò sưởi phòng học và, ở trên tường, một chiếc tủ lắp kính, và bên trong tủ, treo trên móc và giá, là một bộ ấm tách trà của búp bê - rất dễ vỡ và cũ kỹ. Ban đêm, nếu cửa phòng học mở, nó có thể nhìn dọc hành lang sáng đèn dẫn đến đầu cầu thang, và nó cảm thấy được an ủi khi nhìn thấy, vào lúc hoàng hôn, bà Driver xuất hiện ở đầu cầu thang và đi ngang qua hành lang mang một khay đựng bánh bích quy Bath Oliver và bình pha lê cao đựng rượu vang Fine Old Pale Madeira cho bà dì Sophy. Khi đi ra, bà Driver dừng lại và vặn nhỏ đèn khí ga trong hành lang cho đến độ chỉ còn là ngọn lửa xanh mờ, và rồi nó nhìn theo khi bà đi cồm cộp xuống cầu thang, từ từ chìm xuống khuất khỏi tầm mắt giữa những con tiện cầu thang.

“Dưới lối đi này, trong hành lang tầng dưới, có một chiếc đồng hồ, và suốt đêm nó nghe đồng hồ đổ chuông điểm mỗi giờ qua. Đó là một chiếc đồng hồ quả lắc to và rất cũ. Ông Frith từ thị trấn Leighton Buzzard hàng tháng đến để lên giây, như bố ông ta và trước đó nữa là ông bác của ông vẫn làm. Trong tám mươi năm, họ nói (và đây là điều ông Frith biết chắc chắn) chiếc đồng hồ chưa từng dừng lại và, như tất cả mọi người được biết, cả nhiều năm trước đó nữa. Điều thú vị là - chiếc đồng hồ chưa bao giờ được phép di chuyển đi. Nó đứng sát ván ốp chân tường, và các phiến đá lát sàn xung

quanh nó đã được lau nhiều đến nỗi có một cái bệ nhỏ, em trai ta kể, nhô lên ở bên trong.

“Và, dưới cái đồng hồ ấy, dưới cái ván ốp, có một cái lỗ...”

Chương 2



Đó là cái lỗ của ông Pod - tháp pháo đài của ông; cổng vào nhà ông. Tuy nhiên nói thế không có nghĩa là nhà ông nằm đâu đó gần cái đồng hồ: ngược lại là khác - ta có thể nói vậy. Có lối đi tối tăm và bụi bặm dài hàng thước, với những cửa gỗ giữa các rầm nhà và cổng sắt chống chuột. Ông Pod dùng đủ thứ để xây những chiếc cổng này - một tấm của chiếc bàn nạo pho mát gập được, một cái nắp có bản lề của hộp đựng tiền nhỏ, những miếng kẽm vuông có lỗ của một chạn thức ăn cũ, một cái vỉ đập ruồi... “Không phải mẹ sợ chuột,” bà Homily thường nói, “Nhưng mẹ không chịu được cái mùi.” Arrietty đã hoài công van xin để được có một con chuột nhỏ bé cho riêng mình, một con chuột bé bị mù để cô tự tay nuôi - “giống như Eggletina đã từng có.” Nhưng bà Homily đập hai chiếc vung vào nhau mà thốt lên “Và nhìn xem điều gì đã xảy ra với Eggletina!” “Vậy điều gì,” Arrietty hỏi, “điều gì đã xảy ra với Eggletina?” Nhưng chẳng ai trả lời.

Chỉ có ông Pod mới biết đường xuyên qua các lối đi giao nhau dẫn đến cái lỗ dưới chiếc đồng hồ. Và chỉ có ông Pod mới mở được những cánh cổng. Có những cái móc gài phức tạp được làm từ cặp tóc và kim băng mà chỉ riêng ông Pod mới biết bí mật. Vợ con ông sống an toàn hơn trong những căn hộ ẩm cúng ở phía dưới gian bếp, cách xa những rủi ro và nguy hiểm của ngôi nhà đáng kinh sợ phía trên. Nhưng có một cái lưới sắt trên bức tường gạch của ngôi nhà, ngay dưới mặt sàn của căn bếp phía trên, qua đó Arrietty có thể nhìn thấy khu vườn - một phần lối đi được rải sỏi và một bờ cỏ nơi hoa nghệ tây nở vào mùa xuân; nơi những cánh hoa bay đến từ một cái cây ngoài tầm mắt; và nơi mà sau này một bụi đỗ quyên sẽ nở hoa; và

nơi có những chú chim bay đến - để mổ và đùa nghịch và có khi để đánh nhau. “Con lãng phí bao thì giờ vào những con chim đó,” bà Homily thường nói, “thế mà khi có chút việc phải làm thì con chẳng bao giờ có thời gian. Mẹ đã lớn lên ở một ngôi nhà,” bà Homily nói tiếp, “tuyệt chẳng có cái lưới sắt nào, thế nhưng chúng ta lại hạnh phúc hơn biết bao vì điều đó. Bây giờ thì rời khỏi đó và đi lấy cho mẹ khoai tây đi.”

Chính ngày hôm đó Arrietty, trong lúc lăn củ khoai tây phía trước mình đi từ phòng kho dọc theo lối đi bụi bặm ở dưới những tấm ván sàn, cái kính đá củ khoai làm cho nó lăn hơi nhanh vào trong bếp nhà họ, ở đó bà Homily đang cúi người trên lò.

“Con lại làm thế rồi,” bà Homily thốt lên, giận dữ quay lại, “suýt nữa thì đẩy mẹ vào nồi xúp. Với cả khi mẹ nói ‘khoai tây’ thì ý mẹ không phải là củ khoai tây. Lấy cái kéo, được chứ, và cắt một lát ra.”

“Đâu biết mẹ muốn bao nhiêu,” Arrietty lầm bầm nói, và bà Homily, với vẻ sốt ruột và khó chịu, tháo từ cái đinh trên tường xuống một bên lưới và cán của nửa cái kéo cắt móng tay, rồi bắt đầu cắt qua lớp vỏ.

“Con đã làm hỏng củ khoai tây này,” bà càu nhàu. “Bây giờ thì con không thể lăn nó trở lại được trên cả đám bụi, không thể làm thế một khi nó đã bị cắt ra.”

“Ôi, có sao đâu?” Arrietty nói. “Còn nhiều nữa mà.”

“Nói hay đấy nhỉ. Còn nhiều nữa. Con có biết,” bà Homily nói tiếp với vẻ nghiêm trọng, đặt nửa cái kéo cắt móng tay xuống, “rằng ông bố đáng thương của con luôn phải mạo hiểm tính mạng mình mỗi khi ông ấy đi mượn một củ khoai tây không?”

“Ý của con,” Arrietty nói, “là còn nhiều ở trong kho.”

“Thôi, giờ thì con tránh ra đi,” bà Homily nói, lại hồi hã, “ý con thế nào đi nữa cũng được, hãy để mẹ nấu tiếp bữa tối.”

Arrietty đi tha thẩn qua cánh cửa mở vào phòng khách. A, lò sưởi đã được đốt và căn phòng trông sáng sủa ấm cúng. Bà Homily tự hào về phòng khách của mình: tường được dán mẫu vụn của những bức thư cũ gom được từ thùng giấy rác, và bà Homily đã sắp xếp sao cho những dòng chữ viết tay hàng ngang thành những đường kẻ dọc chạy từ sàn nhà đến trần nhà. Treo trên tường, lặp đi lặp lại trong những màu sắc khác nhau, là mấy tấm chân dung của Nữ hoàng Victoria hồi trẻ; đó là những con tem bưu chính, đã được ông Pod mượn vài năm trước đây từ cái hộp tem trên bàn viết trong phòng ăn sáng. Có một hộp nữ trang bằng sơn bóng, độn bông bên trong và nắp luôn mở, được họ dùng làm trường kỷ; và cái tủ hữu ích đó - một cái tủ com mốt làm từ những hộp diêm. Có một cái bàn tròn với khăn trải bằng nhung đỏ, được ông Pod chế tạo từ cái đáy bằng gỗ của một chiếc hộp đựng thuốc viên, đặt bên trên cái đế chạm trổ của một con mã trong bộ cờ. (Việc này đã gây nên rắc rối lớn ở trên nhà khi con trai cả của bà dì Sophy, trong một chuyến thăm chớp nhoáng vào giữa tuần, đã mời cha xứ “chơi một ván cờ sau bữa tối.” Rosa Pickhatcher, là người hầu lúc đó, xin nghỉ việc. Sau khi cô rời khỏi thì người ta mới phát hiện ra là các đồ đạc khác đã bị mất, và không ai khác được thuê thay thế chỗ của cô ta nữa. Từ đó trở đi bà Driver cai trị độc quyền). Riêng con mã - hay có thể nói là tượng bán thân của nó - được đặt trên một cái cột trong góc, ở đó trông nó rất đẹp, và làm căn phòng toát lên một không khí mà chỉ những bức tượng mới làm được.

Bên cạnh lò sưởi, trên chiếc giá sách nghiêng bằng gỗ, là bộ sách của Arrietty. Đây là một bộ sách thu nhỏ mà người thời Victoria rất thích in, nhưng đối với Arrietty thì có vẻ như đó phải là cỡ của những cuốn kinh nhà thờ rất lớn. Có các bộ sách của nhà xuất bản Bryce như bộ *Từ điển Địa lý Thế giới của Tom Thumb*, với những điều tra dân số mới nhất; bộ *Từ điển của Tom Thumb*, với những giải thích ngắn gọn các thuật ngữ khoa học, triết học, văn học và kỹ thuật; bộ *Ấn bản của Tom Thumb về Hài kịch của William Shakespeare*, có cả lời tựa về tác giả; một cuốn sách khác, mà các trang đều để trống, gọi là *Hồi ký*; và cuối cùng nhưng không kém phần

quan trọng, cuốn mà Arrietty ưa thích nhất là *Nhật ký và Tục ngữ của Tom Thumb*, với một câu tục ngữ cho mỗi ngày trong năm và, trong lời tựa, kể về cuộc đời của một người lùn tên là Tướng Tom Thumb, kết hôn với cô gái có tên Mercy Lavinia Bump. Có một bản in khắc xe song mã của họ, với những chú ngựa nhỏ - cỡ bằng con chuột. Arrietty không phải cô bé ngốc nghếch. Cô bé biết con ngựa không thể bé được bằng con chuột, nhưng cô bé không nhận ra rằng Tom Thumb, cao gần bảy mươi phân, sẽ được coi như người khổng lồ đối với một Người Vay Mượn.

Arrietty đã học đọc từ những cuốn sách này, và học viết bằng cách nghiêng đầu chép lại các chữ viết lên tường. Dù vậy, cô bé không phải lúc nào cũng viết nhật ký, tuy hầu như ngày nào cô bé cũng lấy cuốn sách đó ra để đọc tục ngữ, việc này đôi lúc cũng an ủi cô bé. Tục ngữ của ngày hôm nay là, “Càng đi xa càng gặp nhiều rắc rối,” và ở phía dưới ghi, “Dòng hiệp sĩ Garter, thành lập năm 1348.” Cô bé bê cuốn sách đến lò sưởi và ngồi xuống, đôi chân gác lên kệ lò sưởi.

“Con đang làm gì đấy, Arrietty?” bà Homily hỏi vọng từ trong bếp.

“Con đang viết nhật ký.”

“Ồ,” bà Homily thốt lên.

“Mẹ cần gì ạ?” Arrietty hỏi. Cô bé cảm thấy khá an tâm; bà Homily thích cô bé viết; bà Homily động viên tất cả mọi hình thức văn hóa. Bản thân bà Homily, kể ít học đáng thương thì ngay cả bảng chữ cái cũng không đọc nổi. “Không có gì. Không có gì,” bà Homily cúi kính nói, liên tục đập vung nôi, “đợi sau cũng được.”

Arrietty lấy bút chì ra. Đó là một cây bút chì nhỏ màu trắng có gắn sợi dây lụa lấy từ một tờ danh sách khiêu vũ, nhưng ngay cả thế đi nữa, trong tay Arrietty, trông nó vẫn như một cái trục cán.

“Arrietty!” bà Homily lại gọi vọng ra từ trong bếp.

“Vâng?”

“Bỏ chút gì đó vào lò sưởi đi.”

Arrietty gồng người lên và cố nhắc cuốn sách ra khỏi đùi, đặt nó thẳng đứng trên nền nhà. Họ cất giữ nhiên liệu, hỗn hợp hạt vụn than và nến nghiền, ở trong một cái bình thiếc từng đựng mù tạt, và múc nó ra bằng thìa. Arrietty chỉ bỏ vài hạt, nghiêng thìa mù tạt, để không dập mất ngọn lửa. Rồi cô bé đứng đó sưởi ấm. Đó là một lò sưởi duyên dáng, do ông của Arrietty làm, với một bánh răng chuồng ngựa, một phần của máy ép rượu táo cũ. Các răng cửa của bánh răng chìa ra như những tia sao sáng, và ngọn lửa được ấp ủ ở giữa. Ở trên có một ống khói được chế tạo từ một cái phễu bằng đồng nhỏ, úp ngược. Thứ này đã từng có thời là một phần của chiếc đèn dầu, và ngày xưa nó đứng trên cái bàn ở hành lang trên tầng. Một hệ thống những chiếc ống ghép lại, đặt từ miệng phễu, đưa khói vào các ống khói của căn bếp phía trên. Ngọn lửa được nuôi bằng những que diêm và được giữ bằng hạt vụn than và, khi nó cháy, phần sắt nóng lên, bà Homily đun xúp trong một cái đê bằng bạc đặt trên các răng cửa, còn Arrietty thì nướng hạt. Những tối mùa đông ấy mới ấm cúng làm sao. Arrietty, với cuốn sách to đùng trên đùi, thỉnh thoảng đọc to lên; ông Pod bên cạnh khuôn giày của mình (ông là thợ đóng giày, và đóng những chiếc ủng có nút từ găng tay trẻ con - nhưng mà, chao ôi, chỉ làm cho gia đình ông); còn bà Homily, cuối cùng đã im lặng, với việc đan lát của mình.

Bà Homily đan áo len chui đầu và tất dài của họ bằng kim mũi màu đen, và, thỉnh thoảng, bằng kim mạng. Một cuộn tơ tằm hay một cuộn bông to tướng dựng lên, cao bằng cái bàn, ở cạnh ghế của bà, và đôi lúc, nếu bà giật quá mạnh thì nó sẽ đổ rồi lăn ra ngoài qua cánh cửa mở ra hành lang bụi bặm phía ngoài, và Arrietty lại bị sai đi lấy nó về, phải quán lại cẩn thận trong khi lăn nó.

Sàn phòng khách trải thảm bằng giấy thấm màu đỏ sẫm, thật ấm áp, dễ chịu lại còn thấm được những gì bị đổ ra. Bà Homily thay giấy mới đều đều khi

có thể kiểm thêm được ở trên gác, nhưng từ khi bà dì Sophy nằm liệt giường thì bà Driver ít khi nghĩ đến giấy thấm trừ khi, đột ngột, nhà có khách. Bà Homily thích những thứ gì không cần phải giặt giũ vì ở bên dưới sàn nhà này rất khó khô; nước thì họ có đầy, cả nóng và lạnh, nhờ công của bố ông Pod đã nối các ống nước từ bình đun nước ở bếp. Họ tắm trong cái liễn nhỏ một thời đã đựng patê gan vịt. Khi tắm xong thì phải đập nắp lại để mọi người không bỏ đồ đạc vào trong đó. Bánh xà phòng, cũng vậy, là một bánh to đùng, treo trên đỉnh trong phòng rửa bát, và họ cạo ra từng miếng nhỏ. Bà Homily thích mùi nhựa than đá, nhưng ông Pod và Arrietty lại thích mùi gỗ đàn hương.

“Bây giờ con đang làm gì đấy, Arrietty?” bà Homily hỏi vọng ra từ trong bếp.

“Vẫn đang viết nhật ký.”

Một lần nữa Arrietty cầm lấy cuốn sách cố kéo lại lên đùi mình. Cô bé liếm đầu chì trên cây bút to đùng, và nhìn chăm chăm một lúc, say sưa nghĩ. Cô bé tự cho phép mình viết (khi cô bé nhớ đến việc viết) một dòng nhỏ trên mỗi trang vì cô bé sẽ không bao giờ - về điều này thì cô bé chắc chắn - có thêm một cuốn nhật ký khác nữa, thế nên nếu cô bé viết hai mươi dòng trên mỗi trang thì cuốn nhật ký sẽ đủ cho hai mươi năm. Cô bé duy trì việc viết nhật ký đã gần hai năm nay rồi, và hôm nay, ngày 22 tháng Ba, cô bé đọc mục của năm ngoái “Mẹ cáu.” Cô bé nghĩ một lúc lâu hơn rồi, cuối cùng, cô bé viết dấu *-nt-* bên dưới từ “mẹ,” và “lo lắng” dưới từ “cáu.”

“Con nói con đang làm gì, Arrietty?” bà Homily hỏi vọng ra từ trong bếp.

Arrietty đóng cuốn sách lại. “Không làm gì ạ,” cô bé nói.

“Thế thì bằm chỗ hành tây này cho mẹ nào, con ngoan. Tối nay bố con sẽ về muộn...”

Chương 3



Thở dài, Arrietty cất cuốn nhật ký rồi đi vào bếp. Cô bé lấy vòng hành tây từ bà Homily, và quàng nhẹ nó trên vai mình trong khi lục tìm lưỡi dao cạo. “Hay nhỉ, Arrietty,” bà Homily kêu lên, “không được làm thế trên cái áo len sạch của con! Con có muốn bốc mùi như một cái sọt rác không đấy? Này, cầm lấy kéo...”

Arrietty bước qua cái vòng hành tây như thể nó là một chiếc vòng của trẻ con, và bắt đầu chặt nó ra thành từng khúc.

“Bố con về muộn,” bà Homily lại lẩm bẩm, “và đó là lỗi của mẹ, con có thể nói như vậy. Trời ơi là trời, mẹ ước chi đã không...”

“Đã không gì ạ?” Arrietty hỏi, nước mắt giàn giụa. Cô bé khịt mũi thật to và chỉ muốn lau mũi vào tay áo.

Bà Homily đẩy một lọn tóc mảnh ra phía sau bằng bàn tay lo lắng. Bà nhìn Arrietty với vẻ lơ đãng. “Cái tách trà mà con đã làm vỡ,” bà nói.

“Nhưng đã từ lâu rồi mà...” Arrietty cất tiếng, mấp máy mí mắt, và cô bé lại khịt khịt lần nữa.

“Mẹ biết. Mẹ biết. Không phải con. Mà là mẹ. Chuyện làm vỡ không quan trọng, mà chuyện mẹ đã nói với bố cơ.”

“Mẹ đã nói gì với bố?”

“Ờ, mẹ chỉ nói - có phần còn lại của bộ ấm trà, mẹ nói - ở trên kia, nó vẫn luôn ở đó, trên chiếc tủ trong góc phòng học.”

“Con không thấy có gì xấu trong chuyện đó cả,” Arrietty vừa nói vừa thả những khúc hành xuống nôi xúp, từng khúc từng khúc một.

“Nhưng nó là một chiếc tủ cao,” bà Homily kêu lên. “Phải trèo lên qua rèm cửa. Mà bố con ở tuổi này...” bà ngồi thụp xuống một cái nút sâm banh kim loại. “Ôi, Arrietty, mẹ ước gì mẹ chưa bao giờ nhắc đến nó!”

“Mẹ đừng lo,” Arrietty nói, “bố biết là bố có thể làm gì mà.” Cô bé kéo một cái nút cao su của chai nước hoa ra khỏi cái lỗ của ống nước nóng và để một tia nước nóng chảy xuống chiếc nắp thiếc của một lọ thuốc nhức đầu. Cô bé cho thêm nước lạnh vào và bắt đầu rửa tay.

“Có thể,” bà Homily nói. “Nhưng mẹ đã bai bài chuyện đó suốt. Cái tách trà thì có gì đâu! Bác Hendreary của con chẳng bao giờ uống thứ gì nếu nó không được đựng trong một chiếc cốc tầm thường làm từ quả sồi. Ấy thế mà bác ấy sống đến già cắc và vẫn còn sức để di cư. Bên ngoài của con tuyệt chẳng bao giờ có gì ngoài một cái đê nhỏ bằng xương dùm chung nhau. Nhưng một khi con đã được dùng một cái tách trà rồi thì, nếu con hiểu ý mẹ...”

“Vâng,” Arrietty vừa nói vừa lau khô tay bằng một cuộn khăn làm từ băng phẫu thuật.

“Cái rèm cửa ấy,” bà Homily kêu lên. “Ông ấy không thể trèo lên rèm cửa ở cái tuổi này - và không thể trèo lên bằng các cục bông rèm cửa!”

“Với cây kim của bố thì được,” Arrietty nói.

“Cây kim của bố! Mẹ lại lôi bố vào cả chuyện đó nữa. Lấy một cây kim mũ ấy, mẹ nói với bố, và buộc một đoạn ruy băng vào đầu kim, rồi tự kéo mình lên tầng trên. Hồi đó là để bố con mượn chiếc đồng hồ ngọc lục bảo từ phòng ngủ của Bà để mẹ đo thời gian nấu bếp.” Giọng bà Homily bắt đầu

run run. “Mẹ của con là một người xấu xa, Arrietty ạ. Xấu xa và ích kỷ, mẹ là thế đấy!”

“Mẹ biết gì không?” Arrietty bất chợt kêu lên.

Bà Homily lau nước mắt. “Không,” bà mết mỏi nói, “gì cơ?”

“Con có thể trèo lên rèm cửa.”

Bà Homily đứng lên. “Arrietty, con dám đứng đó mà lạnh lùng nói lên một việc như thế ư!”

“Nhưng con làm được! Con làm được mà! Con có thể đi mượn. Con biết là con làm được.”

“Ôi!” bà Homily thảng thốt. “Ôi, cái đứa con gái xấu xa ngoại đạo này! Sao con lại nói thế được!” và bà lại ngồi thụp xuống cái ghế làm bằng nút chai. “Thế là chuyện đã đến mức này rồi!” bà nói.

“Nào, mẹ, con xin mẹ,” Arrietty van xin, “nào, mẹ đừng như thế!”

“Nhưng con không hiểu, Arrietty...” bà Homily thảng thốt; bà nhìn chăm chăm xuống bàn không nói nên lời và rồi, cuối cùng, bà cũng ngược khuôn mặt phờ phạc lên. “Đứa con tội nghiệp của mẹ,” bà nói, “đừng nói như thế về việc đi mượn. Con không biết đâu - và, ơn Chúa, con sẽ không bao giờ biết” - bà hạ giọng xuống thành tiếng thì thầm sợ hãi - “ở trên nhà như thế nào...”

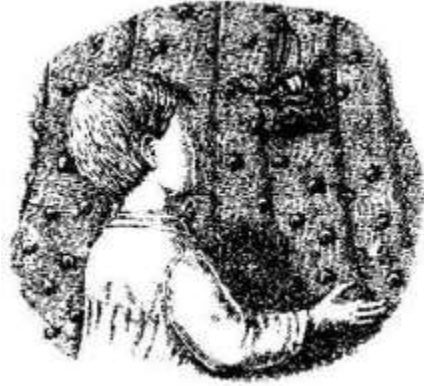
Arrietty im lặng. “Nó như thế nào?” cô bé hỏi sau giây lát.

Bà Homily lau mặt bằng tạp dề và vuốt lại tóc. “Bác Hendreary của con,” bà bắt đầu, “Bố của Eggletina...” rồi bà ngừng. “Nghe này!” bà nói. “Cái gì đấy?”

Một rung động nhẹ vang trên gỗ - một tiếng tách ở phía xa. “Bố con đấy!” bà Homily kêu lên. “Ôi, nhìn mẹ này! Cái lược đâu rồi?”

Họ có một cái lược: một cái lược chuốt lông mày bé xíu, bằng bạc, làm từ thế kỷ mười tám lấy từ tủ ngăn kéo trong phòng khách nhỏ trên nhà. Bà Homily dùng nó để cào tóc rồi tráng qua đôi mắt đỏ tị nghiệp của mình và, khi ông Pod bước vào, bà đang mỉm cười và vuốt phẳng tạp dề xuống.

Chương 4



Ông Pod từ từ bước vào, túi vắt qua vai; ông dựng cây kim mũ với dải ruy băng lung lẳng dựa vào tường, và, ở giữa bàn ăn, ông đặt một chiếc tách trà của búp bê; nó to bằng cỡ cái bát trộn.

“Sao cơ, ông Pod...” bà Homily lên tiếng.

“Tôi lấy được cả cái đĩa nữa,” ông nói. Ông quăng cái túi xuống và mở miệng túi. “Đây này,” ông vừa nói vừa rút cái đĩa ra. “Hợp bộ đấy.”

Ông có khuôn mặt tròn như bánh bao nhân nho; tối nay nó trông chầy nhẽo.

“Ôi, ông Pod,” bà Homily nói, “trông ông lạ quá. Ông có bị làm sao không?”

Ông Pod ngồi xuống. “Tôi bình thường,” ông nói.

“Ông đã trèo lên rèm cửa,” bà Homily nói. “Ôi, ông Pod, lẽ ra ông không nên làm thế. Việc đó làm ông bị choáng...”

Mặt ông Pod toát lên vẻ khác thường, mắt ông đảo về phía Arrietty. Bà Homily nhìn ông chăm chăm, miệng há, rồi bà quay sang. “Đi nào, Arrietty,” bà nói dứt khoát, “con leo lên giường, ngay, như một cô bé ngoan, rồi mẹ sẽ đem bữa tối cho con.”

“Ôi,” Arrietty nói, “con không thể xem các đồ mượn khác được sao?”

“Bây giờ thì bố con không có gì. Chỉ có đồ ăn. Con leo lên giường đi. Con đã xem cái tách và cái đĩa rồi.”

Arrietty đi vào phòng khách để cất cuốn nhật ký, và dành chút thời gian để chỉnh cây nến trên cái giá vốn là một cây đinh ghim được quay ngược lên.

“Con đang làm trò gì vậy?” bà Homily càu nhàu. “Đưa nó đây. Đây, làm thế này. Giờ thì đi ngủ và nhớ gấp quần áo của con đấy.”

“Chúc bố ngủ ngon,” Arrietty nói rồi hôn lên cái má trắng phẳng lì của ông.

“Cẩn thận với cây nến đấy,” ông nói một cách máy móc, và nhìn theo cô bé bằng đôi mắt tròn xoe cho đến khi cô bé đã đóng cửa.

“Nào ông Pod,” bà Homily nói, khi chỉ còn riêng họ, “kể cho tôi nào. Có chuyện gì không?”

Ông Pod thần thờ nhìn bà. “Tôi đã bị ‘nhìn thấy,’” ông nói.

Bà Homily đưa một cánh tay túm lấy cạnh bàn; bà há hốc miệng kinh ngạc và từ từ ngồi xuống ghế đầu. “Ôi, ông Pod,” bà nói.

Im lặng bao trùm giữa hai người. Ông Pod nhìn bà Homily chăm chăm và bà Homily nhìn cái bàn chăm chăm. Sau giây lát bà ngẩng khuôn mặt tái nhợt lên. “Rất tệ?” bà hỏi.

Ông Pod ngọ nguậy với vẻ bồn chồn. “Tôi không biết tệ đến mức nào. Tôi đã bị ‘nhìn thấy.’ Thế không đủ tồi tệ sao?”

“Tuyệt chẳng một ai,” bà Homily chậm rãi nói, “đã từng bị ‘nhìn thấy’ kể từ sau bác Hendreary và người ta bảo bác ấy là người đầu tiên trong vòng bốn mươi lăm năm nay.” Một ý nghĩ chợt lóe lên trong bà và bà túm chặt lấy bàn. “Không được đâu, ông Pod, tôi không di cư đi đâu!”

“Có ai yêu cầu bà làm thế đâu,” ông Pod nói.

“Đi sống như Hendreary và Lupy trong hố của con lửng! Ở tận bên kia thế giới, chỗ đó là như thế đấy - ở giữa đám giun đất.”

“Chỉ cách đây hai cánh đồng, trên lùm cây,” ông Pod nói.

“Quả hạt, đó là thứ họ ăn. Và quả mọng. Tôi cũng không thắc mắc nếu họ phải ăn chuột...”

“Chính bà cũng đã ăn chuột còn gì,” ông Pod nhắc lại.

“Chỉ có gió lùa và không khí trong lành và bọn trẻ con lớn lên hoang dã. Hãy nghĩ đến Arrietty!” bà Homily nói. “Nghĩ đến cách nó đã được dạy dỗ. Là con một. Nó sẽ chết mất. Với Hendreary thì khác.”

“Tại sao?” ông Pod hỏi. “Bác ấy có năm đứa.”

“Đó mới là vấn đề,” bà Homily giải thích. “Khi ông có năm đứa, chúng phải được nuôi dưỡng một cách khắc nghiệt. Nhưng thôi giờ không bận tâm đến chuyện đó nữa... Ai đã nhìn thấy ông?”

“Một cậu bé,” ông Pod nói.

“Một cái gì?” bà Homily thốt lên, nhìn chăm chăm.

“Một cậu bé.” Ông Pod đưa hai tay phác ra một hình hài thô sơ trong không khí. “Bà biết đấy, một cậu bé.”

“Nhưng không có - ý tôi là, cậu bé kiểu gì?”

“Tôi không hiểu ý bà nói ‘cậu bé kiểu gì’ là sao. Một cậu bé mặc quần áo ngủ. Một cậu bé. Bà biết một cậu bé là gì đúng không?”

“Phải,” bà Homily nói, “tôi biết một cậu bé là gì. Những đã không còn cậu bé nào, không còn ở ngôi nhà này, từ hai mươi năm nay.”

“Ừ,” ông Pod nói, “bây giờ thì có một đứa ở đây.”

Bà Homily im lặng nhìn ông chăm chăm, và ông Pod bắt gặp ánh mắt bà. “Nó đã nhìn thấy ông ở đâu?” cuối cùng bà Homily hỏi.

“Trong phòng học.”

“Ôi,” bà Homily nói, “khi ông đang lấy cái tách?”

“Phải,” ông Pod nói.

“Ông không có mắt à?” bà Homily hỏi. “Ông không thể nhìn trước ngó sau được à?”

“Vốn dĩ chẳng bao giờ có ai trong phòng học cả. Hơn nữa,” ông nói tiếp, “hôm nay cũng không.”

“Thế thì nó ở đâu?”

“Trên giường. Trong phòng trẻ hoặc gọi bằng tên gì cũng được. Đó là chỗ của nó. Đang ngồi trên giường. Với cửa phòng mở.”

“Ừ, ông lẽ ra phải nhìn vào phòng trẻ.”

“Làm sao được - tôi đang ở lưng chừng cái rèm cửa.”

“Đó là chỗ ông đứng?”

“Ừ.”

“Với cái cốc?”

“Ừ. Tôi chẳng thể lên xuống gì được.”

“Ôi, ông Pod,” bà Homily thét lên, “lẽ ra tôi không bao giờ nên cho ông đi. Không phải ở tuổi của ông!”

“Nào, nghe này,” ông Pod nói, “đừng hiểu lầm tôi. Tôi trèo lên được. Lên như một con chim, như người ta thường nói, dù có cục bông rèm cửa hay không. Nhưng” - ông cúi người về phía bà - “sau đó - với cái tách trên tay, nếu bà hiểu ý tôi nói...” Ông nhắc nó lên khỏi bàn. “Bà hiểu không, nó khá

nặng. Ta có thể cầm quai nó, như thế này... nhưng nó sẽ rơi hay trđu xuống, có thể nói như vậy. Ta phải cầm một cái tách như thế này bằng cả hai tay. Một miếng pho mát trên giá, hay một quả táo - ừ thì, tôi sẽ thả xuống... đẩy nó một cái và nó sẽ rơi còn tôi sẽ trèo xuống trong khoảng thời gian khả năng cho phép và lấy nó. Nhưng với một cái tách - bà hiểu không? Và trong khi leo xuống ta lại phải để ý chân mình. Và, như tôi nói, vài cục bông bị mất. Ta không biết sẽ níu vào đâu, không an toàn...”

“Ồi, ông Pod,” bà Homily nói, giàn giụa nước mắt, “thế ông đã làm gì?”

“Ừ thì,” ông Pod nói, ngồi ngả lưng lại, “nó cầm lấy cái tách.”

“Ý ông là gì?” bà Homily thốt lên, sợ hãi.

Ông Pod tránh ánh mắt bà. “Ừ thì, nó đã ngồi dậy ở trên giường nhìn tôi. Tôi đã trèo lên cái rèm cửa hơn mười phút, vì cái đồng hồ ngoài hành lang vừa điểm mười lăm phút...”

“Nhưng ý ông là thế nào - ‘nó cầm lấy cái tách’?”

“Ừ thì, nó ra khỏi giường, rồi nó đứng đó, nhìn lên. ‘Cháu cầm cái tách cho,’ nó nói.”

“Ồi!” bà Homily há hốc miệng, mắt bà nhìn chăm chăm, “và ông đưa cái tách cho nó?”

“Nó lấy cái tách,” ông Pod nói, “một cách rất nhẹ nhàng. Và rồi khi tôi đã xuống, nó đưa lại cho tôi.” Bà Homily úp mặt vào tay. “Thôi đừng như thế mà,” ông Pod bứt rứt nói.

“Nó đã có thể bắt ông,” bà Homily rùng mình nói với giọng kìm nén.

“Đúng,” ông Pod nói, “nhưng nó đã đưa tôi cái tách. ‘Của ông đây,’ nó nói vậy.”

Bà Homily ngẩng mặt lên. “Chúng ta sẽ phải làm gì đây?” bà hỏi.

Ông Pod thở dài. “Ừ thì, ta tuyệt chẳng thể làm gì cả. Ngoài...”

“Ôi, không,” bà Homily kêu lên, “cái đó thì không. Không di cư. Cái đó thì không, ông Pod, bây giờ tôi đã làm được cái nhà rất đẹp và một cái đồng hồ và tất cả.”

“Chúng ta có thể đem theo cái đồng hồ,” ông Pod nói.

“Còn Arrietty? Nó thì sao? Nó không giống các anh em họ kia. Nó biết đọc, ông Pod, và khâu một món quà đẹp...”

“Thằng bé không biết chúng ta sống ở đâu,” ông Pod nói.

“Nhưng họ sẽ đi tìm,” bà Homily kêu lên. “Nhớ Hendreary không? Họ có con mèo và...”

“Này, này,” ông Pod nói, “đừng nhắc đến quá khứ nữa.”

“Nhưng ông phải suy nghĩ về chuyện đó! Họ có con mèo và...”

“Đúng,” ông Pod nói, “nhưng Eggletina thì khác.”

“Khác thế nào? Lúc đó nó bằng tuổi Arrietty bây giờ.”

“Ừ thì, họ chưa kể cho nó, bà hiểu không. Đó là sai lầm của họ. Họ cố làm cho con bé tin là tuyệt chẳng có gì khác trên đời ngoài những thứ dưới sàn nhà. Họ chẳng bao giờ kể cho nó về bà Driver hay Crampfurl. Nhất là về con mèo.”

“Lúc đó không có mèo,” bà Homily lưu ý, “cho đến khi Hendreary bị ‘nhìn thấy’.”

“Ừ thì, từ lúc đó thì đã có đấy thôi,” ông Pod nói. “Mình phải kể cho chúng, đó là điều tôi muốn nói, hoặc không thì chúng sẽ tìm cách khám phá.”

“Ông Pod,” bà Homily nghiêm nghị nói, “mình chưa kể cho Arrietty.”

“Ồ, nó biết đấy,” ông Pod nói; ông cử động vẻ không thoải mái. “Nó có cái lưới sắt của nó.”

“Nó không biết về Eggletina. Nó không biết về việc bị ‘nhìn thấy’.”

“Ừ thì,” ông Pod nói, “mình sẽ kể cho nó biết. Mình vẫn luôn nói là mình sẽ làm điều đó. Không cần vội.”

Bà Homily đứng lên. “Ông Pod,” bà nói, “mình sẽ kể cho nó biết ngay bây giờ.”

Chương 5



Arrietty không ngủ. Cô bé nằm dưới chiếc khăn trải giường bằng len đan và nhìn chăm chăm lên trần nhà. Đó là một cái trần nhà rất hay. Ông Pod đã xây phòng ngủ Arrietty bằng hai hộp xì gà, và trên trần có hình vẽ rất đẹp cảnh những phụ nữ mặc váy tơ bông bành đang thổi những chiếc kèn dài trên nền trời xanh; ở phía dưới có những cây cọ mượt như tơ và những ngôi nhà màu trắng bé xíu bao quanh một quảng trường. Đó là một hình ảnh đẹp quyến rũ, lại còn tuyệt hơn nữa trong ánh nến, nhưng tối nay Arrietty nhìn chăm chăm mà chẳng thấy gì. Gỗ của hộp xì gà mỏng manh và Arrietty, khi nằm thẳng và vẫn im lìm dưới chiếc khăn trải giường ca rô len, đã nghe thấy những giọng nói lo lắng lên lên xuống xuống. Cô bé nghe thấy tên mình; cô bé nghe thấy bà Homily kêu lên, “Quả hạt và quả mọng, đó là thứ họ ăn!” và cô bé đã nghe thấy, sau giây lát, tiếng thét đến nhói tim, “Chúng ta sẽ phải làm gì đây?”

Vậy nên khi bà Homily xuất hiện bên cạnh giường, cô bé quẩn mình ngoan ngoan trong chiếc khăn ca rô len, khẽ bước đôi chân trần dọc theo hành lang bụi bặm, cô tới ngòai cùng bố mẹ trong không khí ẩm cúng của căn bếp. Thu mình trên chiếc ghế đầu nhỏ, cô bé ngồi hai tay ôm gối, hơi run rẩy, và nhìn từ khuôn mặt này sang khuôn mặt kia.

Bà Homily đến bên cạnh cô bé rồi quỳ xuống sàn nhà và vòng tay quanh tấm vai gầy của Arrietty. “Arrietty,” bà nói với vẻ nghiêm trọng, “con có biết về tầng trên không?”

“Chuyện gì cơ ạ?” Arrietty hỏi.

“Con biết có hai người không lồ không?”

“Có,” Arrietty nói, “bà dì Sophy và bà Driver.”

“Đúng thế,” bà Homily nói, “và Crampfurl ở ngoài vườn.” Bà đặt bàn tay thô ráp lên đôi bàn tay nắm vào nhau của Arrietty. “Con có biết về bác Hendreary không?”

Arrietty nghĩ một lát. “Bác ấy đi nước ngoài?” cô bé nói.

“Di cư,” bà Homily sửa lại, “đến phía bên kia của thế giới. Cùng bác Lupy và toàn thể con cái của hai người. Đến một cái hang của con lửng - một cái lỗ bên bờ đất dưới hàng rào cây táo gai. Thế con nghĩ tại sao bác ấy lại làm thế?”

“Ồ,” Arrietty nói, mặt cô bé sáng lên, “để được ra ngoài... để được nằm dưới ánh nắng... để được chạy trên thảm cỏ... để được đu trên cành cây như những chú chim... để được mút mật ong...”

“Vớ vẩn, Arrietty,” bà Homily kêu lên gay gắt, “đó là một thói quen kinh tởm! Mà bác Hendreary của con lại là một người bị thấp khớp đấy. Bác ấy di cư,” bà nói tiếp, nhấn mạnh từng từ, “vì bác đã bị ‘nhìn thấy’.”

“Ồ,” Arrietty nói.

“Bác ấy đã bị Rosa Pickhatchet ‘nhìn thấy’ vào ngày 23 tháng Tư năm 1892, trên cái bệ lò sưởi ở phòng khách nhỏ. Trong tất cả những chỗ có thể bị nhìn thấy...” bà chột nói thêm với vẻ băn khoăn.

“Ồ,” Arrietty nói.

“Mẹ chưa bao giờ nghe thấy mà có lẽ cũng chưa ai hiểu tại sao lúc đầu bác ấy lại đi đến cái bệ lò sưởi ở phòng khách nhỏ. Chẳng có gì trên đó, bố con đã cam đoan với mẹ, mà lại không thể nhìn thấy nếu đứng từ sàn nhà hay đứng nghiêng trên cái núm cửa tủ và vịn vào chìa khóa cho vững. Đó là điều bố con làm trong những dịp hãn hữu ông từng vào phòng khách...”

“Họ nói vì một viên thuốc gan,” ông Pod chen vào.

“Ý ông là gì?” bà Homily hỏi, giật mình.

“Một viên thuốc gan cho Lupy,” ông Pod mệt mỏi nói. “Ai đó đã khơi tin đồn,” ông nói tiếp, “rằng có những viên thuốc gan trên bệ lò sưởi ở phòng khách nhỏ...”

“Ồ,” bà Homily nói, trông bà có vẻ trầm tư, “tôi chưa bao giờ nghe chuyện đó. Dù thế nào đi nữa,” bà kêu lên, “việc đó thật ngu ngốc, liều lĩnh đại dột. Không có đường xuống nào khác ngoài lối dây kéo chuông. Cô ta lau bụi vào bác ấy, họ nói thế, bằng cái chổi lông, và bác ấy đứng vô cùng im lìm, bên cạnh tượng thần tình ái, tới nỗi cô ta hẳn đã không bao giờ để ý tới nếu bác ấy không hắt xì hơi. Cô ta là người mới, con hiểu không, và chưa biết hết các vật trang trí. Ngay ở đây bên dưới cái bếp chúng ta đã nghe thấy tiếng thét của cô ta. Và sau đó họ không bao giờ bảo được cô ta làm sạch bất cứ cái gì ngoại trừ bàn ghế - nhất là cái thảm bằng da hổ.”

“Tôi hầu như tuyệt chẳng bao giờ bận tâm đến phòng khách nhỏ,” ông Pod nói. “Mọi thứ trong phòng đều có chỗ của nó, đại loại thế, nên thế nào họ cũng thấy cái gì bị mất. Có thể còn lại chút gì ở trên bàn hay ở phía dưới bên cạnh chân ghế, nhưng chẳng có gì nếu không có khách, mà tuyệt chẳng bao giờ có khách - đã chẳng có khách từ mười, hai mươi năm qua. Ngồi đây trên cái ghế này, tôi có thể kể cho bà nghe rành mạch từng thứ đồ có trong phòng khách nhỏ đó, bắt đầu từ cái tủ bên cửa sổ đến cái...”

“Có vô vàn thứ ở trong chiếc tủ đó,” bà Homily ngắt lời, “nhiều thứ trong số đó là bằng bạc đặc. Một cái violin bằng bạc đặc, họ để ở đó, dây đàn và tất cả - rất hợp với Arrietty của chúng ta.”

“Có ích gì đâu,” ông Pod hỏi, “đồ đạc đằng sau cửa kính?”

“Bố không phá được nó à?” Arrietty đề xuất. “Chỉ một góc, chỉ một cái gỗ nhẹ, chỉ một cái...” Giọng cô bé trở nên ấp úng khi cô thấy sự ngạc nhiên sừng sốt trên mặt bố.

“Nghe này, Arrietty,” bà Homily lên tiếng với giọng tức giận, và rồi tự kiểm chế lại và vỗ vào hai bàn tay đang siết chặt của Arrietty. “Nó không biết nhiều về việc đi mượn,” bà giải thích với ông Pod. “Ông không thể trách nó được.” Bà lại quay sang phía Arrietty. “Mượn là một công việc cần có kinh nghiệm, như là một nghệ thuật. Trong tất cả các gia đình đã ở trong ngôi nhà này chỉ có mỗi chúng ta còn ở lại, và con biết tại sao không? Vì bố con, Arrietty, là người mượn giỏi nhất được biết đến ở vùng này từ - ừm, trước thời của ông con. Ngay cả bác Lupy của con cũng thừa nhận như thế. Thời bố con còn trẻ mẹ đã được chứng kiến bố con đi suốt dọc cái bàn đã bày mâm, sau khi đánh keng, lấy từ mỗi đĩa một quả hạch hay một cái kẹo, và leo xuống bằng nếp gấp của chiếc khăn trải bàn ngay lúc những người đầu tiên tiến vào cửa. Bố con thường làm thế cho vui, đúng không ông Pod?”

Ông Pod mỉm cười thiếu não. “Điều đó tuyệt chẳng có ý nghĩa gì,” ông nói.

“Có thể là như thế,” bà Homily nói, “nhưng ông đã làm thế! Có ai khác dám làm thế nữa chứ?”

“Hồi đó tôi còn trẻ,” ông Pod nói. Ông thở dài và quay về phía Arrietty. “Ta không phá vỡ đồ đạc, cô bé ạ. Đó không phải là cách làm việc này. Đó không phải là đi mượn...”

“Hồi đó chúng ta giàu có,” bà Homily nói. “Ồ, chúng ta đã có những thứ đồ đáng yêu. Con mới chỉ là một đứa bé, Arrietty, nên chẳng nhớ được đâu. Chúng ta có cả một bộ nội thất bằng gỗ óc chó từ ngôi nhà búp bê và một bộ ly rượu thủy tinh xanh lục, và một hộp đựng thuốc lá bột phát nhạc, thế rồi các anh em họ đến và chúng ta tiệc tùng. Ông còn nhớ không ông Pod? Không chỉ riêng các anh em họ. Nhà Harpsichord cũng đến. Tất cả mọi người đều đến - trừ nhà Overmantel^[1] từ phòng khách. Và chúng ta đã khiêu vũ hoài khiêu vũ mãi và đám thanh niên ngồi cạnh cái lưới sắt. Cái hộp đựng thuốc đó chơi ba bài - *Clementine*, *Chúa phù hộ cho Nữ hoàng*

và *Nước kiệu xe thư tín*. Chúng ta là nỗi ghen tị của tất cả mọi người - ngay cả nhà Overmantel...”

“Nhà Overmantel là ai vậy?” Arrietty hỏi.

“Ồ, con phải nghe mẹ kể về nhà Overmantel rồi chứ nhỉ,” bà Homily kêu lên, “cái lũ vênh váo ở trên bức tường cao - ở giữa những thanh gỗ mỏng và vữa tường đặng sau bệ lò sưởi trong phòng khách. Và họ là một lũ kỳ quặc. Đàn ông thì hút thuốc liên tục vì lọ thuốc lá được để ở đó; bọn họ trèo lung tung và đi ra đi vào trên những nét chạm trổ ở phần trên cái bệ, trượt xuống những chiếc cột và khoe khoang. Phụ nữ nhà ấy cũng là một lũ kiêu ngạo, lúc nào cũng tự ngấm mình trong những miếng kính gắn trên bệ. Họ không bao giờ mời ai lên đó và mẹ thì chắc chắn chưa bao giờ muốn lên. Mẹ không chịu được độ cao, còn bố con chưa bao giờ ưa đàn ông nhà họ. Bố con bao giờ cũng sống rất đứng đắn, bố con là thế, và không chỉ riêng những hộp thuốc lá mà cả những bình rượu whisky cũng được đặt ở phòng khách và người ta nói đàn ông nhà Overmantel thường hút cặn trong ly rượu bằng những ống lông vũ dùng để thông tẩu mà con người để trên bệ lò sưởi. Mẹ không biết có thật hay không nhưng người ta nói đàn ông nhà Overmantel này thường tiệc tùng vào thứ Ba hàng tuần sau khi người quản gia đến phòng khách để bàn công việc. Năm dài ra, họ làm như thế đấy, say khướt - hoặc theo kế lại thì như thế - trên chiếc khăn trải bàn bằng nhung lông màu xanh lục, giữa đồng hộp thiếc và sổ sách kế toán...”

“Nào, bà Homily,” ông Pod phản đối, ông không thích chuyện ngồi lê đôi mách, “tôi chưa bao giờ nhìn thấy họ.”

“Nhưng ông cũng không ưa họ, ông Pod. Chính ông nói khi chúng ta kết hôn thì đừng mời gia đình Overmantel.”

“Họ ở quá cao,” ông Pod nói, “chỉ có thể thôi.”

“Ừ thì, họ là một lũ lười biếng - ông không thể bác bỏ chuyện đó. Họ chẳng bao giờ có kiểu cuộc sống tổ ấm. Họ giữ ấm vào mùa đông bằng hơi nóng

từ ngọn lửa trong phòng khách và không ăn gì khác ngoài đồ ăn sáng; bữa ăn sáng, tất nhiên, là bữa duy nhất được dọn trong phòng đó.”

“Chuyện gì đã xảy ra với họ?” Arrietty hỏi.

“Ừ thì, khi Ông chủ qua đời và Bà nằm liệt giường, thì phòng khách chẳng dùng để làm gì nữa. Thế nên nhà Overmantel phải ra đi. Họ còn có thể làm gì khác được nữa? Không thực phẩm, không lửa. Đó là một căn phòng rét buốt vào mùa đông.”

“Còn nhà Harpsichord?” Arrietty hỏi.

Bà Homily trầm ngâm. “Ừm, họ thì khác. Mẹ không nói họ không phải là người vênh váo, vì họ là như thế. Bác Lupy của con, người đã kết hôn với ông bác Hendreary, vốn là người nhà Harpsichord vì từng kết hôn với một người nhà đó và chúng ta đều biết những điệu bộ của bà ấy.”

“Nào, bà Homily...” ông Pod lên tiếng.

“Thế đấy, bà ta đâu có quyền làm như vậy. Bà ta chỉ là một người nhà Rain-Pipe^[2] đến từ chuồng ngựa cho đến khi kết hôn với Harpsichord.”

“Bác ấy không cưới bác Hendreary à?” Arrietty hỏi.

“Có, sau đó kia. Bà ấy là một góa phụ với hai đứa con và bác trai cũng góa vợ với ba đứa. Đừng nhìn tôi như thế ông Pod. Ông không thể bác bỏ được rằng bà ấy làm bác trai kiệt sức: bà ấy nghĩ kết hôn một người nhà Clock^[3] là sự hạ mình.”

“Tại sao?” Arrietty hỏi.

“Vì nhà Clock chúng ta sống ở dưới bếp, lý do là vậy đấy. Vì chúng ta không nói chuyện kiểu cách và ăn bánh nướng với cá cơm. Nhưng sống ở dưới bếp không có nghĩa là chúng ta không có học. Nhà Clock cũng là một dòng họ lâu đời không thua gì nhà Harpsichord. Con nhớ nhé, Arrietty, và

đừng để ai nói với con điều gì khác. Ông của con biết đếm và biết viết đến số - số mấy nhỉ, ông Pod?”

“Năm mươi bảy,” ông Pod nói.

“Đấy,” bà Homily nói, “năm mươi bảy! Và bố con biết đếm, như con biết đấy, Arrietty; bố con biết đếm và viết các con số, bao nhiêu là bao nhiêu số, đến tận cùng luôn. Đến số bao nhiêu nhỉ, ông Pod?”

“Gần một nghìn,” ông Pod nói.

“Thấy chưa!” bà Homily kêu lên, “và bố con biết bảng chữ cái vì bố đã dạy con, Arrietty, có phải không? Và bố con biết đầu cũng đã biết đọc - có phải không, ông Pod - nếu bố con không phải bắt đầu đi mượn lúc còn quá trẻ. Bác Hendreary và bố con đã phải ra ngoài để đi mượn hồi mười ba tuổi - ở tuổi con bây giờ, Arrietty, con thử nghĩ xem!”

“Nhưng con muốn...” Arrietty lên tiếng.

“Thế nên bố không có những lợi thế của con,” bà Homily hỗn hển nói tiếp, “và chỉ vì gia đình Harpsichord sống trong phòng khách nhỏ - họ chuyển vào đó, năm 1837, vào cái lỗ trên ván ốp chân tường ngay phía sau chỗ vẫn đặt cái đàn clavico, nếu đã từng có một cái đàn như thế thật, mẹ không tin lắm - và thực ra nhà họ vốn có tên Linen-Press^[4] hay đại loại thế và đổi thành Harpischord...”

“Họ sống bằng gì,” Arrietty hỏi, “ở trong phòng khách nhỏ?”

“Bằng bữa trà chiều,” bà Homily nói, “chẳng bằng gì ngoài bữa trà chiều. Chẳng có gì lạ khi bọn trẻ con lớn lên trông có vẻ hơi ốm yếu. Tất nhiên, hồi xưa thì khá khấm hơn - bánh rán, bánh xốp và những thức bánh kiểu đó, rồi bánh ga tô và mứt và thạch. Và có một người già nhà Harpsichord có thể nhớ được món thạch sữa của một buổi tối. Nhưng họ phải đi mượn vôi vôi vàng vàng, tội nghiệp. Những ngày mưa, khi con người ngồi cả buổi chiều trong phòng khách nhỏ, bữa trà được bê vào và lại đem ra mà

không có cơ hội cho gia đình Harpsichord đến gần - hôm nào đẹp trời thì có khi bữa trà lại được bê ra ngoài vườn. Bác Lupy kể cho mẹ biết, nhiều khi, ngày qua ngày họ phải sống bằng vụn bánh và nước từ các lọ hoa. Vì thế ta không được đánh giá họ quá nặng nề; sự an ủi duy nhất của họ, tội nghiệp họ, là khoe khoang một chút và mặc đồ sang trọng rồi nói chuyện như các quý ông quý bà. Con đã bao giờ nghe bác Lupy nói chuyện chưa?”

“Rồi. Chưa. Con không thể nhớ.”

“Ồ, con phải nghe bác ấy nói ‘ván lát sàn’ - đó là thứ làm sàn trong phòng khách nhỏ - ‘ván nát... ván nát,’ bà ấy nói. Ôi, thật đáng yêu. Nói mới nhớ ra, bác Lupy của con từng là người vênh váo nhất trong số họ...”

“Arrietty đang run cầm cập kìa,” ông Pod nói. “Có phải chúng ta đánh thức con bé dậy để nói chuyện về bác Lupy đâu.”

“Ồ tất nhiên là không rồi,” bà Homily kêu lên, bất chợt hồi lỗi. “Lẽ ra ông phải ngăn tôi, ông Pod. Đây, con cừ non của mẹ, quần cái chần này quanh mình rồi mẹ sẽ đi lấy cho con một giọt xúp ngon lành nóng hổi!”

“Ấy thế nhưng,” ông Pod nói trong khi Hoimily đang tắt tả bên bếp, múc xúp vào một tách trà, “chúng ta đã làm.”

“Đã làm gì?” bà Homily hỏi.

“Đánh thức nó dậy để kể về bác Lupy. Bác Lupy, bác Hendreary và” - ông ngừng lại - “Eggletina.”

“Để nó uống hết chỗ xúp đã,” bà Homily nói.

“Không có lý do gì để nó ngừng uống xúp cả,” ông Pod nói.

Chương 6



“Bố mẹ đánh thức con dậy,” ông Pod nói, “để kể cho con về trên nhà.”

Arrietty, cầm cái tách lớn trong hai tay, nhìn ông qua miệng tách.

Ông Pod ho lên. “Cách đây khá lâu con có nói bầu trời có màu nâu thẫm với những vết nứt. Ừ, không phải như thế đâu.” Ông nhìn cô bé gần như với vẻ trách móc. “Nó màu xanh.”

“Con biết,” Arrietty nói.

“Con biết ư?” ông Pod kêu lên.

“Vâng, tất nhiên là con biết. Con có cái lưới.”

“Con có thể nhìn thấy bầu trời qua cái lưới ư?”

“Kể đi,” bà Homily ngắt lời, “kể cho nó biết về những cái công.”

“Ừm,” ông Pod từ tốn nói, “nếu ra ngoài phòng này, con sẽ nhìn thấy gì?”

“Một hành lang tối,” Arrietty nói.

“Và gì nữa?”

“Những căn phòng khác.”

“Và nếu đi xa hơn nữa?”

“Thêm nhiều hành lang.”

“Và, nếu cứ đi tiếp và tiếp nữa, qua tất cả các hành lang dưới sàn nhà, dù nó lắt léo đến mấy, con sẽ thấy gì?”

“Những cái cống,” Arrietty nói.

“Những cái cống kiên cố,” ông Pod nói, “những cái cống mà con không mở được. Chúng ở đó để làm gì?”

“Để chống chuột?” Arrietty nói.

“Phải,” ông Pod ngập ngừng đồng ý, như thể ông đang cho cô bé một nửa điểm, “nhưng chuột nhắt chẳng bao giờ làm hại ai. Còn gì nữa?”

“Chuột cống?” Arrietty gợi ý.

“Ở đây không có chuột cống,” ông Pod nói. “Thế còn mèo?”

“Mèo?” Arrietty lặp lại, ngạc nhiên.

“Hoặc để nhốt con ở trong?” ông Pod gợi ý.

“Để nhốt con ở trong?” Arrietty nhắc lại, thất thần.

“Trên nhà là một nơi nguy hiểm,” ông Pod nói. “Và con, Arrietty, con là tất cả với bố mẹ, hiểu không? Không như bác Hendreary - bác ấy vẫn còn có hai đứa con riêng và hai đứa của bác gái. Có một thời,” ông Pod nói, “bác Hendreary có ba - ba đứa con riêng.”

“Bố của con đang nghĩ đến Eggletina,” bà Homily nói.

“Ừ,” ông Pod nói, “Eggletina. Họ không bao giờ kể với nó về trên nhà. Và họ tuyệt chẳng có lưới sắt. Họ nói với nó rằng bầu trời được đóng đinh treo lên, kiểu thế, với những vết nứt...”

“Một cách dạy bảo trẻ con thật ngu ngốc,” bà Homily lẩm bẩm. Bà hít nhẹ và vuốt tóc Arrietty.

“Nhưng Eggletina không phải đứa ngu ngốc,” ông Pod nói, “nó không tin họ. Rồi một ngày,” ông nói tiếp, “nó đã lên trên nhà để tự mình xem.”

“Làm sao chị ấy ra ngoài được?” Arrietty hỏi, thích thú.

“Ừ, lúc đó chúng ta không có nhiều cổng lắm. Chỉ có cái cổng ở dưới đồng hồ. Bác Hendreary chắc đã không khóa hoặc sao đó. Dù sao đi nữa, Eggletina cũng đã ra ngoài...”

“Mặc váy màu xanh biển,” bà Homily nói, “và đi đôi ủng có nút mà bố con đã đóng cho, bằng da dê non màu vàng với hạt huyền làm nút. Đôi ủng thật đáng yêu.”

“Ừm,” ông Pod nói, “nếu là bất cứ lúc nào khác thì có thể đã không sao. Nó đã ra ngoài, nhìn xung quanh, hơi sợ hãi, có thể thế, và quay lại - vô thường vô phạt...”

“Nhưng đã có những chuyện xảy ra,” bà Homily nói.

“Phải,” ông Pod nói, “nó không biết, vì họ không hề kể cho nó biết, là bố của nó đã bị ‘nhìn thấy’ và ở trên nhà họ đã có một con mèo và...”

“Họ đợi một tuần,” bà Homily nói, “rồi họ đợi một tháng và họ hy vọng trong một năm nhưng tuyệt chẳng còn ai nhìn thấy Eggletina lần nào nữa.”

“Và đó,” ông Pod nói sau giây lát tạm ngừng và nhìn Arrietty chăm chú, “là điều đã xảy ra với Eggletina.”

Im lặng, ngoại trừ tiếng thở của ông Pod và tiếng lục bục khe khẽ của nôi xúp.

“Việc đó đã làm bác Hendreary của con suy sụp,” cuối cùng bà Homily nói. “Bác ấy không bao giờ lên trên nhà nữa - chẳng may, bác ấy nói, nhờ bác ấy tìm thấy đôi ủng có nút. Tương lai duy nhất của họ là di cư.”

Arrietty im lặng một lúc, rồi cô bé ngẩng đầu lên.

“Tại sao bố mẹ kể cho con?” cô bé hỏi. “Vào lúc này? Đêm nay?”

Bà Homily đứng dậy. Bà bồn chồn đi về phía bếp. “Bố mẹ không bao giờ nói về chuyện đó,” bà nói, “ít ra là không nhiều, nhưng, đêm nay, bố mẹ thấy...” Bà quay ngoắt lại. “Ừm, bố mẹ sẽ nói thẳng ra: bố con đã bị ‘nhìn thấy,’ Arrietty ạ!”

“Ôi!” Arrietty nói, “ai?”

“Ừm, bị một - một thứ con chưa bao giờ nghe đến. Nhưng đó không phải là vấn đề: vấn đề là...”

“Mẹ nghĩ họ sẽ nuôi một con mèo?”

“Họ có thể,” bà Homily nói.

Arrietty đặt xúp xuống một lát; cô bé nhìn chăm chú vào cái tách trên sàn nhà bên cạnh mình, nó cao gần tới đầu gối cô; có vẻ gì đó mơ mộng, bí ẩn trên khuôn mặt đang cúi xuống của cô bé. “Chúng ta không thể di cư sao?” cuối cùng cô bé đánh bạo nói, với giọng thỏ thẻ.

Bà Homily há hốc miệng kinh ngạc và siết chặt hai bàn tay rồi quay ngoắt về phía bức tường. “Con không biết con đang nói gì đâu,” bà kêu lên, nói với chiếc chảo nướng đang treo trên tường. “Bọn giun và chồn rồi lạnh và ẩm và...”

“Nhưng lỡ như,” Arrietty nói, “con đi ra ngoài, như Eggletina đã làm, và mèo ăn thịt con. Lúc đó bố mẹ sẽ di cư, đúng không?” cô bé hỏi, và giọng nói trở nên ấp úng. “Đúng không?”

Bà Homily quay phắt lại lần nữa, lần này là về phía Arrietty; mặt bà trông rất giận dữ. “Mẹ sẽ đánh con, Arrietty Clock, nếu con không cư xử cho ngoan ngoãn ngay lập tức!”

Đôi mắt Arrietty đăm lẹ. “Con chỉ đang nghĩ,” cô bé nói, “là con thích được ở đó - cũng được di cư. Không bị ăn thịt,” cô bé thỏ thẻ nói thêm và những

giọt nước mắt bắt đầu rơi.

“Thôi,” ông Pod nói, “thế là đủ rồi! Con lên giường đi, Arrietty, không bị ăn thịt và không bị đánh - và chúng ta sẽ nói về việc này vào sáng mai.”

“Không phải là con sợ đâu,” Arrietty kêu lên giận dữ, “Con thích mèo. Con tin chắc con mèo đã không ăn thịt Eggletina. Con cược là chị ấy chỉ bỏ nhà đi vì chị ấy ghét bị giam trong lồng... ngày này qua ngày khác... tuần này qua tuần khác... năm này qua năm khác... Như con!” cô bé nói thêm với tiếng khóc nức nở.

“Bị giam trong lồng!” bà Homily nhắc lại, kinh ngạc.

Arrietty úp mặt vào đôi bàn tay. “Những cái cống...” cô bé nói hốt hển, “những cái cống, cống, cống...”

Ông Pod và bà Homily nhìn nhau trân trân qua đôi vai thông xuống của Arrietty. “Bà tuyệt chẳng nên đưa ra chuyện này,” ông nói vẻ không vui, “không nên vào lúc đêm khuya...”

Arrietty ngẩng mặt lên với những dòng nước mắt tuôn chảy. “Khuya hay sớm cũng có gì khác đâu?” cô bé kêu lên. “Ôi, con biết bố là một Người Vay Mượn rất giỏi. Con biết chúng ta đã xoay sở để ở lại được khi tất cả những người khác phải ra đi. Nhưng rốt cuộc nó đã đem lại cái lợi gì cho chúng ta chứ? Con không nghĩ là khôn ngoan khi sống một mình, mãi mãi và mãi mãi, ở trong một ngôi nhà to lớn, gần như vắng tanh; ở dưới sàn nhà, không có ai để nói chuyện, không có ai để chơi cùng, không có gì nhìn ngoài bụi và hành lang, không có ánh sáng nào ngoài ánh nến và ánh lửa và thứ lọt qua các vết nứt. Eggletina đã có anh em và Eggletina còn có anh em dượng; Eggletina có một con chuột thuần; Eggletina có đôi ủng màu vàng với những nút hạt huyền, và Eggletina đã ra ngoài - chỉ một lần!”

“Suyt,” ông Pod nhẹ nhàng nói, “đừng nói to thế.” Ở trên đầu họ sàn nhà kêu cọt kẹt và có tiếng bước chân nặng nề đi lại. Họ nghe thấy giọng cầu nhàu của bà Driver và tiếng lách cách của que sắt cời lửa. “Chết tiệt cái bếp

này,” họ nghe thấy bà nói, “lại có gió Đông rồi.” Rồi họ nghe thấy bà cất giọng gọi, “Crampfurl!”

Pod ủ rũ nhìn sàn nhà một cách chăm chú; Arrietty hơi run rẩy và thu mình chặt hơn vào trong chiếc chăn đan còn bà Homily hít một hơi dài và chậm. Bất chợt bà ngẩng đầu lên.

“Con bé nói đúng,” bà tuyên bố chắc nịch.

Mắt Arrietty tròn xoe. “Ôi, không...” cô bé cất giọng. Cô bé bị bất ngờ vì được cho là đúng. Bố mẹ luôn đúng, con cái thì không. Con cái có thể nói bất cứ chuyện gì, Arrietty biết, và cứ tha hồ mà nói - biết chúng luôn được an toàn và luôn sai.

“Ông hiểu không, ông Pod,” bà Homily nói tiếp, “thời của tôi với ông thì khác lắm. Lúc đó có các gia đình khác, những đứa trẻ con khác... nhà Sink^[5] ở trong phòng rửa bát, ông nhớ không? Và những người sống ở sau cái máy mài dao ấy - giờ tôi quên mất tên họ rồi. Và những chàng trai nhà Broom-Cupboard^[6]. Rồi còn có lối đi dưới lòng đất từ chuồng ngựa - ông biết đấy, lối mà gia đình Rain-Pipe đã dùng. Chúng ta đã từng có, có thể nói vậy, nhiều tự do hơn.”

“À, đúng,” ông Pod nói, “theo một cách nào đó. Nhưng tự do sẽ đưa bà đến đâu?” Ông ngập ngừng nhìn lên. “Bây giờ tất cả họ đang ở đâu chứ?”

“Một số đã có cuộc sống tốt hơn, tôi nghĩ chắc thế,” bà Homily gay gắt nói. “Thời gian đã thay đổi toàn bộ ngôi nhà này. Đồ thừa không như hồi trước. Có những người đã ra đi, ông nhớ chứ, khi họ đào rãnh cho ống ga. Xuyên qua những cánh đồng, và xuyên qua khu rừng, và tất cả. Một loại đường hầm cho họ, đến tận Leighton Buzzard.”

“Và họ đã tìm thấy gì ở đó?” ông Pod hỏi với giọng chẳng mấy nhã nhặn. “Một núi than!”

Homily quay đi. “Arrietty,” bà nói, với cùng một giọng chắc nịch, “nếu một ngày - chúng ta chọn một ngày đặc biệt khi không có ai ở đây, và nếu họ không mang con mèo về mà mẹ có những lý do riêng để nghĩ rằng họ sẽ không mang - nếu, một ngày, bố con dẫn con ra ngoài đi mượn, con sẽ là cô gái ngoan chứ? Con sẽ chỉ làm điều gì bố bảo, nhanh và khế và không bàn cãi?”

Mặt Arrietty ửng hồng; cô bé siết hai tay vào nhau. “Ôi...” cô bé bắt đầu bằng một giọng sung sướng, nhưng ông Pod nhanh chóng xen vào:

“Này, bà Homily, chúng ta cần phải suy nghĩ. Bà không thể cứ nói những chuyện như thế mà không suy nghĩ kỹ càng. Tôi đã bị ‘nhìn thấy’, bà nhớ không? Bây giờ không phải lúc dẫn một đứa trẻ lên trên nhà.”

“Sẽ không có mèo đâu,” bà Homily nói, “không có tiếng thét lên. Không phải như cái lần với Rosa Pickhatchet.”

“Dù sao đi nữa,” ông Pod ngập ngừng nói, “vẫn có nguy hiểm. Trước nay tôi tuyệt chẳng bao giờ nghe thấy đứa *con gái* nào đi mượn cả.”

“Tôi thì thấy rằng,” bà Homily nói, “và chỉ bây giờ ý nghĩ đó mới đến với tôi; giá như ông có đứa con trai thì ông đã dẫn nó đi mượn, đúng không? Ừ thì, ông không có con trai mà chỉ có Arrietty. Giả dụ bất cứ điều gì đó xảy đến với ông hay với tôi, Arrietty sẽ thế nào nếu nó chưa học đi mượn?”

Pod nhìn chằm chằm xuống đầu gối mình. “Ừ,” ông nói sau giây lát, “tôi hiểu ý bà.”

“Và việc đó sẽ cho nó một chút hứng thú, kiểu thế, và ngăn nó tiếp tục mơ ước.”

“Mơ ước gì?”

“Mơ ước bầu trời xanh và cỏ và những thứ như thế.” Arrietty thở mạnh và bà Homily quay phắt về phía cô bé, “Không hay đâu, Arrietty, mẹ sẽ không di cư - vì con hay bất cứ ai khác!”

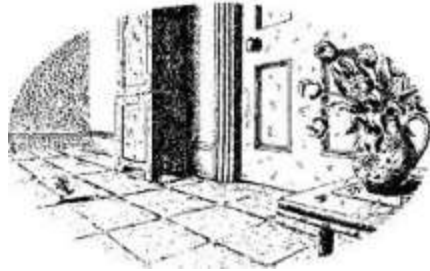
“À,” ông Pod nói và bắt đầu cười, “thế ra là vì việc đó!”

“Suýt!” bà Homily nói, bực mình, và liếc nhanh lên trần nhà. “Đừng nói to như thế! Thôi, con hôn bố đi, Arrietty,” bà lanh lợi nói tiếp, “rồi trở lại giường đi.”

Trong khi rúc xuống dưới chăn Arrietty cảm thấy, lan lên từ các ngón chân, một dòng hạnh phúc giống luồng hơi ấm. Cô bé nghe thấy giọng to nhỏ ở phòng bên cạnh: giọng nói của bà Homily vẫn tiếp tục đều đều, thận trọng và chắc chắn - Arrietty cảm thấy có một sự vững tin đằng sau đó; đó là giọng nói chiến thắng. Có lúc cô bé nghe thấy ông Pod đứng dậy và tiếng ken két của cái ghế. “Tôi không thích chuyện đó!” cô bé nghe thấy ông nói. Và cô bé nghe thấy bà Homily nói thầm “Suýt!” và có tiếng chân đi lại rất to trên sàn ở phía trên và tiếng loảng xoảng bất thành hình của những chiếc chảo.

Arrietty, hơi thêm thiệp, nhìn lên trần nhà vẽ tranh của mình. “Flor de Havanna,” những tấm biểu ngữ tự hào tuyên bố. “Garantizados... Superiores... Non Plus Ultra... Esquisitos...” và các quý cô mảnh dẻ đáng yêu đang thổi kèn, im lặng, khải hoàn, những nốt nhạc câm lặng của niềm hân hoan...

Chương 7



Trong ba tuần sau đó Arrietty đặc biệt “ngoan ngoãn”: cô bé giúp mẹ dọn dẹp phòng kho; cô bé quét và tưới nước cho các hành lang và giậm giậm nền đất xuống: cô bé lựa chọn và phân loại hạt huyền (mà họ dùng để làm nút) cho vào nút xoáy của các lọ thuốc nhức đầu; cô bé cắt những chiếc găng tay cũ của trẻ con thành các ô vuông dùng vào việc đóng giày của ông Pod; cô bé mài những cái kim bằng xương cá sắc như kim của con ong; cô bé phơi đồ giặt ở cạnh cái lưới sắt làm cho đồ giặt bay trong gió nhẹ; và cái ngày đó cuối cùng đã đến - cái ngày đáng sợ, tuyệt vời, sẽ không bao giờ quên được - khi bà Homily, đang kỳ cọ bàn bếp, đuổi thẳng lưng và gọi, “Ông Pod!”

Ông đi vào từ phòng làm việc của mình, khuôn giày trên tay.

“Nhìn cái bàn chải này!” bà Homily kêu lên. Đó là một cái bàn chải bằng sợi mặt sau được bện.

“Ừ,” ông Pod nói, “mòn rồi.”

“Giờ nó cứ làm xước các đốt ngón tay tôi,” bà Homily nói, “mỗi lần tôi kỳ cọ.”

Ông Pod trông có vẻ lo lắng. Từ khi ông bị “nhìn thấy”, họ đã hạn chế việc đi mượn chỉ nội trong khu vực bếp, những đồ cần thiết tối thiểu như nhiên liệu và thực phẩm. Có một cái lỗ chuột cũ bên dưới bếp lò ở trên nhà mà, ban đêm khi ngọn lửa đã tắt hay rất yếu, ông Pod có thể dùng như một cầu

trượt để khỏi phải bê vác. Từ sau việc xảy ra trên rèm cửa sổ họ đã đẩy một cái tủ với những ngăn kéo bằng hộp diêm vào bên dưới lỗ chuột, và đặt một chiếc ghế trên cái tủ ngăn kéo; và ông Pod, nhờ có bà Homily đẩy và hỗ trợ, đã học được cách lách lên chiếc cầu trượt thay vì xuống. Bằng cách này ông không phải mạo hiểm ra hành lang lớn và các lối đi; ông có thể chạy vụt ra, từ bên dưới cái bếp lò màu đen to tướng trong bếp, để lấy một cây đinh hương hay củ cà rốt hoặc một miếng thịt hun khói ngon lành. Nhưng đó không phải là cách sắp xếp thỏa đáng: ngay cả khi bếp lửa đã tắt, thường vẫn có tro nóng và than cháy dở dưới bếp lò và có lần, khi ông đang đi ra, một cái chổi khổng lồ trên tay bà Driver tiến về phía ông; và ông trượt trở xuống, đè lên bà Homily, cháy sém, run rẩy, và ho vì bụi. Một lần khác, vì lý do nào đó, bếp lửa đang cháy to thì ông Pod bất ngờ đến bên dưới cái địa ngục rực rỡ đang bắn tung ra những miếng than nóng trắng ấy. Nhưng thông thường, vào ban đêm, ngọn lửa đã tắt, và ông Pod có thể lần đường tránh những miếng than cháy dở để vào trong bếp.

“Bà Driver đang ở ngoài,” bà Homily nói tiếp. “Hôm nay là ngày nghỉ của bà ấy. Và Bà...” - họ luôn gọi bà dì Sophy là “Bà” - “đang yên ổn trên giường.”

“Họ không phải là người làm tôi lo lắng,” ông Pod nói.

“Tại sao,” bà Homily kêu lên gay gắt, “cậu bé không còn ở đây đúng không?”

“Tôi không biết,” ông Pod nói, “luôn có rủi ro,” ông nói thêm.

“Và sẽ luôn luôn có,” bà Homily đáp lại, “như khi ông ở trong hầm chứa than và xe than đến.”

“Nhưng hai người kia,” ông Pod nói, “bà Driver và Bà, tôi luôn biết họ đang ở đâu, kiểu thế.”

“Về chuyện đó thì,” bà Homily kêu lên, “một cậu bé còn tốt hơn. Ta có thể nghe thấy một cậu bé từ xa một dặm. Thôi,” bà nói tiếp sau giây lát, “làm

theo ý ông đi. Nhưng nói về rủi ro thì thật chẳng giống ông tí nào...”

Ông Pod thở dài. “Được rồi,” ông nói và quay đi để lấy cái túi đi mượn của mình.

“Đem con bé theo,” bà Homily nói với ông.

Ông Pod quay lại. “Này, bà Homily,” ông cất giọng sợ hãi.

“Tại sao không?” bà Homily hỏi gay gắt. “Đã đến ngày đó. Ông không vượt quá cửa ra vào. Nếu cảm thấy lo lắng thì ông có thể để con bé lại cạnh cái đồng hồ, sẵn sàng chạy vụt vào bên dưới, xuống cái lỗ. Dù sao cũng để cho nó *nhìn thấy* chứ. Arrietty!”

Trong khi Arrietty chạy vào, ông Pod thử lại lần nữa. “Này nghe đây, bà Homily...” ông phản đối.

Bà Homily phớt lờ ông. “Arrietty,” bà phấn khởi nói, “con có muốn đi cùng bố và mượn cho mẹ những chiếc lông thảm cửa ở hành lang để làm bàn chải không?”

Arrietty khẽ nháy cẳng lên. “Ôi,” cô bé kêu lên, “con được đi ư?”

“Ừ, cởi cái tạp dề ra,” bà Homily nói, “và thay ủng đi. Con cần đôi giày nhẹ khi mượn - nên đi đôi giày da đỏ.” Và rồi trong khi Arrietty quay đi, bà Homily quay về phía ông Pod. “Con bé sẽ ổn thôi,” bà nói, “rồi ông xem.”

Trong khi theo bố mình xuống lối đi, tim Arrietty bắt đầu đập nhanh hơn. Giờ đây khi cuối cùng lúc đó đã đến cô bé cảm thấy nó gần như quá sức chịu đựng. Cô bé cảm thấy hơi choáng váng, run rẩy, và trống rỗng vì phấn khích.

Họ có ba cái túi đi mượn giữa hai người (“Phòng trường hợp chúng ta nhặt được cái gì đó,” ông Pod giải thích. “Một Người Vay Mượn kém cỏi sẽ mất nhiều cơ hội vì thiếu một chiếc túi dự phòng.”) và ông Pod để những chiếc túi đó xuống để mở cánh cổng đầu tiên, được chốt bằng một cái kim băng.

Đó là một cái kim băng to, cài quá căng nên không thể mở bằng những bàn tay nhỏ bé, và Arrietty nhìn bố mình đu cả trọng lượng của cơ thể trên thanh kim và hai chân ông nhấc bổng lên khỏi nền nhà. Đu mình bằng hai tay, ông chuyển trọng lượng cơ thể theo thanh kim về phía vòng chốt và, khi ông chuyển động, cái kim băng bật ra và cùng lúc ông cũng nhảy bật ra. “Con không làm được việc đó đâu,” ông vừa nhận xét vừa phui bụi trên tay, “quá nhẹ. Mẹ con cũng không. Bây giờ đi theo bố. Khẽ thôi...”

Có những cái cổng khác; tất cả ông Pod đều để mở (“Không bao giờ được đóng cửa khi đang đi ra,” ông thì thầm giải thích, “con có thể phải quay lại gấp.”) và, sau giây lát, Arrietty nhìn thấy một ánh sáng mờ mờ ở cuối lối đi. Cô bé kéo tay áo của bố. “Đấy ư?” cô bé nói thầm.

Ông Pod đứng im. “Bây giờ khẽ thôi,” ông căn dặn cô bé. “Ừ, nó đấy: cái lỗ ở dưới đồng hồ!” Khi ông nói những từ này, Arrietty cảm thấy không thờ nổi nhưng bề ngoài cô không để lộ ra. “Có ba bậc thang dẫn lên đó,” ông Pod nói tiếp, “hơi dốc, vì thế con hãy chú ý bước đi của mình. Khi con đến dưới đồng hồ thì phải dừng lại đó; đừng để ý nghĩ con sao nhãng và dõi mắt theo bố: nếu không có ai, bố sẽ ra hiệu cho con.”

Các bậc thang cao và hơi gập ghềnh nhưng Arrietty bước lên nhẹ hơn ông Pod. Khi cô bé trèo qua các cạnh lởm chởm của miệng lỗ cô bé chợt thoáng thấy ánh vàng nung chảy chói lọi: đó là ánh sáng mặt trời mùa xuân trên những viên đá sáng màu của sàn hành lang. Đứng thẳng dậy, cô bé không thể nhìn thấy điều này nữa; cô bé chỉ nhìn thấy những hõm tối trong cái hộp vĩ đại phía trên mình và nét mờ của những vật treo nặng. Bóng tối trống rỗng xung quanh cô bé rung động theo âm thanh; đó là một âm thanh an toàn - vững chắc và đều đặn; và cách xa bên trên đầu mình, cô bé nhìn thấy chuyển động của quả lắc; nó hơi sáng bóng lên trong không gian tranh tối tranh sáng, tách biệt và cân trọng với sự đánh đu nhịp nhàng. Arrietty cảm thấy nước mắt ấm sau mi mắt mình và một niềm tự hào chợt dâng lên: vậy đây rốt cuộc là Clock! Cái đồng hồ của họ... họ đã được đặt tên theo

nó! Hai trăm năm qua nó đã đứng ở đây, trầm tiếng và nhẵn nại, canh gác ngưỡng cửa của họ, và đo thời gian của họ.

Nhưng cô bé thấy ông Pod cúi xuống dưới cái vòm cửa chạm trổ ngược sáng. “Dõi mắt theo bố nhé,” ông nói, vì thế Arrietty cũng cúi xuống. Cô bé nhìn thấy sàn hành lang bằng đá màu vàng ánh kim vươn dài xa tắp; cô bé nhìn thấy các cạnh thảm, như những hòn đảo nhiều màu sắc trên một biển kim loại nung chảy, và cô bé nhìn thấy, trong vẻ huy hoàng của ánh mặt trời - như một cánh cổng vào thế giới thần tiên trong giấc mơ - cửa chính đang mở. Phía sau nó cô bé nhìn thấy cỏ và, in trên nền trời xanh trong, một chiếc lá lược xanh lục vẫy vẫy.

Ông Pod nhìn xung quanh. “Hãy đợi,” ông khẽ nói trong hơi thở, “và nhìn.” Và rồi như một tia chớp ông biến mất.

Arrietty nhìn thấy ông chạy vội vàng ngang qua sàn nhà sáng ánh mặt trời. Ông chạy nhanh - như một con chuột hoặc như một chiếc lá bị gió thổi - và đột nhiên cô bé thấy ông như “nhỏ bé”. “Nhưng,” cô bé tự nhủ, “bố không nhỏ bé. Bố cao hơn mẹ nửa cái đầu...” Cô bé nhìn ông chạy vòng qua một hòn đảo thảm màu nâu vào khoảng tối bên cạnh cái cửa. Ở đó, có vẻ như ông trở nên vô hình.

Arrietty quan sát và chờ đợi. Tất cả đều yên lặng trừ tiếng động vùn vụt bất thành linh trong chiếc đồng hồ. Một tiếng động vùn vụt nghiêng rít, trên cao trong khoảng rỗng tối tăm trên đầu cô bé, rồi tiếng trượt kim loại của cái lưới sắt trước khi chiếc đồng hồ ngân lên tiếng chuông. Đồng hồ đánh ba tiếng, khoan thai và êm dịu, “Lấy hay bỏ,” chúng dường như đang nói, “nhưng thời gian vẫn là thời gian...”

Có một sự di chuyển đột ngột ở gần cái rầm đỡ khuất bóng nơi cửa chính và ông Pod lại xuất hiện, với chiếc túi trên tay, bên cạnh cái thảm; cái thảm cao tới gối phía trước ông như một cánh đồng cây hạt dẻ. Arrietty nhìn thấy ông lướt về phía đồng hồ và rồi cô bé nhìn thấy ông giơ tay lên.

Ôi, sự ấm áp của những viên đá lát khi cô bé chạy ngang qua sàn... ánh mặt trời vui vẻ trên khuôn mặt và bàn tay cô bé... cái không gian đáng sợ trên đầu và xung quanh cô bé! Cuối cùng thì ông Pod tóm được cô bé giữ lại, rồi vỗ vai cô bé. “Nào, nào...” ông nói, “nghỉ một chút đi nào - bé ngoan!”

Khẽ thở hỗn hển, Arrietty nhìn xung quanh mình. Cô bé nhìn thấy những chiếc chân ghế khổng lồ hướng thẳng lên ánh sáng mặt trời; cô bé nhìn thấy những phần phía dưới khuất bóng của mặt ghế trải ra bên trên cô bé như những mái vòm; cô bé nhìn thấy những cái đinh và dây buộc bằng da và những miếng vải lụa và dây; cô bé nhìn thấy những bậc thang cao như vách đá, leo lên rất cao, cao nữa và cao nữa... cô bé nhìn thấy các chân bàn chạm trổ và một cái hang ở bên dưới tủ. Và trong suốt thời gian đó, trong sự yên lặng, chiếc đồng hồ nói - đo những giây phút, trải ra từng lớp sóng âm êm đềm.

Và rồi, quay đi, Arrietty nhìn ra khu vườn. Cô bé nhìn thấy một lối đi rải sỏi, đầy những hòn sỏi màu - bằng cỡ quả óc chó, rải rác đây đó là một lá cỏ trời lên ở giữa, xanh trong suốt trước ánh mặt trời. Phía sau lối đi cô bé nhìn thấy một bờ cỏ mọc dốc lên tới một hàng rào bằng những bụi cây um tùm; và phía sau hàng rào, cô bé nhìn thấy cây quả, rục rỡ nở hoa.

“Đây là một cái túi,” ông Pod thì thầm với giọng khàn khàn, “bắt tay vào việc thôi.”

Một cách ngoan ngoãn Arrietty bắt đầu dứt những cái lông; chúng cứng và phủ bụi. Ông Pod làm việc nhanh nhẹn và cẩn thận, gom lại thành những bó nhỏ, và bỏ ngay từng bó vào túi. “Nếu con bất thành linh phải chạy,” ông giải thích, “con sẽ tuyệt chẳng muốn để lại cái gì cả.”

“Làm thế này thì đau tay lắm,” Arrietty nói, “đúng không?” Và cô bé bất chợt hắt hơi.

“Tay bố không bị đau,” ông Pod nói, “nó đã chai sạn rồi, kiểu thế,” và Arrietty lại hắt hơi lần nữa.

“Bụi nhỉ?” cô bé nói.

Ông Pod đứng thẳng lưng lên. “Đừng dứt những cái lông buộc thẳng vào thảm,” ông vừa nói vừa quan sát cô bé. “Làm thế thì bị đau tay là đúng thôi. Nghe đây,” ông kêu lên sau giây lát, “con để đó đi! Đây là lần đầu tiên con lên nhà. Con hãy ngồi trên thềm kia và ngắm nhìn ra ngoài cửa.”

“Ôi, không...” Arrietty cất tiếng (“Nếu mình không giúp, bố sẽ không muốn mình đi theo lần nữa,” cô bé nghĩ), nhưng ông Pod cứ khăng khăng.

“Bố làm việc một mình tốt hơn,” ông nói. “Bố có thể tự chọn những cái lông ấy, nếu con hiểu ý bố, bố là người phải làm cái bàn chải.”

Chương 8



Bậc thềm ấm áp nhưng rất cao. “Nếu đi xuống lối đi,” Arrietty nghĩ, “mình có thể không trở lên lại được,” vì thế cô bé ngồi im lặng giây lát. Một lúc sau cô bé để ý đến cái gạt bùn cho đế giày.

“Arrietty,” ông Pod khẽ gọi, “con đi đâu rồi?”

“Con vừa trèo xuống cái gạt bùn,” cô bé trả lời.

Ông đi đến và nhìn xuống cô bé từ bậc thềm trên cùng. “Không sao đâu,” ông nói sau khi nhìn chăm chú cô bé một lúc, “nhưng đừng bao giờ trèo xuống cái gì không cố định. Giả sử một người đến và di chuyển cái gạt bùn, lúc đó con sẽ làm sao? Con sẽ lên lại bằng cách nào?”

“Di chuyển nó rất nặng,” Arrietty nói.

“Có thể,” ông Pod nói, “nhưng nó di chuyển được. Con hiểu ý bố chứ? Có những quy định, con gái ạ, và con phải học.”

“Lối đi này,” Arrietty nói, “chạy quanh ngôi nhà. Và bờ cỏ cũng thế.”

“Ừ,” ông Pod nói, “thì sao?”

Arrietty cọ chiếc giày da dê đỏ vào một hòn đá tròn. “Cái lưới sắt tường của con,” cô bé giải thích. “Con nghĩ nó phải ở ngay sau góc nhà. Cái lưới sắt của con nhìn ra bờ cỏ này.”

“Cái lưới sắt của con!” ông Pod kêu lên. “Bắt đầu từ bao giờ nó đã trở thành cái lưới sắt của con vậy?”

“Con đang nghĩ,” Arrietty nói tiếp. “Giả sử con đi vòng ra sau góc nhà và gọi mẹ qua cái lưới sắt thì sao nhỉ?”

“Không,” ông Pod nói, “chúng ta nhất định sẽ tuyệt chẳng làm thế. Sẽ không đi vòng ra các góc nhà.”

“Nếu thế,” Arrietty nói tiếp, “mẹ sẽ biết con không làm sao.”

“Thôi,” ông Pod nói, và rồi ông hơi mỉm cười, “thế thì đi nhanh lên mà gọi. Bố sẽ trông chừng cho con ở đây. Nhưng nhớ đừng gọi to nhé!”

Arrietty chạy. Những viên sỏi trên lối đi được rải chìm chắc chắn và đôi giày mềm nhẹ của cô bé hầu như không chạm vào chúng. Thật tuyệt vời khi được chạy - ta không bao giờ có thể chạy ở dưới sàn nhà: ta đi bộ, ta cúi xuống, ta bò - nhưng ta không bao giờ chạy. Arrietty suýt chút nữa đã chạy qua cái lưới sắt. Cô bé nhìn thấy nó vừa đúng lúc vòng qua góc nhà. Đúng, nó ở đó, khá gần mặt đất, được gắn sâu vào bức tường cũ kỹ của ngôi nhà; rêu ở dưới nó tạo thành một vệt xanh loang lổ.

Arrietty chạy đến nó. “Mẹ ơi!” cô bé gọi, mũi gí sát vào lưới sắt. “Mẹ ơi!” cô bé im lặng đợi và, sau giây lát, cô bé lại gọi.

Đến tiếng gọi thứ ba thì bà Homily tới. Tóc bà xõa xuống và bà đang cầm, như thể nó rất nặng, cái nắp vụn của một lọ dưa chuột đựng đầy nước xà phòng. “Ôi,” bà nói với giọng bực mình, “con chẳng để mẹ yên lấy nửa phút! Con nghĩ con đang làm gì vậy? Bố con đâu?”

Arrietty hất đầu sang một bên. “Ngay kia - bên cạnh cửa ra vào!” Cô bé tràn đầy hạnh phúc tới nỗi, thoát khỏi tầm nhìn của bà Homily, những ngón chân của cô nhảy múa trên vết rêu xanh. Thế đấy, cô đang ở bên kia cái lưới sắt - cuối cùng cô bé đang đứng ở đây, từ ngoài nhìn vào!

“Ừ,” bà Homily nói, “họ mở cái cửa đó như thế đấy - vào ngày đầu tiên của mùa xuân. Thôi,” bà nhanh nhẩu nói tiếp, “con chạy lại với bố đi. Và bảo bố, nếu chẳng may cửa phòng khách mở thì mẹ sẽ không từ chối một miếng giấy thấm màu đỏ đâu. Thôi, bây giờ thì tránh ra - khi mẹ đổ chỗ nước này đi.”

“Đó là cái làm râu mọc,” Arrietty nghĩ trong khi bước nhanh lại với bố, “tất cả nước chúng ta đổ ra qua cái lưới sắt...”

Ông Pod trông nhẹ nhõm hơn khi thấy cô bé nhưng lại cau có vì lời nhảm. “Làm sao mẹ trông mong bố trèo lên cái bàn viết khi không có cây kim của bố? Lấy giấy thấm là việc đòi hỏi phải trèo lên rèm cửa và leo lên ghế, mẹ con lẽ ra phải biết chứ. Đi thôi nào! Con trèo lên đi!”

“Bố hãy để con ở dưới này,” Arrietty năn nỉ, “chỉ một chút nữa thôi. Chỉ đến khi bố xong việc. Tất cả họ đã đi ra ngoài rồi. Trừ Bà. Mẹ đã nói thế.”

“Mẹ có thể nói bất cứ điều gì,” ông Pod càu nhàu, “khi mẹ muốn nhanh chóng có cái gì đó. Làm sao mẹ biết được Bà không nảy ra ý định ra khỏi giường và chống gậy xuống tầng dưới chứ? Làm sao mẹ biết được bà Driver không ở lại nhà hôm nay - vì một cơn nhức đầu? Làm sao mẹ biết được cái cậu bé đó còn ở đây hay không?”

“Cậu bé nào?” Arrietty hỏi.

Ông Pod trông có vẻ lúng túng. “Cậu bé nào?” ông nhắc lại với vẻ mơ hồ và rồi nói tiếp, “Hoặc có thể là Crampfurl...”

“Crampfurl không phải là một cậu bé,” Arrietty nói.

“Không, ông ấy thì không,” ông Pod nói, “trong chừng mực của ngôn từ. Không,” ông nói tiếp như đang suy nghĩ vấn đề, “không, ta không gọi Crampfurl là một cậu bé được. Không phải, như ta có thể nói, một cậu bé - hẳn rồi. Ừ,” ông vừa nói vừa bắt đầu di chuyển, “cứ ở lại dưới đó một lát nếu con thích. Nhưng ở gần đây thôi!”

Arrietty nhìn ông rời khỏi bậc thềm và rồi đưa mắt ra xung quanh. Ôi, hạnh phúc quá! Ôi, vui sướng quá! Ôi, tự do quá! Ánh sáng mặt trời, cỏ, gió nhẹ và nửa đường lên bờ cỏ, chỗ vòng ra ở góc nhà, một cây anh đào đang nở hoa! Bên dưới cây trên lối đi là một thảm cánh hoa màu hồng và, ngay dưới gốc cây nhạt màu như bơ là một bụi hoa anh thảo.

Arrietty cẩn thận liếc nhìn về phía thềm cửa ra vào và rồi, nhẹ nhàng và nhún nhảy, trên đôi giày da dê mềm của mình, cô bé chạy về phía những cánh hoa. Chúng cong cong như những cái vò và đu đưa khi cô bé chạm vào. Cô bé gom nhặt lại vài cánh và xếp chúng cái nọ trong cái kia... mỗi lúc một cao... như một tòa lâu đài bằng tú lơ khơ. Và rồi cô bé làm đổ chõng cánh hoa. Ông Pod đã quay lại bậc thềm cao nhất và nhìn dọc lối đi. “Con đừng đi xa,” ông nói sau giây lát. Nhìn thấy môi của bố cử động, cô bé mỉm cười lại: cô bé đứng quá xa để có thể nghe thấy những lời nói của bố.

Một con bọ cánh cứng màu lục, sáng bóng trong ánh mặt trời, băng qua các viên sỏi bay về phía cô bé. Cô bé khẽ đặt những ngón tay của mình lên lớp vỏ của nó và nó đứng im, chờ đợi và dò xét, và khi cô bé nhấc tay ra con bọ cánh cứng tiếp tục đi nhanh. Một con kiến đi qua vội vàng theo đường chữ chi. Cô bé nhảy múa ở trước mặt nó để trêu chọc nó và giơ một chân lên trước. Nó nhìn cô bé chăm chăm, bối rối, vầy râu; rồi bực mình, như phát cáu nó đi chệch sang lối khác. Hai chú chim bay xuống, cãi nhau choác choác, trên thảm cỏ ở dưới gốc cây. Một con bay đi nhưng Arrietty có thể thấy được con kia chuyển động giữa những sợi cỏ trên bờ dốc phía trên cô. Cô bé thận trọng di chuyển về phía bờ cỏ và hơi lo lắng trèo vào giữa những lá cỏ xanh. Khi cô bé nhẹ nhàng rẽ chúng ra bằng đôi tay trần, những giọt nước rỏ xuống váy cô bé và cô bé cảm thấy đôi giày đỏ trở nên ẩm ướt. Nhưng cô bé vẫn đi tiếp, chốc chốc lại bám lên những thân cây dạng rễ để đu mình vào trong khu rừng đầy rêu, violet dại và cỏ ba lá. Lá cỏ trông có vẻ sắc, cao đến tận hông, mềm mại khi chạm vào và nhẹ nhàng cong xuống khi cô bé đi ngang qua. Cuối cùng khi cô bé đến bên gốc cây,

con chim sợ hãi bay đi mất và cô bé ngồi sụp xuống trên một lá anh thảo sần sùi. Không khí tràn ngập hương thơm. “Nhưng chẳng có gì chơi với mình cả,” cô bé nghĩ rồi nhìn thấy những vết nứt và đường nhăn của lá cây anh thảo đọng những giọt sương trong suốt. Nếu cô bé ấn chiếc lá thì sương sẽ lăn như những viên bi. Bờ cỏ ấm áp, ở đây gần như quá ấm giữa sự che chở của đám cỏ cao, và đất cát có mùi hanh khô. Đứng dậy, cô bé hái một bông anh thảo. Cuống hoa màu hồng cảm giác thật mềm mại và sống động trong đôi bàn tay của cô bé và được bao bọc bằng một lớp lông tơ lấp lánh ánh bạc, và khi cô bé cầm bông hoa, như một cái ô, giữa đôi mắt cô và bầu trời, cô bé nhìn thấy ánh mặt trời nhàn nhạt xuyên qua những cánh hoa có đường vân. Trên một miếng vỏ cây cô bé tìm thấy một con mối và cô khẽ đập nó bằng bông hoa đang đung đưa của mình. Nó lập tức co rúm lại thành một quả bóng, khẽ nảy nảy xuống con dốc lăn vào giữa đám rể cỏ. Nhưng cô bé biết về loài mối. Có đầy mối ở nhà, bên dưới sàn nhà. Bà Homily luôn trách mắng cô bé nếu cô chơi với chúng vì, bà nói, chúng bốc mùi như những con dao cũ. Cô bé nằm xuống giữa những cuống hoa anh thảo và chúng tỏa hơi mát giữa cô bé và mặt trời, rồi sau đó, thở dài, cô bé quay đầu đưa mắt sang bên bờ nhìn vào giữa những cọng cỏ. Giật mình, cô bé nín thở. Cái gì đó cử động phía trên cô bé, trên bờ cỏ. Cái gì đó sáng long lanh. Arrietty nhìn chăm chăm.

Chương 9



Đó là một con mắt. Hay nó trông giống như một con mắt. Trong veo và sáng ngời như màu trời. Một con mắt như mắt của cô bé nhưng thật khổng lồ. Một con mắt trừng trừng. Nín thở vì sợ hãi, cô bé ngồi dậy. Và con mắt chớp. Một giàn lông mi vĩ đại cong xuống rồi lại bay lên vượt khỏi tầm mắt. Một cách thận trọng, Arrietty nhúc nhích đôi chân: cô bé khẽ khàng trượt vào giữa những cọng cỏ và tuột xuống bờ cỏ.

“Đừng nhúc nhích!” một giọng nói vang lên, và giọng nói, như con mắt, thật to nhưng vì lý do nào đó bị nén xuống - và khàn khàn như cơn gió ùa qua lưới sắt trong một đêm bão tháng Ba.

Arrietty cứng đờ người. “Thế ra chuyện này là vậy,” cô bé nghĩ, “điều tệ nhất và kinh khủng nhất của mọi điều: mình đã bị ‘nhìn thấy’! Chuyện gì đã xảy ra với Eggetina giờ gần như chắc chắn sẽ xảy ra với mình.”

Có một quãng ngừng và Arrietty, tim đập thành thịch trong tai, nghe thấy hơi thở hít nhanh trở vào cái phổi lớn. “Nếu không,” giọng đó nói, vẫn thì thầm, “tôi sẽ đánh cậu bằng chiếc gậy gỗ tần bì của tôi.”

Chợt Arrietty trở nên bình tĩnh. “Tại sao?” cô bé hỏi. Tiếng nói của cô bé nghe mới lạ làm sao! Mong manh như pha lê và rõ ràng như hoa chuông, nó lạnh canh trong không khí.

“Nếu,” cuối cùng giọng thì thầm ngạc nhiên vang lên, “cậu chạy về phía tôi, nhanh, qua cỏ... nếu,” nó tiếp tục, hơi run run, “cậu đến và cào tôi bằng đôi bàn tay nhỏ tí bần thiêu của cậu.”

Arrietty nhìn chăm chăm vào con mắt; cô bé vẫn khá bình tĩnh. “Tại sao?” cô bé lại hỏi, và một lần nữa câu nói lại lạnh canh - lần này lạnh như đá, và sắc như kim.

“Mọi thứ đều làm thế,” giọng nói bảo. “Tôi đã thấy chúng. Ở Ấn Độ.”

Arrietty nghĩ đến bộ sách *Từ điển Địa lý Thế giới* của mình. “Giờ cậu không ở Ấn Độ,” cô bé nói.

“Cậu vừa đi từ nhà ra ngoài phải không?”

“Phải,” Arrietty nói.

“Từ đâu trong nhà?”

Arrietty nhìn con mắt. “Tôi sẽ không kể cho cậu biết đâu,” cuối cùng cô bé dững cảm nói.

“Thế thì tôi sẽ đánh cậu bằng chiếc gậy gỗ tần bì của tôi!”

“Được,” Arrietty nói, “đánh tôi đi!”

“Tôi sẽ tóm cậu lên và bẻ cậu ra làm đôi!”

Arrietty đứng dậy. “Được,” cô bé nói và tiến lên hai bước.

Có một tiếng thảng thốt và một cơn động đất trong cỏ: cậu bé quay đi và ngồi dậy, một ngọn núi khổng lồ trong cái áo len chui đầu màu xanh lục. Tóc cậu thẳng, màu vàng và lông mi màu ánh kim. “Dừng lại đó!” cậu bé kêu lên.

Arrietty chăm chú nhìn lên cậu. Thế ra đây là “cậu bé”! Cô bé cảm thấy chết lặng và hơi sợ hãi. “Tôi đoán cậu khoảng chín tuổi,” cô bé thốt lên sau giây lát.

Cậu bé đỏ mặt. “Không phải, cậu nhầm rồi, tôi mười tuổi.” Cậu nhìn xuống cô bé, hít sâu. “Cậu bao nhiêu tuổi?”

“Mười bốn,” Arrietty nói. “Tháng Sáu tới,” cô vừa nói thêm vừa nhìn cậu.

Sự im lặng bao trùm trong khi Arrietty chờ đợi, hơi run run. “Cậu có biết đọc không?” cuối cùng cậu bé hỏi.

“Tất nhiên,” Arrietty nói. “Thế cậu thì không à?”

“Không,” cậu bé ngập ngừng nói. “Ý tôi là - có. Ý tôi là tôi vừa từ Ấn Độ tới.”

“Chuyện đó thì liên quan gì?” Arrietty hỏi.

“Ừ thì, nếu được sinh ra ở Ấn Độ, cậu sẽ nói hai thứ tiếng. Và nếu nói hai thứ tiếng thì cậu không biết đọc. Không thạo lắm.”

Arrietty nhìn chăm chăm lên cậu bé: thật là một con quỷ, cô bé nghĩ, đen tối trước bầu trời.

“Thế rồi khi lớn thì có thay đổi không?”

Cậu bé hơi nhúc nhích và cô bé cảm thấy cái lạnh trong bóng râm của cậu.

“Có chứ,” cậu bé nói, “điều đó sẽ mất dần đi. Các chị tôi đều biết hai thứ tiếng; bây giờ thì không còn biết hai thứ tiếng tí nào nữa. Họ có thể đọc được bất cứ cuốn sách nào trên phòng học.”

“Tôi cũng thế,” Arrietty nhanh nhẩu, “nếu có ai cầm được các cuốn sách, và lật sang trang mới. Tôi không biết hai thứ tiếng. Tôi có thể đọc được bất cứ cái gì.”

“Cậu có biết đọc to lên không?”

“Tất nhiên,” Arrietty nói.

“Bây giờ cậu có thể đợi ở đây trong khi tôi chạy lên tầng trên và lấy một cuốn sách không?”

“Ừ,” Arrietty nói; cô bé đang mong muốn được khoe tài năng của mình; rồi vẻ hoảng hốt hiện ra trong mắt cô bé. “Ôi...” cô bé ngập ngừng nói.

“Có chuyện gì vậy?” Giờ cậu bé đã đứng lên. Cậu vút lên như một ngọn tháp phía trên cô bé.

“Ngôi nhà này có bao nhiêu cửa?” cô bé nheo mắt lại khi nhìn lên cậu bé trước ánh sáng mặt trời. Cậu bé quỳ một đầu gối xuống.

“Cửa?” cậu bé nói. “Cửa ra vào?”

“Phải.”

“Ừ thì, có cửa chính, cửa sau nhà, cửa phòng để súng, cửa phòng bếp, cửa phòng rửa bát... và những cái cửa sổ kiểu Pháp ở phòng khách nhỏ.”

“Ừ, cậu biết đấy,” Arrietty nói, “bố tôi đang ở hành lang, chỗ cửa chính, đang làm việc. Bố tôi... bố tôi sẽ không muốn bị quấy rầy.”

“Đang làm việc?” cậu bé nói. “Việc gì?”

“Kiểm vật liệu,” Arrietty nói, “cho một cái bàn chải.”

“Thế thì tôi sẽ vào bằng cửa bên”; cậu bé dậm bước rời khỏi nhưng chợt quay người và trở lại phía cô bé. Cậu đứng một lúc, như thể ngượng ngùng, và rồi nói, “cậu có biết bay không?”

“Không,” Arrietty nói, ngạc nhiên, “thế còn cậu?”

Mặt cậu bé càng đỏ hơn. “Tất nhiên không,” cậu cúi cần, “tôi không phải là tiên!”

“Ừ, tôi cũng thế,” Arrietty nói, “cũng tuyệt chẳng ai như thế. Tôi không tin là có tiên.”

Cậu bé nhìn cô bé với ánh mắt kỳ lạ. “Cậu không tin là có họ?”

“Không,” Arrietty nói, “thế còn cậu?”

“Tất nhiên là không!”

“Mẹ tôi tin vào họ,” cô bé nói, cố gắng làm cậu bé nguôi giận. “Mẹ tôi cho rằng đã có lần nhìn thấy một nàng tiên. Đó là hồi mẹ tôi còn bé và sống với bố mẹ của bà ở đằng sau cái đồng cát trong kho để chậu hoa.” Thực sự, cô bé nghĩ, cậu này là một kiểu con trai rất cáu kỉnh.

Cậu bé ngồi xồm xuống và cô bé cảm thấy hơi thở của cậu trên má mình. “Thế nó như thế nào?” cậu bé hỏi.

“To khoảng bằng con đom đóm với những chiếc cánh như cánh bướm. Và nó có khuôn mặt nhỏ xíu, mẹ tôi nói, sáng rực và di chuyển như tia sáng lóe còn những bàn tay tí hon thì luôn động đậy. Khuôn mặt của nó luôn thay đổi, mẹ tôi nói, luôn cười và như là ánh sáng lung linh. Nó có vẻ như đang nói chuyện, mẹ tôi nói, rất nhanh nhẩu - nhưng ta không nghe được một lời nào cả...”

“Ồ,” cậu bé nói, vẻ thích thú. Một lúc sau cậu hỏi, “Nó đi đâu?”

“Nó chỉ đi,” Arrietty nói. “Khi mẹ tôi nhìn thấy nó, nó có vẻ như đang bị mắc vào một cái mạng nhện. Lúc đó trời đã tối. Khoảng năm giờ vào một chiều đông. Sau bữa trà.”

“Ồ,” cậu bé lại nói và cầm lên hai cánh hoa anh đào mà cậu gập vào nhau như một chiếc bánh kẹp rồi từ từ ăn. “Giả dụ,” cậu vừa nói vừa nhìn chăm chăm qua cô bé về phía bức tường ngôi nhà, “cậu nhìn thấy một người đàn ông nhỏ bé, cao bằng khoảng cái bút chì, với một miếng vải xanh lơ vá trên quần, trèo lưng chừng rèm cửa sổ, đang bê một tách trà búp bê - cậu có nghĩ đó là ông tiên không?”

“Không,” Arrietty nói. “Tôi sẽ nghĩ đó là bố tôi.”

“Ồ,” cậu bé lên tiếng rồi chợt nghĩ ra, “bố cậu có miếng vải xanh vá trên quần không?”

“Quần đẹp nhất của ông thì không. Quần ông mặc khi đi mượn thì có.”

“Ồ,” cậu bé lại nói. Giống một luật sư trong tình huống này, cậu dường như thấy câu nói đó tạo cảm giác tin tưởng. “Có nhiều người như cậu không?”

“Không,” Arrietty nói. “Chẳng có ai cả. Chúng tôi đều khác nhau.”

“Ý tôi là bé nhỏ như cậu ấy?”

Arrietty cười. “Ồ, đừng ngớ ngẩn như thế!” cô bé nói. “Cậu chắc hẳn không nghĩ trên thế giới này có nhiều người to bằng cậu đâu nhỉ?”

“Có nhiều người cỡ tôi hơn là người cỡ cậu,” cậu bé đáp lại.

“Thật tình...” Arrietty mở lời với vẻ bất lực rồi lại cười. “Cậu có thật sự tin - ý tôi là, một thế giới như thế thì sẽ thế nào? Những chiếc ghế khổng lồ... tôi đã thấy chúng. Thử nghĩ xem nếu phải làm những chiếc ghế cỡ to như thế cho mọi người? Và vật liệu cho quần áo của họ... hàng dặm và hàng dặm vải... hàng rạp vải... và phải khâu nữa chứ! Và những ngôi nhà khổng lồ của họ, cao đến nỗi ta gần như không nhìn thấy trần nhà... những cái giường khổng lồ của họ... những *thực phẩm* họ ăn... những núi đồ ăn khổng lồ bốc khói, những chiếc ao đầy đồ ninh và xúp và đủ thứ.”

“Cậu không ăn xúp à?” cậu bé hỏi.

“Tất nhiên là chúng tôi có ăn xúp,” Arrietty cười. “Bố tôi có ông bác có một chiếc thuyền nhỏ dùng để chèo vòng quanh trong nôi hầm xương và vớt những miếng trôi nổi. Ông ấy cũng câu xuống dưới đáy để lấy những miếng tủy xương cho đến khi đầu bếp trở nên nghi ngờ khi tìm thấy những cây kim uốn cong ở trong xúp. Có lần ông ấy suýt bị đắm thuyền vì đâm phải một cục xương ống ngầm. Ông ấy bị mất mái chèo và thuyền bị thủng khiến nước vào trong nhưng ông đã quăng được một sợi dây lên quai nôi và kéo mình lên dọc miệng nôi. Nhưng cả chỗ nước hầm đó - phải tới hàng sải

nước hầm! Và cỡ của cái nồi! Ý tôi là, một chút nữa thì đã chẳng có đủ đồ trên thế giới này để nấu! Vì thế bố tôi nói may là họ đang dần tuyệt chủng... chỉ còn một vài người, bố tôi nói, đó là tất cả những gì chúng tôi cần - để nuôi chúng tôi. Nếu không, bố tôi nói, tất cả mọi thứ sẽ” - Arrietty ngập ngừng, cố gắng nhớ lại từ ngữ - “phóng đại lên quá đáng, bố tôi nói...”

“Ý cậu là gì,” cậu bé hỏi, “ ‘để nuôi chúng tôi’ là sao?”

Chương 10



Thế rồi Arrietty kể cho cậu bé về việc đi mượn - việc đó khó khăn và nguy hiểm như thế nào. Cô bé kể cho cậu về các phòng kho ở dưới sàn nhà; về thành công xưa kia của ông Pod, sự khéo léo và lòng dũng cảm mà ông đã thể hiện; cô bé miêu tả cái thời xa xưa, trước khi cô bé sinh ra, khi ông Pod và bà Homily giàu có; cô bé miêu tả cái hộp đựng thuốc lá bằng vàng chạm trổ tinh xảo phát ra tiếng nhạc, và con chim nhỏ bay ra khỏi hộp làm bằng lông chim bói cá, cách con chim đập cánh và hót; cô bé miêu tả tủ đựng quần áo của búp bê và những chiếc cốc thủy tinh màu lục bé xíu; ấm trà bé bằng bạc từ chiếc tủ ở phòng khách nhỏ; những tấm khăn trải giường bằng xa tanh và những mảnh ga giường thêu... “Những cái đó chúng tôi vẫn còn,” cô bé kể cho cậu bé, “đó là những chiếc khăn mùi soa của Bà...” “Bà,” cậu bé dần nhận ra, là bà dì Sophy ở tầng trên của cậu, nằm liệt giường sau một tai nạn khi đi săn khoảng hai mươi năm trước; cậu bé nghe kể ông Pod đi mượn ở phòng của Bà thế nào, chọn lối đi - trong ánh lửa từ lò sưởi tỏa ra - giữa các đồ nữ trang trên bàn trang điểm của Bà ra sao, thậm chí còn trèo lên màn giường Bà và đi trên chần trải giường. Và Bà đã nhìn ông thế nào và thậm chí thỉnh thoảng còn nói chuyện với ông vì, Arrietty giải thích, hàng ngày lúc sáu giờ họ đem cho bà một chiếc bình pha lê thon cổ đựng rượu Fine Old Pale Madeira, và trước nửa đêm Bà đã uống hết cả đống. Không ai trách Bà, ngay cả bà Homily, vì, như bà Homily nói, Bà có rất ít niềm vui, cái người tội nghiệp ấy, nhưng, Arrietty giải thích, sau ba ly đầu tiên bà dì Sophy không bao giờ tin vào những gì mình nhìn thấy. “Bà nghĩ bố tôi đi ra từ bình,” Arrietty nói, “và một ngày

kia khi tôi lớn hơn, bố tôi sẽ dẫn tôi đến đó và Bà sẽ nghĩ tôi cũng đi ra từ chiếc bình. Điều đó sẽ làm Bà vui lòng, bố tôi nghĩ, vì bây giờ Bà đã quen với bố. Một lần bố tôi dẫn mẹ đi cùng, và Bà trở nên tươi tỉnh hơn và cứ hỏi về mẹ và sau đó cứ hỏi mãi tại sao mẹ tôi không đến nữa và nói họ pha nước vào rượu Madeira vì có lần, Bà nói, Bà nhìn thấy một người đàn ông tí hon và một người đàn bà tí hon thế mà giờ Bà chỉ nhìn thấy mỗi người đàn ông tí hon...”

“Tôi ước gì Bà nghĩ tôi đi ra từ chiếc bình,” cậu bé nói. “Bà đọc chính tả cho tôi và dạy tôi viết. Tôi chỉ gặp bà vào buổi sáng khi bà đang cúi kính. Bà cho gọi tôi rồi kiểm tra sau tai tôi xem có sạch sẽ không và hỏi bà D. xem tôi đã học từ ngữ chưa.”

“Bà D. trông như thế nào?” Arrietty hỏi. (Thật hay làm sao khi được nói “Bà D.” như thế... Thật cầu thả và liều lĩnh!)

“Bà ta béo và có ria mép, tắm cho tôi, làm đau vết bầm và khuỷu tay nhức của tôi, và bà ta nói một ngày nào đó sẽ đem cho tôi một chiếc giày mềm.” Cậu bé nhổ một nhúm cỏ và nhìn chăm chăm vào nó với vẻ giận dữ và Arrietty nhìn thấy môi cậu run run. “Mẹ tôi rất hiền,” cậu bé nói. “Mẹ tôi ở Ấn Độ. Tại sao gia đình cậu lại mất tất cả của cải?”

“Ừ thì,” Arrietty nói, “bình nước nóng trong bếp bị vỡ và nước nóng chảy xuống qua sàn, vào nhà của chúng tôi và tất cả mọi thứ trôi đi và chất thành một đồng trước cái lưới sắt. Bố tôi làm việc ngày đêm. Lúc đầu nóng, rồi thì lạnh. Cố gắng cứu đồ đạc. Rồi có một cơn gió thán Ba khủng khiếp lùa qua cái lưới sắt đó. Bố tôi đã bị ốm, cậu có hiểu không, nên không đi mượn được. Vì thế bác Hendreary đã phải đi mượn với một hay hai người khác nữa, và mẹ tôi đã tặng đồ cho họ, từng cái một, vì đã làm phiền họ. Nhưng con chim bói cá bị nước làm hỏng; tất cả lông chim rụng hết và một cái lò xo vòng xoắn vĩ đại bật ra từ một bên. Bố tôi dùng cái lò xo để giữ cửa đóng kín, chống gió lùa từ lưới sắt và mẹ tôi bỏ những chiếc lông chim vào một cái mũ da lông chuột nhỏ bé. Một thời gian sau tôi ra đời và bố tôi lại

bắt đầu đi mượn. Nhưng giờ thì bố tôi đã mệt mỏi và không thích các rèm cửa, nhất là khi có những quả cầu bằng len bị mất...”

“Tôi đã giúp ông ấy một chút,” cậu bé nói, “với cái tách trà. Toàn thân ông run rẩy. Tôi nghĩ là ông ấy sợ.”

“Bố tôi sợ hãi!” Arrietty thốt lên tức giận. “Sợ cậu!” cô bé nói thêm.

“Có thể ông ấy không thích độ cao,” cậu bé nói.

“Bố tôi thích độ cao,” Arrietty nói. “Cái bố không thích là các rèm cửa. Tôi đã nói với cậu rồi. Rèm cửa làm bố tôi mệt mỏi.”

Cậu bé ngồi trầm ngâm nhai một lá cỏ. “Mượn,” cậu bé nói sau giây lát. “Các cậu gọi việc đó là như thế à?”

“Thế thì cậu có thể gọi việc đó là gì khác chứ?” Arrietty hỏi.

“Tôi gọi việc đó là ăn cắp.”

Arrietty cười. Cô bé cười thực sự. “Nhưng chúng tôi là những Người Vay Mượn,” cô bé giải thích, “như cậu là một - một con người hoặc bất cứ cái gì mà cậu được gọi. Chúng tôi là một phần của ngôi nhà. Thế thì cậu có thể nói cái giá lò sưởi ăn cắp than của cái thùng đựng than.”

“Thế thì ăn cắp là gì?”

Arrietty trông có vẻ nghiêm nghị. “Cậu không biết à?” cô bé hỏi. “Ăn cắp là - thế này nhé, giả dụ bác Hendreary mượn một chiếc đồng hồ ngọc lục bảo từ bàn trang điểm của Bà rồi bố tôi lấy và treo nó lên tường nhà tôi. Đó là ăn cắp!”

“Một cái đồng hồ ngọc lục bảo!” cậu bé kêu lên.

“Ừ, tôi chỉ nói như thế vì nhà tôi có một cái treo trên tường, nhưng bố tôi đã tự đi mượn nó. Không cần phải là một chiếc đồng hồ. Có thể là bất cứ

cái gì khác. Ngay cả một viên đường. Nhưng những Người Vay Mượn không ăn cắp.”

“Trừ phi lấy của con người,” cậu bé nói.

Arrietty cười phá lên; cười nhiều tới nỗi cô bé phải giấu khuôn mặt của mình trong đóa hoa anh thảo. “Trời ơi,” cô bé hỗn hển trong nước mắt, “cậu thật vui tính!” Cô bé nhìn chăm chăm lên khuôn mặt lúng túng của cậu bé. “Con người sinh ra là để *phục vụ* những Người Vay Mượn - như bánh mì phục vụ bơ!”

Cậu bé im lặng một lúc. Một làn gió nhẹ làm lá cây anh đào xào xạc và những bông hoa đang nở đung đưa.

“Ừ, tôi không tin việc đó,” cuối cùng cậu nói, và nhìn những cánh hoa đang rơi xuống. “Tôi không hề tin chúng tôi sinh ra là để làm việc đó và tôi không tin rằng chúng tôi đang tuyệt chủng!”

“Ôi trời!” Arrietty kêu lên vẻ nôn nóng, nhìn lên cằm cậu bé. “Hãy dùng lý lẽ thường tình: cậu là con người thật duy nhất mà tôi thấy (dù tôi biết có ba người nữa - Crampfurl, Bà và bà Driver). Nhưng tôi biết rất nhiều và rất nhiều Người Vay Mượn: gia đình Overmantel và gia đình Harpsichord và gia đình Rain-Barrel và gia đình Linen-Pressé và gia đình Boot-Rack và gia đình đức ngài John Studdington và...”

Cậu bé nhìn xuống. “John Studdington? Nhưng ông ấy là bác của chúng tôi...”

“Ừm, gia đình này ở đằng sau một bức tranh,” Arrietty nói tiếp, gần như không để ý nghe, “và còn có gia đình Stove-Pipe và gia đình Bell-Pull và gia đình...”

“Ừ,” cậu bé ngắt lời, “nhưng cậu đã gặp họ chưa?”

“Tôi đã gặp gia đình Harpsichord. Và mẹ tôi là người của gia đình Bell-Pull. Những gia đình khác là lúc trước khi tôi sinh ra...”

Cậu bé nghiêng mình gần lại. “Thế thì bây giờ họ đang ở đâu? Nói xem.”

“Bác Hendreary có một ngôi nhà ở nông thôn,” Arrietty lạnh lùng nói, từ từ dịch ra xa cái khuôn mặt khổng lồ đang cúi gần xuống; cô bé nhận thấy khuôn mặt được nhẹ nhàng bao phủ bằng những sợi lông màu vàng rất nhạt. “Và bốn người con, nhà Harpsichord và nhà Clock.”

“Nhưng những người khác ở đâu?”

“Ồ,” Arrietty nói, “họ đang ở đâu đó.” Nhưng ở đâu? cô bé tự hỏi. Và cô bé hơi rùng mình trong cái bóng râm của cậu bé phủ lên trên cô, đang nghiêng nghiêng trên thảm cỏ.

Cậu bé lùi lại, cái đầu tóc vàng của cậu che khuất một mảng trời lớn. “Thế đấy,” cậu bé nói với giọng nhấn mạnh sau giây lát, và đôi mắt của cậu bé lạnh lùng, “tôi chỉ nhìn thấy hai Người Vay Mượn nhưng tôi đã nhìn thấy hàng trăm và hàng trăm và hàng trăm và hàng trăm và hàng trăm...”

“Ôi không...” Arrietty nói thầm.

“Con người.” Và cậu bé lại ngồi xuống.

Arrietty đứng bất động. Cô bé không nhìn cậu. Một lúc sau cô bé nói, “Tôi không tin cậu.”

“Được rồi,” cậu bé nói, “thế thì tôi sẽ kể cho cậu biết...”

“Tôi vẫn không tin cậu,” Arrietty lẩm bẩm nói.

“Nghe đây!” cậu bé nói. Và cậu kể cho cô bé nghe về ga tàu hỏa và các trận bóng đá và trường đua ngựa và đám rước hoàng gia và những buổi hòa nhạc ở Albert Hall. Cậu kể cho cô bé về Ấn Độ và Trung Quốc và Bắc Mỹ và Khối Thịnh vượng Chung. Cậu kể cho cô bé về phiên chợ tháng Bảy. “Không phải hàng trăm,” cậu bé nói, “mà là hàng nghìn và hàng triệu và hàng tỷ và hàng tỷ tỷ những con người vĩ đại, to lớn, khổng lồ. Bây giờ thì cậu đã tin tôi chưa?”

Arrietty nhìn chăm chăm lên khuôn mặt cậu bé với đôi mắt sợ hãi: làm như thế khiến cô bé mới cố. “Tôi không biết,” cô bé thì thầm.

“Còn về phần cậu,” cậu bé nói tiếp, lại cúi gằm lại, “tôi không tin rằng có thêm những Người Vay Mượn nào ở bất cứ đâu trên thế giới. Tôi tin rằng các người là ba người cuối cùng,” cậu bé nói.

Arrietty úp mặt vào bông hoa anh thảo. “Không phải. Có cả bác Lupy và bác Hendreary và các anh em họ.”

“Tôi cá họ đã chết hết,” cậu bé nói. “Và hơn nữa,” cậu nói tiếp, “không bao giờ một ai tin là tôi đã nhìn thấy *cậu*. Và cậu sẽ thực sự là người cuối cùng vì cậu trẻ tuổi nhất. Một ngày nào đó,” cậu nói với cô bé rồi mỉm cười đắc thắng, “cậu sẽ là Người Vay Mượn duy nhất còn lại trên thế giới này!”

Cậu bé ngồi im, chờ đợi, nhưng cô bé không nhìn lên. “Giờ cậu đang khóc,” cậu ta nhận xét sau giây lát.

“Họ không chết,” Arrietty nói với giọng nghẹn ngào; cô bé đang mò trong chiếc túi bé nhỏ của mình để tìm khăn mùi soa. “Họ sống trong một cái hang của con lửng cách đây hai cánh đồng, sau cái lùm cây. Chúng tôi không gặp họ vì ở đó quá xa. Có những con chồn và các thú và bò và cáo... và quạ...”

“Lùm cây nào?” cậu bé hỏi.

“Tôi không BIẾT!” Arrietty gần như hét lên. “Nó ở gần đường ống ga - một cánh đồng gọi là Parkin’s Beck.” Cô bé xì mũi. “Tôi về đây,” cô bé nói.

“Đừng đi,” cậu bé nói, “chưa đâu.”

“Có đấy, tôi đi đây,” Arrietty nói.

Khuôn mặt cậu bé ửng hồng. “Để tôi đi lấy quyển sách thôi,” cậu nài nỉ.

“Giờ thì tôi sẽ không đọc cho cậu nghe đâu,” Arrietty nói.

“Tại sao không?”

Cô bé nhìn cậu bé bằng đôi mắt tức giận. “Vì...”

“Nghe này,” cậu bé nói, “tôi sẽ đến cánh đồng đó. Tôi sẽ đi tìm bác Hendreary. Và các anh em họ. Và bác gái tên là gì đó. Và, nếu họ còn sống, tôi sẽ kể cho cậu biết. Thế có được không? Cậu có thể viết cho họ một lá thư và tôi sẽ nhét nó vào cái lỗ...”

Arrietty chăm chú nhìn lên cậu bé. “Cậu có làm thế không?” cô bé nói.

“Có, tôi sẽ làm. Tôi sẽ làm thật. Bây giờ tôi đi lấy quyển sách ấy nhé? Tôi sẽ đi vào bằng cửa bên.”

“Được,” Arrietty lơ đãng nói. Đôi mắt cô bé sáng ngời. “Khi nào tôi có thể đưa cậu lá thư?”

“Bất cứ lúc nào,” cậu bé nói rồi đứng phía trên cô. “Cậu sống ở đâu trong ngôi nhà?”

“Ừm,” Arrietty cất tiếng rồi ngừng lại. Tại sao một lần nữa cô bé lại có cái cảm giác lạnh buốt này? Có phải chỉ là vì cái bóng của cậu bé... cao chót vót phía trên cô bé, che khuất mặt trời? “Tôi sẽ để lá thư ở đâu đó,” cô bé nói gấp, “tôi sẽ để dưới tấm thảm ở hành lang.”

“Tấm thảm nào? Cái ở trước cửa chính à?”

“Phải, tấm thảm đó.”

Cậu bé đã đi khỏi. Và cô bé đứng đó một mình trong ánh nắng, cổ cao đến vai. Việc đã xảy ra có vẻ như quá lớn để nghĩ ngợi; cô bé cảm thấy mình không thể tin việc này đã thật sự xảy ra: không phải chỉ riêng cô bé đã bị “nhìn thấy” mà cô bé đã bị nói chuyện với: không phải chỉ riêng cô bé đã bị nói chuyện với mà cô đã...

“Arrietty!” một tiếng gọi vang lên.

Cô bé giật mình đứng lên và quay ngược lại: đó là ông Pod, khuôn mặt tròn vành, đang đứng trên lối đi nhìn lên cô bé. “Xuống đi!” ông nói thầm.

Cô bé chăm chú nhìn ông một lúc như thể cô không nhận ra ông; khuôn mặt ông mới tròn làm sao, mới hiền lành làm sao, mới quen thuộc làm sao!

“Đi nào!” ông lại nói, khẩn khoản hơn; và ngoan ngoãn vì giọng ông nghe có vẻ lo lắng, cô bé trượt nhanh về phía ông trên bờ cỏ, giữ chắc bông hoa anh thảo. “Bỏ cái đó xuống,” ông nói gay gắt, khi cô bé cuối cùng đã đứng bên cạnh ông trên lối đi. “Con không thể mang những bông hoa khổng lồ theo người khắp nơi - con phải xách một chiếc túi. Con muốn lên trên đó làm gì?” ông càu nhàu trong lúc họ đi ngang qua những viên đá. “Bố đã có thể không bao giờ nhìn thấy con. Giờ thì nhanh lên. Mẹ con đang đợi mình về dùng bữa trà!”

Chương 11



Bà Homily ở đó, bên chiếc cổng cuối cùng, đón họ. Bà đã buộc gọn tóc lại và có mùi xà phòng nhựa than. Bà trông có vẻ trẻ hơn và hơi phấn khích. “Thế nào...!” bà nói liền thoảng, “thế nào!” Bà cầm lấy túi từ Arrietty và giúp ông Pod buộc chặt lại cổng. “Thế nào, có vui không? Con có ngoan không? Hoa anh đào đã nở chưa? Cái đồng hồ có đánh chuông không?” Trong ánh sáng mờ mờ, bà có vẻ cố gắng đọc biểu hiện trên khuôn mặt Arrietty. “Đi thôi. Trà đã xong rồi. Đưa tay cho mẹ...”

Trà đã xong thật, được bày biện trên chiếc bàn tròn trong phòng khách với một ngọn lửa rực rỡ cháy trong chiếc bánh răng. Căn phòng có vẻ quen thuộc và ấm cúng làm sao, nhưng, đột nhiên, có gì đó lạ lùng: ánh lửa lập lòe trên giấy dán tường - dòng chữ có câu: “... đã thật duyên dáng nếu...” Nếu gì? Arrietty luôn tự hỏi. Nếu nhà mình bớt tối hơn, cô bé nghĩ, nó sẽ duyên dáng. Cô bé nhìn những cây nến do gia đình tự làm được đặt trên những cái đinh ghim lật ngửa mà bà Homily để như giá nến với đồ trà ở xung quanh; chiếc ấm trà cũ - một quả sồi rỗng, với vòi bằng lông gà và cán bằng dây thép - giờ đã mòn bóng và cứng lại do năm tháng; có hai lát hạt dẻ nướng mà họ sẽ ăn như bánh mì nướng với bơ và một hạt dẻ luộc để lạnh mà ông Pod sẽ cắt như bánh mì; trước ánh lửa có một đĩa đầy ắp quả phúc bồn tử khô nóng; có những mẫu bánh mì quế vụn, vàng giòn, được rắc một chút đường, và được đặt phía trước mỗi chỗ ngồi, ôi, trên cả tuyệt vời,

một con tôm ngâm. Bà Homily đã dọn bàn ăn với những chiếc đĩa bằng bạc - hai đồng hào cho bà và Arrietty còn đồng nửa curon cho ông Pod.

“Lại đây nào, Arrietty, nếu con đã rửa tay rồi,” bà Homily kêu lên rồi cầm lấy ấm trà, “đừng mơ màng nữa!”

Arrietty đem ra một cuộn chỉ bông và chậm chạp ngồi xuống. Cô bé nhìn mẹ đang kéo vôi ấm; đó bao giờ cũng là lúc thú vị. Phần đuôi dày hơn của chiếc lông gà ở bên trong ấm trà, khê kéo nó ngay trước khi rút sẽ khiến nó chặt hơn vào lỗ ở thành ấm và vì thế tránh cho nước rò ra. Nếu, như thỉnh thoảng vẫn xảy ra, một vết ẩm xuất hiện trên miệng lỗ, điều đó chỉ có nghĩa là cần phải kéo hơi mạnh và bất chợt xoắn khê.

“Thế nào?” bà Homily nói và rón rén rót trà. “Kể cho bố mẹ nghe con đã nhìn thấy gì!”

“Nó không thấy gì nhiều đâu,” ông Pod vừa nói vừa cắt cho mình một lát hạt dẻ luộc để ăn với tôm.

“Nó không thấy đồ trang trí trên bệ lò sưởi sao?”

“Không,” ông Pod nói, “chúng tôi không hề vào phòng ăn sáng.”

“Thế còn giấy thắm của tôi?”

“Tôi chẳng lấy được,” ông Pod nói.

“Này đó là thứ hay lắm đấy...” bà Homily bắt đầu.

“Có thể,” ông Pod vừa nói vừa nhai tóp tép đều đặn, “nhưng tôi đã có một linh cảm. Một linh cảm xấu.”

“Đó là cái gì?” Arrietty hỏi. “Linh cảm của bố?”

“Ở phía sau đầu và trong từng ngón tay bố,” bà Homily nói. “Đó là một linh cảm bố con nhận được khi” - bà xuống giọng - “đang có ai đó ở gần.”

“Ồ,” Arrietty nói và có vẻ như co rúm lại.

“Vì thế tôi đã dẫn con bé về nhà,” ông Pod nói.

“Thế có ai không?” bà Homily lo lắng hỏi.

Ông Pod cắn một miếng tôm đầy. “Chắc chắn là có,” ông nói, “nhưng tôi tuyệt chẳng nhìn thấy ai cả.”

Bà Homily cúi người ngang bàn. “Con có linh cảm gì không Arrietty?”

Arrietty cất giọng. “Ồ,” cô bé nói, “chúng ta đều có nó ư?”

“Ừ thì, không phải cùng một chỗ,” bà Homily nói. “Linh cảm của mẹ bắt đầu từ mắt cá chân rồi sau đó lên đầu gối. Bà ngoại của con - linh cảm của bà ấy bắt đầu ngay dưới cằm và sau đó chạy quanh gáy...”

“Và buộc một cái nơ ở đằng sau,” ông Pod vừa nói vừa nhai tốp tốp.

“Không, ông Pod,” bà Homily phản đối, “có thật mà. Không cần mĩa mai. Tất cả người nhà Bell-Pull đều như thế. Như một cái cổ áo, bà nói thế...”

“Đáng tiếc là nó đã không bóp cổ bà ta,” ông Pod nói.

“Này, ông Pod, hãy công bằng đi; bà ấy cũng có lý.”

“Lý lẽ!” ông Pod nói. “Bà ta là người đầy lý lẽ.”

Arrietty liếm môi; cô bé lo lắng liếc nhìn từ ông Pod sang bà Homily. “Con không cảm thấy gì,” cô bé nói.

“Ừ,” bà Homily nói, “có thể là báo động nhầm.”

“Ồ không,” Arrietty bắt đầu, “không nhầm đâu...” và, lúc bà Homily nhìn cô bé bằng ánh mắt sắc lẹm, cô bé ấp úng nói, “Ý con là nếu bố cảm thấy gì đó - ý con là - có thể,” cô bé nói tiếp, “con không có khả năng đó.”

“Ừ,” bà Homily nói, “con còn trẻ. Rồi nó sẽ đến, trước sau cũng có. Con hãy đi và đứng trong bếp nhà mình, ngay dưới cái cầu trượt, khi bà Driver

đang cạo tro bếp ở trên nhà. Đứng thẳng trên một cái ghế hay gì đó - để con khá gần trần nhà. Nó sẽ đến - bằng việc luyện tập.”

Sau bữa trà, khi ông Pod đã đến bên bàn mộc của mình còn bà Homily đang rửa bát đĩa, Arrietty vội vàng mở nhật ký của mình, “Mình sẽ mở cuốn nhật ký,” cô bé nghĩ, run run vì vội, “ở bất cứ chỗ nào.” Cuốn nhật ký lật mở ra trang của ngày 9 và 10 tháng Bảy, “Nói một đấng làm một nẻo. Các lá cờ cũ của đội quân Cameron ở nhà thờ lớn tại Glasgow, 1885^[Z] “ - đó là dòng viết của ngày 9. Và ngày 10 là trang có tiêu đề: “Phơi rơm khi trời nắng. Snowdon Peak bán với giá 5.070 đồng bảng Anh, 1889.” Arrietty xé trang vừa rồi. Lật nó lại, cô bé đọc mặt sau, “Ngày 11 tháng Bảy: Đừng biến niềm vui thích của mình thành công việc. Sông Niagara chảy qua C. D. Graham, 1886.” Không, cô bé nghĩ, ta sẽ chọn ngày 10, “Phơi rơm khi trời nắng” và, gạch xóa lần viết gần đây nhất của mình (“Mẹ hơi cái kỉnh”), cô bé viết ở phía dưới:

Bác Hendreary thân mến,

Cháu hy vọng bác mạnh khỏe và các anh em họ đều khỏe và cả bác Lupy nữa. Bố mẹ cháu rất khỏe và cháu đang học đi mượn,

cháu gái thân mến của bác,

Arrietty Clock

Xin bác viết thư lại ở mặt sau

“Con đang làm gì đấy Arrietty?” bà Homily hỏi vọng từ phòng bếp.

“Con đang viết nhật ký.”

“Ồ,” bà Homily nói ngắn gọn.

“Mẹ cần gì không?” Arrietty hỏi.

“Để làm sau cũng được,” bà Homily nói.

Arrietty gấp lá thư lại và cẩn thận để nó giữa hai trang giấy của quyển *Từ điển Địa lý Thế giới của Tom Thumb*. Và, trong cuốn nhật ký, cô bé viết, “Đi mượn. Viết thư cho H. Nói chuyện với C. B.” Sau đó Arrietty ngồi một lúc lâu và nhìn chăm chăm vào ngọn lửa, và suy nghĩ, suy nghĩ và suy nghĩ...

Chương 12



Viết thư là một chuyện nhưng tìm cách bỏ nó xuống dưới thảm lại là chuyện khác. Ông Pod, trong nhiều ngày, nhất định không chịu đi mượn: ông đang say sưa làm công việc hàng năm của mình, sắp xếp đồ trong các phòng kho, sửa chữa các tấm vách ngăn, và treo các kệ giá mới. Arrietty thường thích những công việc sắp xếp vào mùa xuân, khi đồ đạc quý giá gần như đã bị bỏ quên lại xuất hiện và những cách tận dụng mới được khám phá từ đồ mượn cũ. Cô bé thường thích thú lật đi lật lại những miếng vải lụa hoặc vải ren vụn; những chiếc găng tay trẻ con cộc cạch; những đuôi bút chì cụt; những lưỡi dao cạo râu hoen gỉ; những chiếc ghim cài tóc và kim khâu; những quả sung khô, hạt dẻ, những mẫu sô cô la bột và cái cuống màu đỏ tươi của xi găng. Có năm ông Pod, đã làm cho cô bé một chiếc lược từ bàn chải đánh răng và bà Homily làm cho cô bé một chiếc quần buộc túm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ bằng hai ống ngón tay của một chiếc găng tay để “chơi đùa vào buổi sáng”. Có bao nhiêu ống chỉ lụa màu và bông và những quả len nhỏ nhiều màu sắc, các đầu bút mà bà Homily dùng như cái muỗng để xúc bột, và rất nhiều nắp chai.

Nhưng năm nay Arrietty thường đi đi lại lại với vẻ nôn nóng và lẩn tránh mỗi khi cô bé có đủ can đảm, để nhìn ra ngoài lưới sắt với hy vọng sẽ nhìn thấy cậu bé. Bây giờ cô bé luôn đem theo lá thư, nhét trong áo len chui cổ, và các mép giấy đã bị mòn rách. Có một lần cậu bé chạy qua lưới sắt và cô bé nhìn thấy đôi tất len của cậu; lúc đó cổ họng cậu đang phát ra tiếng bình

bịch như một loại động cơ, và khi rẽ ở góc nhà thì cậu bé phát ra tiếng the thé “Tuuuu-uu” (đó là tiếng còi tàu hỏa, sau này cậu bé kể cho cô thế) vì thế cậu đã không nghe thấy cô bé gọi. Một ngày, khi trời đã tối, cô bé bò đi và thử mở cái cổng đầu tiên, nhưng dù đã đu người và kéo hết sức, cô bé vẫn không lay động được cái kim băng.

Bà Homily, mỗi lần quét phòng khách, lại than thở về chiếc thảm. “Đó có thể là một việc đòi hỏi phải trèo lên rèm cửa và ghế ngồi,” bà lại nói với ông Pod. “Nhưng sẽ không mất quá mười lăm phút, với cây kim và dải ruy băng của ông, để lấy cho tôi một miếng giấy thấm từ chiếc bàn viết trong phòng ăn sáng... Bất cứ ai cũng sẽ nghĩ, khi nhìn cái sàn nhà này, rằng chúng ta đang sống trong hang cóc. Không ai có thể gọi tôi là một người chăm dọn dẹp nhà cửa,” bà Homily nói. “Ta không thể, với kiểu gia đình của tôi, nhưng,” bà nói, “tôi thích giữ đồ đẹp vẫn đẹp.” Và cuối cùng, vào ngày thứ tư, ông Pod đã nhượng bộ, chịu thua. Ông đặt cái búa xuống (một miếng sắt nhỏ ở cái chuông điện) và nói với Arrietty, “Đi theo bố...”

Arrietty vui sướng khi được nhìn thấy phòng ăn sáng; may thay cánh cửa đang hé mở và thật mê ly khi cuối cùng đã được đứng trong đám sợi thảm dày dặn chăm chú nhìn lên các kệ giá và cột nhà và những phần nhô ra cao nhất của đồ trang trí trên bệ lò sưởi vẫn hay được nhắc đến. Thế ra đó là chỗ họ đã từng sống, cô bé nghĩ, những kẻ ham mê hưởng lạc, xa cách và hờn hở và tự mãn. Cô bé tưởng tượng ra phụ nữ nhà Overmantel - hơi “trưởng giả”, như bà Homily đã tả về họ, với dáng người thắt đáy lưng ong và mái tóc búi lên theo kiểu Edward^[8] - cúi thả đu mình phía ngoài các trụ tường, uyển chuyển và cười đùa; ngắm mình trong chiếc gương phản chiếu hình các bình đựng thuốc lá, bình pha lê, các giá sách, chiếc bàn với khăn trải bằng nhung lông. Cô bé tưởng tượng ra cánh đàn ông nhà Overmantel - đẹp trai, người ta nói thế, với ria mép dài và những bàn tay thon dài - đang hút thuốc và uống rượu và kể những câu chuyện tiểu lâm. Thế mà họ chưa bao giờ mời bà Homily lên trên đó! Tội nghiệp bà Homily với cái mũi xương xẩu và bộ tóc chẳng bao giờ gọn gàng... Họ có thể đã nhìn bà với

cảm giác kỳ lạ, Arrietty nghĩ, bằng những con mắt dài, hơi cười của họ, rồi khẽ mỉm cười và vừa ngậm nga vừa quay đi. Và họ chỉ sống bằng đồ ăn sáng - bằng bánh mì nướng, trứng và những miếng nấm bé xíu; họ cũng ăn xúc xích, thịt hun khói giòn cùng những ngum trà và cà phê. Bây giờ họ ở đâu? Arrietty tự hỏi. Những người kiểu đó đi đâu được chứ?

Ông Pod quăng cây kim của mình cho nó mắc vào đệm ghế và trong nháy mắt đã trèo lên chân ghế, ngả người ra phía ngoài bằng dải ruy băng; rồi rút kim ra, ông quăng nó như một cái lao, phía trên đầu ông, vào một nếp gấp rèm cửa. Đến lúc rồi Arrietty nghĩ, và lần sờ lá thư quý báu của mình. Cô bé lên vào hành lang. Lần này chỗ đó tối hơn vì cửa chính đóng, và cô bé chạy ngang qua hành lang, tìm đập mạnh. Tầm thắm nặng, nhưng cô bé nhấc một góc lên và dùng chân đẩy lá thư xuống dưới. “Xong!” cô bé nói, và nhìn quanh mình... bóng tối, bóng tối, và cái đồng hồ tích tắc. Cô bé nhìn ngang qua mặt phẳng to lớn của sàn nhà đến chỗ cầu thang đi lên ở đằng xa. “Một thế giới khác ở phía trên,” cô bé nghĩ, “thế giới bên trên thế giới...” và khẽ rùng mình.

“Arrietty,” ông Pod nhẹ nhàng gọi từ phòng ăn sáng, và cô bé chạy lại vừa kịp lúc nhìn thấy ông nhún chân rời khỏi đệm ghế và kéo mình lên trên dải ruy băng, ngang với bàn viết. Ông hạ xuống nhẹ nhàng, chân giạng ra và cô bé nhìn thấy ông, vì lý do an toàn, quần sợi ruy băng vòng quanh cổ tay. “Bố muốn con quan sát việc đó,” ông nói, thở hơi hỗn hển. Tấm giấy thắm, khi ông đẩy, nó trôi xuống khá mềm mại, nhẹ nhàng bay trong không khí, và cuối cùng nằm cách mặt bàn viết dăm phân, hồng và mới, trên sợi len xám xịt của tấm thảm.

“Con bắt đầu cuộn đi,” ông Pod nói thầm. “Bố sẽ xuống.” Thế là Arrietty quỳ xuống và bắt đầu cuộn tấm giấy thắm cho đến khi nó trở nên quá cứng tới nỗi cô bé không thể giữ được. Ông Pod nhanh chóng kết thúc việc đó và buộc nó lại bằng dải ruy băng, xuyên cây kim kẹp mũ của mình qua, rồi họ cùng bê cái ống, như hai người thợ sơn bê một chiếc thang, chui dưới đồng hồ và xuống lỗ.

Bà Homily gần như không cảm ơn họ, khễ thờ hỗn hển, khi họ thả cái bó ở hành lang ngoài cửa phòng khách. Bà trông có vẻ lo lắng. “Ô, hai bố con đây rồi,” bà nói. “Ơn Chúa! Cái cậu bé ấy lại đi lại khắp nơi rồi. Tôi vừa nghe bà Driver nói chuyện với Crampfurl.”

“Ôi!” Arrietty kêu lên. “Nó nói gì cơ?” rồi bà Homily liếc cái nhìn sắc lẹm về phía cô bé và thấy cô bé đang tái đi. Arrietty nhận ra mình nên nói, “Cậu bé nào?” Giờ thì đã quá muộn.

“Không có gì thật tệ đâu,” bà Homily nói tiếp, như để làm yên lòng cô bé. “Chỉ là một cậu bé mà họ có ở trên nhà. Không sao cả, nhưng mẹ nghe bà Driver nói bà ấy sẽ đánh nó bằng dế, để rồi xem, nếu nó lại làm lật những cái thảm ở hành lang lần nữa.”

“Những cái thảm ở hành lang!” Arrietty nhắc lại.

“Đúng. Ba ngày liên tục, bà nói với Crampfurl, nó lật những tấm thảm ở hành lang. Bà ta nói mình biết chắc vì bụi và cách nó đã đặt lại những tấm thảm. Phần hành lang đã làm mẹ lo lắng, vì con và bố - Làm sao thế, Arrietty? Không việc gì phải làm cái bộ mặt như thế! Nào, giúp mẹ chuyển bàn ghế và ta sẽ trải thảm xuống.”

“Ôi trời, ôi trời,” Arrietty nghĩ ngợi khổ sở, trong khi giúp mẹ trút hết những cái ngăn kéo bằng hộp diêm. “Ba ngày liên tục cậu ấy nhìn mà không có gì ở đó. Cậu ấy giờ sẽ thôi hy vọng... cậu ấy sẽ không bao giờ lật thảm nữa.”

Tối hôm đó cô bé đứng hàng tiếng đồng hồ trên một cái ghế đẩu dưới cầu trượt trong bếp của họ, giả vờ đang tập để có “linh cảm” trong khi thật ra cô bé nghe câu chuyện của bà Driver với Crampfurl. Tất cả những gì cô bé biết được là chân của bà Driver đang bị đau gần chết, và rất tiếc là bà đã không báo xin thôi việc từ hồi tháng Năm, và Crampfurl có muốn uống thêm một ly nữa không, bởi vì trong tầng hầm có nhiều rượu hơn mức bất cứ ai có thể uống được trong cả quãng đời bà, và nếu họ nghĩ bà ta sẽ một

mình lau chùi các cửa sổ ở tầng một thì họ nên nghỉ lại. Nhưng vào đêm thứ ba, đúng lúc Arrietty trèo xuống khỏi chiếc ghế đầu trước khi có nguy cơ mất thăng bằng vì mệt mỏi, cô bé nghe thấy Crampfurl nói, “Nếu bà hỏi ý kiến tôi, tôi sẽ nói là nó có một con chồn sương.” Và Arrietty lại vội trèo lên, nín thở.

“Một con chồn sương!” cô bé nghe bà Driver kêu lên the thé. “Rồi đây còn đến cái gì nữa chứ? Nó giữ con chồn ở đâu?”

“Điều đó thì tôi không biết được,” Crampfurl nói bằng cái giọng trầm ồm của ông, “tôi chỉ biết là nó đi quá Parkin’s Beck, vòng quanh tất cả các bờ đất và cất tiếng như thể đang gọi vọng xuống tất cả các hang thỏ.”

“Thật không thể tin được,” bà Driver nói. “Cốc của ông đâu?”

“Chỉ một ly thôi,” Crampfurl nói. “Đủ rồi. Vào gan của ta, thứ ngọt này - không phải như bia, không hề. Đúng thế,” ông nói tiếp, “khi nhìn thấy tôi đang cầm súng đi đến thì nó giả vờ như đang cắt một cái que từ hàng rào cây. Nhưng tôi nhìn thấy nó rồi và đã nghe thấy nó. Gọi ầm ĩ, mũi của nó gi xuống dưới một cái hang thỏ. Tôi nghĩ nó có một con chồn sương.” Có một tiếng ực, như thể Crampfurl vừa uống. “Phải,” cuối cùng ông nói, và Arrietty nghe thấy ông đặt cốc xuống, “một con chồn sương tên là Bác gì đó.”

Arrietty đột ngột cử động, giữ thăng bằng trong một chốc với hai cánh tay vẫy vẫy, rồi ngã khỏi ghế. Có một tiếng lóc cóc khi chiếc ghế trượt ngang, đập vào một cái tủ ngăn kéo và đổ rầm.

“Cái gì thế?” Crampfurl hỏi.

Trên nhà im lặng và Arrietty nín thở.

“Tôi tuyệt chẳng nghe thấy gì cả,” bà Driver nói.

“Có,” Crampfurl nói, “hình như ở dưới sàn nhà, ở đằng kia cạnh cái bếp ấy.”

“Không có gì đâu,” bà Driver nói. “Than rời đây mà. Thường kêu như thế. Thỉnh thoảng khiến ta hoảng sợ khi ngồi đây một mình... Nào, đưa cốc của ông đây, chỉ còn một ly thôi - vì thế nên uống hết cả chai đi...”

Họ đang uống rượu vang Fine Old Madeira, Arrietty nghĩ, và một cách rất thận trọng cô bé dựng lại chiếc ghế và đứng im lặng bên cạnh nó, nhìn lên. Cô bé có thể nhìn thấy ánh sáng qua vết nứt, thỉnh thoảng vụt tối khi ai đó cử động tay.

“Phải,” Crampfurl nói tiếp, trở lại câu chuyện của mình, “và khi tôi cầm khẩu súng lại gần thì nó nói, kiểu rất ngây thơ - để đánh lạc hướng, tôi chắc thế, ‘Có hang con lửng ở đây không?’ “

“Thật tinh ranh,” bà Driver nói, “những thứ chúng nghĩ ra... hang con lửng...” rồi bà bật cười khúc khích.

“Thật ra,” Crampfurl nói, “vốn dĩ ở đó có một cái, nhưng khi tôi chỉ cho nó ở đâu, thì nó không quan tâm. Chỉ đứng đó, đợi tôi đi.” Crampfurl cười phá lên. “Cả hai đều có thể vờ vịt chơi trò đó, tôi nghĩ, nên tôi ngồi xuống. Và thế là chúng tôi ở đó, cả hai người.”

“Rồi sao nữa?”

“Ừ, cuối cùng thì nó cũng phải đi. Để lại con chồn sương của nó. Tôi đợi một lúc, nhưng con chồn không ra. Tôi chọc linh tinh một chút và huýt sáo. Tiếc rằng tôi không nghe rõ cái tên thằng bé gọi. Nghe như là Bác gì đó...” Arrietty nghe thấy tiếng kéo lê đột ngột của một cái ghế. “Thôi,” Crampfurl nói, “tôi nên đi nốt lũ gà vào...”

Cửa phòng rửa bát đập và có tiếng lóc cóc đột ngột ở trên nhà khi bà Driver bắt đầu cời bếp lửa. Arrietty để lại ghế và nhẹ nhàng lén vào phòng khách, ở đó cô bé thấy mẹ đang một mình.

Chương 13



Bà Homily đang là ủi, khom người mà đập, và hất tóc về phía sau cho khỏi vướng mắt. Khắp cả căn phòng đều là quần áo lót được hong khô trên những chiếc kim băng mà bà Homily dùng làm mắc áo.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” bà Homily nói. “Con bị ngã à?”

“Vâng,” Arrietty nói, lặng lẽ bước đến chỗ của mình bên cạnh đồng lửa.

“Thế việc tập có linh cảm đến đâu rồi?”

“Ồ, con không biết,” Arrietty nói. Cô bé chụm đầu gối lại và tựa cằm lên.

“Miếng đan của con đâu?” bà Homily hỏi. “Mẹ không biết gần đây con bị làm sao nữa. Lúc nào cũng vẫn vơ. Con bị mệt phải không?”

“Ôi,” Arrietty kêu lên, “hãy để con yên!” Và riêng lần này bà Homily đã lặng thinh. “Đó là vì tiết trời mùa xuân,” bà tự nhủ. “Cũng thường ảnh hưởng đến mình như thế hồi ở tuổi nó.”

“Mình phải gặp cậu bé đó,” Arrietty nghĩ - dờ dãn nhìn vào đồng lửa. “Mình phải nghe điều gì đã xảy ra. Mình phải nghe liệu họ nói có đúng không. Mình không muốn chúng mình bị tuyệt chủng. Mình không muốn trở thành Người Vay Mượn cuối cùng. Mình không muốn” - và đến đây Arrietty gục mặt xuống đầu gối - “sống mãi mãi và mãi mãi như thế này... ở trong bóng tối... dưới sàn nhà...”

“Không cần dọn bữa ăn tối,” bà Homily nói, phá vỡ sự im lặng, “bố con đang đi mượn. Ở phòng Bà. Và con biết điều đó có nghĩa là gì!”

Arrietty ngẩng đầu lên. “Không,” cô bé nói, gần như không nghe, “điều đó có nghĩa là gì?”

“Là ít nhất trong hơn một tiếng rưỡi nữa bố con sẽ không về,” bà Homily gắt gỏng nói. “Bố con thích ở trên đó, nói chuyện phiếm với Bà và nhìn ngó xung quanh trên bàn phấn. Và cũng đủ an toàn một khi cậu bé đã lên giường. Cũng không có gì ta đặc biệt cần lắm,” bà nói tiếp. “Các kệ giá bố vừa mới làm. Bố bảo nom chúng trống không nên bố bảo bố có thể đi kiếm một vật nhỏ nào đó...”

Arrietty đột nhiên ngồi thẳng dậy: một ý nghĩ vụt hiện ra, làm cô bé nín thở và hơi run run đầu gối. “Hơn một tiếng rưỡi,” mẹ cô đã nói thế, và những cái cổng đang mở!

“Con đi đâu đấy?” bà Homily hỏi trong khi Arrietty đi đến cửa.

“Chỉ sang các phòng kho thôi,” Arrietty vừa nói vừa với một tay che nấn tránh khỏi gió lùa. “Con sẽ không đi lâu đâu.”

“Này con đừng làm bừa nhé!” bà Homily kêu vọng về phía cô bé. “Và cẩn thận ngọn lửa đó!”

Trong lúc đi dọc hành lang, Arrietty nghĩ, “Thật mà. Mình đang đi đến phòng kho - để tìm một cây kim kẹp mũ nữa. Và nếu mình tìm được một cây kim mũ (và một sợi dây - sẽ không có ruy băng đâu) mình vẫn sẽ ‘không đi lâu’ vì mình phải quay về trước bố. Và mình đang làm việc này vì họ,” cô bé gan lì tự nhủ, “và một ngày kia họ sẽ cảm ơn mình.” Thế nhưng cô bé vẫn cảm thấy mình có lỗi. “Tinh ranh” - đó là điều mà bà Driver có thể nói về cô bé.

Có một cây kim mũ - một cái có thanh ngang trên đầu - và cô bé buộc một sợi dây, rất chặt, cuộn nó lên xuống thành hình số tám và, trong cảm hứng

dâng trào, cô bé gắn nó vào bằng sáp nến.

Những cánh cổng đang mở và cô bé để nến ở giữa hành lang nơi nó sẽ không gây nguy hiểm, ngay dưới cái lỗ cạnh đồng hồ.

Khi cô bé trèo vào cái hành lang vĩ đại thì nơi đó tờ mờ với những khoảng tối. Ngọn đèn ga vụn nhỏ phát ra một vòng ánh sáng bên cạnh cửa chính được khóa trái và một ngọn đèn khác lung linh trên chiếu nghỉ giữa cầu thang. Trần nhà cao hút và tối, xung quanh là khoảng trống. Phòng trẻ, cô bé biết, ở cuối hành lang tầng trên và cậu bé đang ngủ - mẹ cô đã nói thế.

Arrietty đã quan sát bố dùng cây kim cắm lên ghế, và lên từng bậc cầu thang, nếu so ra thì dễ hơn. Sau giây lát sẽ thành một kiểu nhịp: quăng, kéo, trèo, và một cú đu người lên trên. Các thành cầu thang lóe sáng lạnh lùng, nhưng đóng thảm có vẻ mềm và ấm, đặt chân xuống thật dễ chịu. Trên chiếu nghỉ cầu thang cô bé dừng lại thở. Cô bé không sợ sự mờ tối; cô bé sống ở trong bóng tối; đối với cô bé thì như vậy chẳng khác gì ở nhà và những lúc thế này, cô bé cảm thấy an toàn.

Trên đầu cầu thang cô bé nhìn thấy một cánh cửa đang mở và một ô vuông lớn tỏa ánh sáng vàng như một chướng ngại vật nằm ngang hành lang. “Mình phải đi qua chỗ đó,” Arrietty tự nhủ, cố gắng can đảm. Bên trong căn phòng được chiếu sáng, một giọng đang nói, đều đều. “... Và con ngựa cái này,” giọng đó nói, “là một con năm tuổi mà thực ra là của người anh em tôi ở Ailen, không phải anh mà là em trai tôi, vốn là chủ của Bí Tắc và Ôi Cưng. Ông ấy đã cho nó tham gia nhiều cuộc đua ngựa vượt rào... nhưng tôi nói ‘nhiều’ tức ý tôi là ba hoặc ít nhất là hai... Ông đã bao giờ xem một cuộc đua ngựa vượt rào của Ailen chưa?”

“Chưa,” một giọng khác nói, khá lơ đãng. “Đó là bố,” Arrietty giật mình nhận ra, “bố đang nói chuyện với bà dì Sophy hay thực ra là bà dì Sophy đang nói với bố mình.” Cô bé nắm chắc những vòng dây giữ cây kim của mình, rồi chạy vào vùng ánh sáng và băng qua nó đến đầu kia hành lang.

Khi chạy qua cánh cửa đang mở cô thoáng thấy một ngọn lửa lò sưởi, ánh đèn và bàn ghế bóng nhoáng cùng vài thêu kim tuyến đỏ sẫm.

Phía sau ô vuông ánh sáng, hành lang lại tối và cô bé có thể nhìn thấy ở xa xa phía cuối có một cánh cửa hé mở. “Đó là phòng trẻ ban ngày,” cô bé nghĩ, “sau đó là đến phòng trẻ ban đêm.”

“Có một số khác biệt nhất định,” giọng bà dì Sophy nói tiếp, “mà ông sẽ để ý đến ngay. Ví dụ như...” Arrietty thích giọng nói đó. Nó mang cảm giác an ủi và đều đặn, như tiếng của cái đồng hồ ở hành lang, và khi bước ra khỏi tấm thảm tới một mảnh sàn nhà được đánh bóng bên cạnh tấm ván ốp chân tường, cô bé thích thú khi nghe thấy rằng ở Ailen có tường thay vì hàng rào cây. Ở đây cạnh ván ốp chân tường cô bé có thể chạy, mà cô bé thì thích chạy. Khó mà đi lại được trên thảm - dày và bám chặt, nó cản ta lại. Những tấm ván phẳng và có mùi sáp ong. Cô bé thích mùi đó.

Phòng học nơi cô bé đến được bao phủ bằng những tấm chống bụi và đầy đồ lặt vặt bỏ đi. Ở đây cũng có một ngọn đèn ga vụn nhỏ thành ngọn lửa xanh xanh. Sàn nhà bằng vải sơn lót nhà, khá mòn, những tấm thảm cũng thế. Ở dưới chiếc bàn là một cái hang to lớn tối tăm. Cô bé đi vào đó, quờ quạng, va mạnh vào một chiếc gối quỳ bụi bặm cao hơn đầu cô. Lại bước ra, đi vào trong khoảng ánh sáng mờ mờ, cô bé nhìn lên và thấy cái tủ ở góc tường với bộ ấm tách trà của búp bê, bức tranh trên lò sưởi, và cái rèm bằng vải nhung lông nơi bố cô bé đã bị “nhìn thấy”. Chân ghế ở khắp nơi và đệm ngồi che khuất tầm nhìn của cô bé. Cô bé lần mò tìm đường giữa chúng để đến cửa phòng trẻ ban đêm và ở đó đột nhiên cô nhìn thấy, trên một cao nguyên phủ bóng tối ở góc xa, cậu bé nằm trên giường. Cô bé nhìn thấy khuôn mặt khổng lồ của cậu, ngả trên mép gối quay về phía cô bé; cô bé nhìn thấy ánh đèn khí ga phản chiếu trong đôi mắt đang mở của cậu; cô bé nhìn thấy tay cậu bé đang nắm chặt chần, giữ nó ấn vào trước miệng.

Cô ngừng lại và đứng im. Một lát sau, khi nhìn thấy ngón tay cậu bé buông ra, cô bé khẽ nói, “Đừng sợ... Tôi đây mà, Arrietty.”

Cậu bé để chân tụt xuống khỏi miệng và nói, “Arri-cái gì-y?” Cậu có vẻ bực mình.

“Etty,” cô bé từ tốn nhắc lại. “Cậu đã lấy lá thư chưa?”

Cậu nhìn chăm chú cô bé một lát không nói gì, rồi bảo, “Tại sao cậu lại lên vào phòng tôi?”

“Tôi không lên vào,” Arrietty nói. “Thậm chí tôi còn chạy đấy. Cậu không thấy à?”

Cậu bé im lặng, nhìn cô bé chăm chăm với đôi mắt tròn không lồ.

“Khi tôi đem cuốn sách ra thì cậu đã đi rồi,” cuối cùng cậu bé nói.

“Tôi phải đi. Bữa trà đã xong. Bố tôi gọi tôi.”

Cậu bé hiểu. “Ồ,” cậu bé chỉ nói vậy, và không trách cô bé.

“Cậu đã lấy lá thư chưa?” cô bé lại hỏi.

“Rồi,” cậu bé nói, “tôi đã phải quay lại hai lần. Tôi nhét nó vào hang của con lửng...” Cậu bé đột nhiên hất chân ra và đứng lên trên giường, to khổng lồ trong áo ngủ vải flanen nhạt màu. Đến lượt Arrietty sợ hãi. Cô bé hơi quay đi, mắt nhìn lên khuôn mặt cậu bé, và bắt đầu từ từ lùi lại về phía cửa. Nhưng cậu bé không nhìn cô; cậu đang sờ soạng đằng sau một bức tranh trên tường. “Nó đây này,” cậu bé nói, lại ngồi xuống, và cái giường kêu cọt kẹt rất to.

“Nhưng tôi không muốn lấy lại nó!” Arrietty kêu lên, lại tiến lên. “Lẽ ra cậu phải để ở đó! Tại sao cậu lại mang nó về?”

Cậu bé lật lá thư trên những ngón tay mình. “Ông ấy đã viết lên nó,” cậu bé nói.

“Ôi, làm ơn,” Arrietty kêu lên xúc động, “cho tôi xem nào!” Cô bé chạy thẳng đến bên giường và giật giật tấm ga rủ xuống. “Thế là họ còn sống!

Cậu có nhìn thấy bác ấy không?”

“Không,” cậu bé nói, “bức thư ở đó, ngay trong cái hang nơi tôi đã để nó lại.” Cậu bé cúi về phía cô. “Nhưng ông ấy đã viết lên nó. Nhìn này!”

Cô bé lao nhanh tới và suýt giật lá thư từ những ngón tay không lồ của cậu bé, nhưng cẩn thận giữ mình ngoài tầm tay cậu. Cô bé ôm lá thư chạy đến cửa phòng học nơi có ánh đèn, tuy mờ nhưng cũng hơi sáng hơn. “Mờ lắm,” cô bé nói, cầm nó lên gần mắt mình. “Bác ấy đã viết bằng gì? Tôi tự hỏi. Tất cả đều là chữ in hoa...” Cô bé quay phắt người lại. “Có chắc là cậu không viết cái này không đấy?” cô bé hỏi.

“Tất nhiên là không,” cậu bé lên tiếng. “Tôi viết nhỏ...” Nhưng cô bé đã nhìn thấy trên khuôn mặt cậu bé rằng cậu nói sự thật, thế nên cô bắt đầu đánh vần từng chữ. “N-ó-i,” cô bé nói. “Nói v-ó-i.” Cô bé ngẩng lên nhìn. “Vói?” cô nói.

“Phải,” cậu bé nói, “vói.”

“Nói với b-ã-c, bác?” Arrietty nói. “Bắc? Với bắc?” Cậu bé im lặng, chờ đợi. “Bắc L-u - Ồ, bác Lupy!” cô bé kêu lên. “Bác ấy bảo - nghe này, bác ấy bảo thế này, ‘Nói với bác Lupy của cháu về nhà đi!’ “

Có một khoảng lặng. “Thế thì nói với bác ấy đi,” cậu bé nói sau giây lát.

“Nhưng bác ấy không ở đây!” Arrietty kêu lên. “Bác ấy chưa bao giờ ở đây! Tôi thậm chí không nhớ bác ấy trông như thế nào!”

“Nhìn kìa,” cậu bé nói, nhìn chăm chăm vào cửa, “có ai đang đến!”

Arrietty quay ngoắt lại. Không còn thời gian để trốn: đó là ông Pod, một tay cầm túi đi mượn, trong tay kia là cây kim. Ông đứng dưới ngưỡng cửa phòng học. Ông đứng bất động, hình dáng in lên ánh sáng từ ngoài hành lang, cái bóng nhỏ bé hắt mờ xuống phía trước ông. Ông đã nhìn thấy cô bé.

“Bố nghe thấy tiếng con,” ông nói, và có một sự khe khẽ đáng sợ trong cách ông nói, “khi bố vừa rời khỏi phòng Bà.” Arrietty nhìn chăm chăm lại ông, nhét lá thư vào dưới lớp áo len chui đầu. Liệu ông có nhìn được qua cô bé vào phía trong căn phòng tối? Liệu ông có nhìn thấy được cái hình thù rối bù trên giường?

“Về nhà thôi,” ông Pod nói, và quay đi.

Chương 14



Ông Pod không nói gì cho đến khi họ đã vào phòng khách. Ông cũng không nhìn cô bé. Cô bé phải hấp tấp đi nhanh hết sức theo ông. Ông phớt lờ nỗ lực của cô bé khi giúp ông đóng các cổng vào, nhưng có một lần, khi cô bé bị vấp ngã, ông đợi đến khi cô đứng lên, nhìn cô với vẻ gần như không quan tâm trong khi cô bé phủi bụi trên đầu gối.

Bữa ăn tối đã được bày ra, quần áo là ủi đã được cất dọn và bà Homily từ bếp chạy vào, ngạc nhiên khi nhìn thấy họ đi cùng nhau.

Ông Pod ném chiếc túi đi mượn xuống. Ông nhìn vợ chăm chăm.

“Có chuyện gì thế?” bà Homily ấp úng nói, nhìn từ người này sang người kia.

“Nó đã vào phòng trẻ đêm,” ông Pod khẽ nói, “nói chuyện với cậu bé đó!”

Bà Homily bước lên, hai tay run rẩy áp vào tạp dề, đôi mắt hoảng hốt liếc qua liếc lại. “Ôi, không...” Bà thở hắt ra.

Ông Pod ngồi xuống. Ông đưa bàn tay mệt mỏi vuốt mắt và trán; khuôn mặt ông có vẻ nặng nề như một cục bột nhào. “Bây giờ thì sao?” ông nói.

Bà Homily đứng im, cúi đầu trên đôi tay siết chặt, và nhìn chăm chăm vào Arrietty. “Ôi, con không thể...” bà thì thầm.

“Họ sợ hãi,” Arrietty nhận thấy, “họ không cúi gập chút nào - họ rất, rất sợ hãi.” Cô bé bước lên. “Không sao đâu...” cô bé lên tiếng.

Bà Homily ngồi sụp xuống trên cái ống chỉ bông; người bà bắt đầu run rẩy. “Ôi,” bà nói, “chúng ta sẽ phải làm gì đây?” Bà bắt đầu đu đưa người, rất nhẹ, bên này qua bên nọ.

“Ôi, mẹ, đừng!” Arrietty van xin. “Không tồi tệ đến thế đâu. Thực sự là không mà.” Cô bé lần sờ bên dưới lớp áo len của mình; lúc đầu không tìm thấy lá thư - nó đã bị trượt quanh người cô bé ra đằng sau - nhưng cuối cùng cô bé rút được nó ra, nhàu nhĩ. “Nhìn này,” cô bé nói, “đây là một lá thư từ bác Hendreary. Con đã viết thư cho bác ấy và cậu bé đem lá thư...”

“Con viết cho bác ấy!” bà Homily kêu lên với một tiếng thét kìm nén. “Ôi,” bà than van, và nhắm mắt, “rồi tiếp theo nữa sẽ là cái gì! Chúng ta sẽ phải làm gì?” rồi bà yếu ớt quạt quạt cho mình bằng bàn tay xương xẩu.

“Lấy cho mẹ một cốc nước, Arrietty,” ông Pod gắt gỏng. Arrietty đem nước đựng trong một cái vỏ hạt phi cửa - nó đã bị cửa ở đầu nhọn và có hình giống một cốc rượu brandy.

“Nhưng điều gì khiến con làm một việc như thế, Arrietty?” bà Homily nói với giọng đã bình tĩnh hơn, đặt cái cốc rỗng xuống bàn. “Con bị làm sao thế?”

Rồi Arrietty kể cho họ về chuyện bị “nhìn thấy” - hôm ở dưới cây anh đào đó. Và cô đã giấu họ như thế nào vì không muốn làm họ lo lắng. Và điều cậu bé đã nói về “tuyệt chủng”. Và - còn hơn cả quan trọng - việc biết chắc rằng gia đình Hendreary vẫn còn sống cấp bách đến thế nào. “Bố mẹ hiểu không,” Arrietty van nài, “xin bố mẹ hãy hiểu! Con đang cố gắng cứu giống loài chúng ta!”

“Nghe từ ngữ nó dùng kìa!” bà Homily nói với ông Pod thật khẽ, tuyệt chẳng có chút tự hào.

Nhưng ông Pod không nghe thấy. “Cứu giống loài chúng ta!” ông nhắc lại một cách dứt khoát. “Chính những người như con, con của bố, làm những chuyện bất thành lình không tôn trọng tập quán, sẽ giết chúng ta những Người Vay Mượn một lần và mãi mãi. Con không nhận ra con đã làm gì à?”

Arrietty bắt gặp ánh mắt trách móc của bố. “Có,” cô bé ấp úng nói, “con đã - con đã liên hệ được với những người duy nhất khác còn sống. Để,” cô bé dừng cảm nói tiếp, “từ nay trở đi tất cả chúng ta có thể đoàn tụ với nhau...”

“Tất cả đoàn tụ với nhau!” ông Pod giận dữ nhắc lại. “Con nghĩ rằng có ngày cái lũ nhà Hendreary sẽ về lại đây ở ư? Con có thể tưởng tượng mẹ con sẽ di cư đến ở trong một cái hang con lừng, cách đây hai cánh đồng, giữa đồng không mông quạnh và không có nước nóng à?”

“Không bao giờ!” bà Homily kêu lên bằng giọng sôi sục, chan chứa làm cả hai bố con quay lại nhìn bà.

“Hay con có thể tưởng tượng được mẹ con đi bộ qua hai cánh đồng và một khu vườn,” ông Pod nói tiếp, “hai cánh đồng đây quạ, đây bò, đây ngựa và đủ thứ khác, để uống một tách trà với bác Lupy của con, người mà mẹ con dù sao cũng không ưa lắm? Nhưng đợi đã,” ông nói khi Arrietty định lên tiếng, “đó không phải là điều quan trọng - bởi vì dù tất cả điều đó xảy ra thì chúng ta cũng chỉ quay lại như cũ thôi - điều quan trọng,” ông nói tiếp, cúi về phía trước và tuyên bố một cách vô cùng nghiêm nghị, “là thế này: bây giờ thì cái cậu bé đó biết chúng ta ở đâu rồi!”

“Ồ không,” Arrietty nói, “con chưa bao giờ kể cho cậu ấy điều ấy. Con...”

“Con đã kể cho nó,” ông Pod cắt lời, “về cái ống nước ở trong bếp bị vỡ; con đã kể với nó về chuyện tất cả đồ đạc của chúng ta bị trôi đến cái lưới sắt như thế nào.” Ông ngồi ngửa người ra và nhìn cô bé với vẻ giận dữ. “Nó chỉ cần suy đoán,” ông nói. Arrietty im lặng và ông Pod nói tiếp, “Đó là điều chưa bao giờ xảy ra từ trước đến nay, chưa bao giờ, trong cả chiều

dài lịch sử của Người Vay Mượn. Những Người Vay Mượn đã bị ‘nhìn thấy’ - phải; những Người Vay Mượn đã bị bắt - có thể: nhưng không một con người nào từng được biết nơi Người Vay Mượn ở. Chúng ta đang ở một tình thế rất nguy hiểm, Arrietty ạ, và con đã đẩy chúng ta vào tình thế đó. Đó là sự thật.”

“Ôi, ông Pod,” bà Homily khóc thút thít, “đừng làm con bé sợ.”

“Không đâu, bà Homily,” ông Pod nói nhẹ nhàng hơn, “cô gái già đáng thương của tôi! Tôi tuyệt chẳng muốn làm ai sợ cả, nhưng việc này rất nghiêm trọng. Giả dụ tôi nói với bà phải sắp xếp hết đồ đạc trong đêm nay, tất cả những thứ lặt vặt của chúng ta, thì bà sẽ đi đâu?”

“Không đến nhà Hendreary,” bà Homily kêu lên, “không đến đó đâu, ông Pod! Tôi không bao giờ có thể dùng chung bếp với Lupy...”

“Không,” ông Pod đồng ý, “không đến nhà Hendreary. Và bà không biết tại sao à? Cậu bé cũng biết về chỗ đó rồi!”

“Ôi!” bà Homily kêu lên mất hết tinh thần.

“Phải,” ông Pod nói, “hai con chó săn khôn ngoan hay một con chồn sương được huấn luyện tốt, thế là nhà đó sẽ tiêu đời.”

“Ôi, ông Pod...” bà Homily kêu lên và lại bắt đầu run rẩy. Ý nghĩ phải sống trong một cái hang con lửng đã đủ khủng khiếp rồi, nhưng ý nghĩ ngay cả chỗ đó cũng không có để mà đến lại còn tồi tệ hơn nữa. “Và tôi dám nói rằng cuối cùng thì tôi cũng sẽ sắp xếp mọi chuyện tốt đẹp,” bà nói, “nếu chúng ta ở khá tách biệt...”

“Ừ, nhưng nghĩ về chuyện đó lúc này cũng chẳng ích gì,” ông Pod nói. Ông quay về phía Arrietty, “Bác Hendreary của con viết gì trong thư?”

“Đúng rồi,” bà Homily kêu lên, “lá thư đâu?”

“Bác ấy không viết nhiều lắm,” Arrietty nói rồi đưa lá thư ra, “bác ấy chỉ viết, ‘Nói với bác Lupy của cháu về nhà đi.’”

“Cái gì?” bà Homily kêu thê lên, nhìn ngược lá thư. “Về nhà đi? Ý ông ấy là thế nào?”

“Ý ông ấy,” ông Pod nói, “là Lupy chắc hẳn đã lên đường tới đây thế nhưng bà ấy đã không đến.”

“Lên đường tới đây?” bà Homily nhắc lại. “Nhưng bao giờ?”

“Làm sao tôi biết được?” ông Pod nói.

“Bác ấy không viết là khi nào,” Arrietty nói.

“Nhưng,” bà Homily kêu lên, “có thể là từ nhiều tuần trước rồi!”

“Có thể,” ông Pod nói. “Đủ lâu để ông ấy muốn bà ta quay về.”

“Ôi,” bà Homily kêu lên, “còn đám trẻ con nhỏ bé đáng thương nữa!”

“Bây giờ chúng nó cũng lớn lắm rồi,” ông Pod nói.

“Nhưng chắc hẳn đã có điều gì đó xảy ra với bà ấy!” bà Homily kêu lên.

“Phải,” ông Pod nói. Ông quay về phía Arrietty. “Con hiểu ý bố chưa, Arrietty, về những cánh đồng đó ấy?”

“Ôi, ông Pod,” bà Homily nói, ứa nước mắt, “tôi tuyệt chẳng nghĩ rằng có ai trong chúng ta sẽ còn gặp Lupy tội nghiệp nữa!”

“Ừm, có hay không có chuyện xảy ra với Lupy thì chúng ta cũng chẳng bao giờ gặp lại mà,” ông Pod nói.

“Ông Pod,” bà Homily trấn tĩnh lại nói, “tôi sợ. Tất cả mọi thứ như đang xảy ra cùng một lúc. Chúng ta phải làm sao đây?”

“Ừm,” ông Pod nói, “đêm nay thì chúng ta chẳng làm được gì rồi. Điều đó là chắc chắn. Ngoài ăn tối một chút và ngủ một giấc ngon.” Ông đứng lên.

“Ôi, Arrietty,” bà Homily đột nhiên rên rĩ, “đứa con gái hư hỏng xấu xa! Sao con có thể khơi nguồn tất cả chuyện này? Sao con lại đi nói chuyện với một con người? Nếu...”

“Con bị ‘nhìn thấy’,” Arrietty kêu lên. “Đâu phải lỗi của con khi bị ‘nhìn thấy’. Bố cũng bị ‘nhìn thấy’. Con không nghĩ rằng việc này tồi tệ như bố mẹ đang cố gắng dựng lên. Con không nghĩ con người lại tồi tệ như thế...”

“Có người tốt và có người xấu,” ông Pod nói, “có người thật thà và người tinh ranh - tùy người tùy lúc. Và thú vật, nếu biết nói, chúng sẽ nói giống như bố. Hãy tránh xa họ - đó là điều bố luôn được dạy. Dù họ có hứa hẹn gì đi nữa. Tuyệt chẳng có điều gì hay ho đến từ bất kỳ con người nào đâu.”

Chương 15



Đêm đó, trong khi Arrietty nằm thảng bất động dưới trần nhà bằng hộp xì gà, bà Homily và ông Pod nói chuyện hàng tiếng đồng hồ. Họ nói chuyện trong phòng khách, họ nói chuyện trong bếp, và sau đó, muộn hơn nữa, cô bé vẫn nghe thấy họ nói chuyện trong phòng ngủ của họ. Cô bé nghe tiếng ngăn kéo đóng và mở, những cánh cửa cọt kẹt, những chiếc hộp kéo ra từ dưới các giường. “Họ đang làm gì?” cô bé tự hỏi. “Chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo?” Rất im lặng, cô bé nằm trên chiếc giường nhỏ bé mềm mại của mình với những đồ đạc quen thuộc quanh cô: cái tem thư vẽ phong cảnh cảng Rio; con lợn bằng bạc từ một chiếc vòng tay hộ mệnh; cái nhẫn ngọc mà có lúc cô bé đội làm mũ miện cho vui, và quý giá nhất là những cô gái bay trên trời mồm thổi chiếc kèn vàng phía trên thành phố yên bình của họ. Cô không muốn mất những thứ này, cô bé đột nhiên nhận ra điều ấy trong khi đang nằm thảng người và bất động trên giường, nhưng vẫn muốn có được tất cả những thứ khác, cả phiêu lưu lẫn an toàn - đó là điều cô muốn. Và đó là điều ta không thể làm được (những tiếng ồn và tiếng thì thầm không ngừng cho cô bé biết vậy).

Thực ra bà Homily chỉ đang trong tâm trạng bồn chồn: mở các ngăn kéo rồi đóng lại, không thể ngồi im. Và cuối cùng, khi ông Pod đã lên giường, bà quyết định uốn tóc. “Thôi nào, bà Homily,” ông Pod đang mặc đồ ngủ nằm trên giường liền mệt mỏi phản đối, “đâu cần phải làm thế. Có ai nhìn bà cơ chứ?”

“Có đấy,” bà Homily vừa kêu lên vừa tìm cặp uốn tóc trong một cái ngăn kéo, “trong những lúc thế này ta không biết được. Tôi sẽ không thành linh bị bắt với mái tóc như thế này đâu!” bà cúi cấn rồi lật ngược ngăn kéo và nhật đồ đạc rơi ra.

Cuối cùng thì bà cũng lên giường với bộ tóc chĩa lên như đinh, giống như một con búp bê da đen bằng vải bị giặt, cuối cùng ông Pod đành thở dài đánh thượt rồi quay đi và nhắm mắt.

Bà Homily nằm một lúc lâu nhìn chăm chăm vào chiếc đèn dầu; đó là cái nút bằng bạc của một chai nước hoa với cái bắc tí xíu trôi nổi trên dầu. Bà không muốn, vì lý do nào đó, thổi tắt nó. Có tiếng đi lại trong phòng bếp trên nhà, giờ này đã muộn quá làm gì còn ai đi lại - cả nhà lẽ ra đang ngủ cả rồi - và cái kẹp uốn tóc gỗ ghề ấn vào gáy bà thật khó chịu. Bà nhìn say sưa - y như Arrietty đã làm - quanh căn phòng quen thuộc (quá nhiều đồ, bà nhận ra, nào những chiếc túi nhỏ bé, nào những cái hộp, nào những cái tủ tạm bợ) và nghĩ, “Bây giờ thì sao? Có thể cuối cùng cũng chẳng có gì xảy ra; con bé có thể nói đúng, chúng ta đã làm chuyện bé xé ra to; cậu bé ấy dù sao cũng chỉ là một người khách; có lẽ thế,” bà Homily nghĩ, “nó lại sắp rời khỏi đây,” bà uể oải tự nhủ, “và thế là hết chuyện.”

Sau đó (như sau này bà nhận ra) bà đã chớp mắt một chút vì có vẻ như bà đang đi qua cánh đồng Parkin’s Beck; lúc đó đang đêm, gió thổi và cánh đồng có vẻ rất dốc; bà lật đật trèo lên dọc theo thành đường ống ga, rồi trượt ngã vào mớ cỏ ướt. Những cái cây đối với bà có vẻ như đang đập đập vào nhau, cành phơ đung đưa trên bầu trời. Lúc đó (như bà kể cho họ nghe nhiều tuần sau đó) có tiếng gỗ bị bẻ gãy...

Và bà Homily tỉnh dậy. Bà lại nhìn thấy căn phòng và cái đèn dầu lập lờ, nhưng có gì đó khác biệt, bà biết ngay: có một luồng gió kỳ lạ và bà cảm thấy miệng khô và đầy sạn. Rồi bà nhìn lên trần nhà: “Ông Pod!” bà hét lên, tóm lấy vai ông.

Ông Pod quay người lại và ngồi dậy. Cả hai đều nhìn chăm chăm lên trần nhà: cả mặt trần nhà đang bị dốc nghiêng và một đầu đã bị tách khỏi tường - đó là nguyên nhân gây ra luồng gió - và sụp xuống bên trong căn phòng, chỉ hai phân nữa là đến giường, một vật kỳ lạ xuyên vào: một thanh sắt màu xám không lồ với một cạnh bẹp bóng nhoáng.

“Đó là một cái tua vít,” ông Pod nói.

Họ nhìn nó chăm chăm như bị thôi miên, không cử động được, và trong giây lát tất cả đều nín lặng. Rồi từ từ cái vật to lớn kia bật lên cho đến khi cái đầu bẹp áp vào trần nhà và bà Homily nghe thấy tiếng cạo từ sàn nhà ở phía trên và tiếng thốt lên của một con người. “Ôi, đầu gối của tôi,” bà Homily kêu lên, “ôi, linh cảm của tôi...” trong khi, với một tiếng xoạc, cả cái trần nhà của họ bị bẻ gãy và sụp xuống lóc cóc, ở một nơi khác ngoài tầm nhìn của họ.

Rồi bà Homily kêu lên. Nhưng lần này là một tiếng kêu thực sự, to hết sức, chói tai; bà có vẻ như trở nên bình tĩnh hơn sau tiếng kêu của mình, trong khi mắt bà trợn ngược lên, hơi cuốn hút vào cái khoang rỗng sáng đèn. Có một trần nhà nữa, bà nhận thấy, cao tít trên đầu họ - có vẻ như cao hơn cả bầu trời; một miếng thịt lợn hun khói treo trên đó và hai chuỗi hành tây. Arrietty hiện ra ở khung cửa, sợ hãi và run rẩy, tay nắm chặt áo ngủ. Còn ông Pod thì vồ vào lưng bà Homily. “Thôi nào,” ông nói, “thế là đủ rồi,” và bà Homily đột nhiên im lặng.

Một khuôn mặt khổng lồ hiện ra giữa họ và khoảng cách cao xa ấy. Nó đứng đưa trước họ, vừa tươi tỉnh vừa đáng sợ; có một khoảng im lặng và bà Homily ngồi thẳng dậy, miệng há hốc. “Đây là mẹ cậu à?” một giọng ngạc nhiên hỏi sau giây lát, và Arrietty từ cửa nói thầm, “Phải.”

Đó là cậu bé.

Ông Pod bước ra đứng bên giường, run rẩy trong bộ đồ ngủ. “Ngồi dậy đi,” ông nói với bà Homily, “bà không thể ở lại đó được!”

Nhưng bà Homily vẫn ở lại. Bà đang mặc chiếc váy ngủ cũ kỹ với một miếng vá đàng sau lưng và không điều gì khiến bà di chuyển được. Một nỗi tức giận từ từ nổi lên trong bà Homily: bà đã bị “nhìn thấy” khi đeo lô uốn tóc; ông Pod đã nhắc tay mình lên cho bà vịn; thế rồi bà nhớ ra, trong sự hỗn loạn chung và lần đầu tiên trong đời, bát đĩa lẽ ra phải rửa vào buổi tối bà lại để sang buổi sáng, và nó lù lù ở đó, trên bàn bếp, cho cả thế giới thấy!

Bà giận dữ nhìn cậu bé - dù sao nó cũng chỉ là một đứa trẻ. “Đặt nó lại!” bà nói, “đặt nó lại ngay lập tức!” Mắt bà lóe lên và những chiếc lô uốn tóc dường như run lên.

Sau đó cậu bé quỳ xuống, nhưng bà Homily không chùn bước khi khuôn mặt không lồ từ từ đến gần hơn. Bà nhìn thấy cái môi dưới của nó, hồng hào và đầy đặn - như một sự phóng đại khổng lồ của bờ môi Arrietty - và bà thấy cái môi hơi run run. “Nhưng cháu có cái này cho các bác,” cậu bé nói.

Vẻ mặt của bà Homily không thay đổi và Arrietty kêu lên từ khung cửa nơi cô bé đang đứng, “Cái gì thế?”

Cậu bé với tay ra đàng sau mình và rất rón rén, cẩn thận để giữ cho thẳng đứng, cậu bé cầm một vật bằng gỗ trên đầu họ. “Là thứ này,” cậu bé nói, và rất thận trọng, cái lưỡi thè ra và thở nặng nề, cậu bé đặt vật đó xuống cái lỗ của họ: đó là một cái tủ đựng bát đĩa của búp bê, đầy đủ cả bộ đĩa. Nó có hai ngăn kéo và một khoang tủ ở dưới; cậu bé chỉnh lại vị trí của cái tủ ở chân giường của bà Homily. Arrietty chạy vòng ra phía trước để nhìn cho rõ.

“Ôi,” cô kêu lên ngây ngất. “Mẹ nhìn kìa!”

Bà Homily liếc nhìn cái tủ - nó làm bằng gỗ sồi sẫm màu và những cái đĩa được vẽ bằng tay - rồi bà lại nhanh chóng nhìn đi nơi khác. “Phải,” bà lạnh lùng nói, “nó rất đẹp.”

Không ai biết làm thế nào để phá vỡ sự im lặng.

“Cái tủ này mở được thật đấy,” cuối cùng cậu bé nói, và bàn tay khổng lồ luôn xuống giữa họ, thơm mùi xà phòng tắm. Arrietty nép người vào bức tường và ông Pod kêu lên, căng thẳng, “Cẩn thận!”

“Phải,” bà Homily đồng tình sau giây lát. “Tôi thấy là nó mở được.”

Ông Pod hít một hơi dài - một hơi thở dài nhẹ nhõm khi bàn tay lại nhấc lên.

“Đấy, bà Homily,” ông nói với giọng đầu dụi, “bà luôn muốn một cái như thế này!”

“Phải,” bà Homily nói - bà vẫn đang ngồi thẳng người, hai bàn tay siết vào nhau trên đùi. “Cảm ơn cháu rất nhiều. Còn bây giờ,” bà lạnh lùng nói tiếp, “cháu có thể làm ơn đặt cái trần nhà lại không?”

“Đợi một phút đã,” cậu bé năn nỉ. Cậu bé lại với ra sau; bàn tay lại đưa xuống; và ở đó, bên cạnh cái tủ, nơi chỉ vừa đủ chỗ cho nó, là chiếc ghế rất nhỏ cho búp bê; đó là một chiếc ghế thời Victoria với đệm vải nhung đỏ. “Ôi!” Arrietty lại kêu lên và ông Pod nói hơi e thẹn, “Nó vừa khít với tôi.”

“Thử đi,” cậu bé van nài, và ông Pod căng thẳng nhìn cậu bé. “Bố thử đi!” Arrietty nói, thế là ông Pod ngồi xuống - trong bộ đồ ngủ, bàn chân trần của ông lộ ra. “Hay đấy,” ông nói sau giây lát.

“Nó sẽ hợp khi đặt bên cạnh lò sưởi trong phòng khách,” Arrietty kêu lên, “nó trông sẽ rất đẹp trên tấm giấy thấm đỏ!”

“Ta thử xem sao nhé,” cậu bé nói, và bàn tay lại thò xuống. Ông Pod nhảy lên vừa kịp lúc đỡ lấy cái tủ khi chiếc ghế nhung đỏ bị lấy biến đi trên đầu ông và chắc là được đặt xuống phòng bên cạnh. Arrietty chạy ra khỏi cửa và chạy dọc hành lang để xem. “Ôi,” cô bé gọi bố mẹ mình, “bố mẹ ra đây mà xem. Nó đẹp lắm!”

Nhưng ông Pod và bà Homily không cử động. Cậu bé đang cúi phía trên họ, thở nặng nề, và họ có thể nhìn thấy mấy cái cúc giữa của chiếc áo ngủ cậu bé mặc. Cậu bé có vẻ như đang dò xét căn phòng phía xa hơn.

“Các bác định gì trong cái lọ mù tạt đó?” cậu bé hỏi.

“Than,” Arrietty nói. “Và tôi đã giúp đi mượn tấm thảm mới này. Đây là cái đồng hồ tôi đã kể với cậu, và những bức tranh...”

“Tôi có thể kiếm cho cậu những con tem đẹp hơn những con tem kia,” cậu bé nói. “Tôi có vài cái được phát kỷ niệm có hình cung điện Taj Mahal.”

“Nhìn này,” Arrietty lại kêu lên, và ông Pod cầm lấy bàn tay của bà Homily, “đây là sách của tôi...”

Bà Homily túm chặt lấy ông Pod khi bàn tay khống lồ một lần nữa lại thò xuống gần hơn về phía Arrietty. “Im lặng,” ông nói thầm, “ngồi im...” Cậu bé có vẻ như đang sờ những cuốn sách.

“Tên những cuốn sách này là gì?” cậu bé hỏi, và Arrietty lưu loát đọc lên những cái tên.

“Ông Pod,” bà Homily nói thầm, “tôi sẽ hét lên mất...”

“Không,” ông Pod nói thầm. “Bà không được làm thế. Không được như vậy nữa.”

“Tôi cảm thấy sắp sửa thế rồi đây,” bà Homily nói.

Ông Pod trông có vẻ lo lắng. “Bà nín thở đi,” ông nói, “và đếm đến mười.”

Cậu bé đang nói với Arrietty, “Cậu đọc những cuốn sách này cho tôi nghe nhé?”

“Ừ, được,” Arrietty nói, “nhưng tôi thích đọc cái gì đó mới mẻ hơn.”

“Nhưng cậu đã không đến,” cậu bé phàn nàn.

“Tôi biết,” Arrietty nói, “nhưng tôi sẽ đến.”

“Ông Pod,” bà Homily nói thầm, “ông có nghe thấy không? Ông có nghe con bé nói gì không?”

“Có, có,” ông Pod nói thầm, “im lặng nào...”

“Cậu có muốn nhìn các phòng kho không?” Arrietty gợi ý tiếp và bà Homily bịt một tay lên miệng như để kìm tiếng kêu lại.

Ông Pod nhìn lên cậu bé. “Này,” ông gọi, cố gắng thu hút sự chú ý của cậu. Cậu bé nhìn xuống. “Đặt cái mái lại ngay,” ông Pod van xin cậu bé rồi cố gắng nói một cách đơn giản và có lý, “chúng tôi đang bị lạnh.”

“Được thôi,” cậu bé đồng ý, nhưng cậu có vẻ do dự: cậu với tay qua họ lấy một miếng ván vốn là một phần của trần nhà. “Cháu có nên đóng đinh chặt vào không?” cậu bé hỏi, và họ thấy cậu ấy cầm chiếc búa lên; nó đung đưa trên đầu họ, trông rất nguy hiểm.

“Tất nhiên rồi, cháu đóng đinh lại đi,” ông Pod nói cáu kỉnh.

“Ý cháu là,” cậu bé nói, “cháu có vài đồ đạc nữa ở trên nhà...”

Ông Pod trông có vẻ do dự và bà Homily huých ông. “Hỏi nó đi,” bà nói thầm, “những đồ gì?”

“Những đồ gì?” ông Pod hỏi.

“Đồ đạc từ cái nhà búp bê cũ ở trên giá cao nhất của cái tủ cạnh lò sưởi trong phòng học.”

“Tôi tuyệt chẳng bao giờ nhìn thấy một cái nhà búp bê,” ông Pod nói.

“Vâng, nó ở bên trong tủ,” cậu bé nói, “ngay gần trên trần nhà; bác không thể nhìn thấy nó được - bác phải trèo lên các giá thấp hơn để đến đó.”

“Có những loại đồ đạc gì trong ngôi nhà búp bê?” Arrietty hỏi từ phòng khách.

“Ôi, đủ thứ,” cậu bé nói với cô bé, “thảm mỏng này, thảm dày này, rồi giường với đệm, và có một con chim trong một cái lồng - không phải là chim thật, tất nhiên rồi, rồi chảo nấu và bàn và năm chiếc ghế mạ vàng và một cái chậu với một cây cọ - một món bánh được đúc bằng thạch cao và một cái đèn cừu giả...”

Bà Homily nghiêng người về phía ông Pod. “Bảo nó đóng đinh khế thôi,” bà nói thầm. Ông Pod nhìn bà chăm chăm và bà gật đầu dứt khoát, siết chặt hai tay.

Ông Pod quay về phía cậu bé. “Thôi,” ông nói, “cháu đóng đinh lại đi. Nhưng nhẹ nhàng nhé, nếu cháu hiểu ý của bác. Chỉ gõ một hay hai lần mỗi nơi thôi...”

Chương 16



Thế là một giai đoạn kỳ lạ bắt đầu trong cuộc đời họ: các đồ đi mượn vượt trên tất cả các giấc mơ đi mượn của họ - một thời kỳ hoàng kim. Hàng đêm sàn nhà lại được mở và những đồ vật quý giá hiện ra: một tấm thảm thật cho phòng khách, một cái thùng đựng than bé, một cái ghế sofa cứng và nhỏ với những chiếc gối lụa Đa mát, một giường đôi với cái gối ôm tròn ở đầu giường, một giường đơn với cái đệm kẻ sọc, những bức tranh có khung thay vì những con tem, một cái bếp nấu không dùng được nhưng trông “đáng yêu” trong phòng bếp; có những chiếc bàn hình bầu dục và hình vuông, thêm cả bàn viết nhỏ bé với một ngăn kéo; có hai tủ quần áo bằng gỗ thích (một cái có gương) và một cái bàn làm việc với các chân bàn uốn cong. Bà Homily không chỉ trở nên quen thuộc với việc trần nhà bị tháo ra mà thậm chí còn đi xa hơn nữa, bà đề xuất ông Pod đóng bản lề vào những tấm ván. “Chỉ là tôi không chịu được việc đóng đinh búa,” bà giải thích, “nó làm bụi bẩn rơi xuống.”

Khi cậu bé đem cho họ cái đàn piano, bà Homily van xin ông Pod xây một phòng khách nhỏ. “Ở cạnh phòng khách ấy,” bà nói, “như thế chúng ta có thể chuyển các phòng kho xuống xa hơn. Rồi ta có thể để những chiếc ghế mạ vàng mà thằng bé kể ở đó, và cây cọ trong chậu...” Ông Pod, thì ngược lại, hơi chán việc di chuyển đồ nội thất; ông đang mong những buổi tối yên tĩnh khi cuối cùng ông có thể ngủ gật bên ngọn lửa trên chiếc ghế bằng vải nhung đỏ mới của ông. Ông chưa kịp đặt một cái tủ ngăn kéo vào chỗ này thì bà Homily, đi ra đi vào không ngừng, bắt ông phải “thử” nó ở chỗ khác

- “để gây ấn tượng”. Và mỗi tối, khoảng vào giờ ông hay lên giường, trần nhà thường bị nhắc lên và thêm đồ đạc được đem đến. Nhưng bà Homily không chán; mắt bà sáng lóe và má hồng hào, sau một ngày dài đẩy và kéo, bà vẫn không để việc gì sang buổi sáng hôm sau. “Chúng ta cứ *thử đi*,” bà vừa van xin, vừa nhắc một đầu của cái tủ búp phê to của búp bê, để ông Pod phải nhắc đầu kia lên, “sẽ không mất đến một phút đâu!” Nhưng như ông Pod biết rõ, thực ra sẽ mất nhiều giờ đồng hồ trước khi, tả tơi và mệt mỏi, họ cuối cùng cũng gục xuống giường. Ngay cả lúc đó bà Homily vẫn nhảy ra khỏi giường để “nhìn một lần cuối”.

Trong khi đó, bằng cách trả đáp cho những vật quý báu này, Arrietty đọc cho cậu bé - mỗi buổi chiều trong bãi cỏ cao phía sau cây anh đào. Cậu bé nằm ngửa còn cô bé đứng cạnh vai cậu và nói với cậu khi nào thì lật trang. Sau này nhìn lại thì đó là những ngày thật hạnh phúc, với bầu trời xanh phía trên những cành anh đào, những sợi cỏ đung đưa mềm mại, và cái tai khổng lồ của cậu bé lắng nghe bên cạnh cô. Cô bé trở nên thật quen thuộc với cái tai đó, với những đường cong và bóng tối và màu hồng pha vàng trong ngập tràn ánh nắng. Có những lúc, khi đã táo bạo hơn, cô bé dựa vào vai cậu. Cậu bé rất im lìm trong khi cô bé đọc cho cậu nghe và luôn luôn tỏ ra biết ơn. Thế giới mà họ đã cùng nhau khám phá là những thế giới kỳ lạ đối với Arrietty. Cô bé học được rất nhiều và có những điều thật khó có thể chấp nhận. Cô bé rốt cuộc buộc phải nhận ra rằng cái trái đất quay trong vũ trụ mà họ đang sống đây không chỉ dành riêng cho những người nhỏ bé như cô bé tưởng. “Cũng không phải chỉ cho người to lớn,” cô nhắc cậu bé khi nhìn thấy nụ cười bí ẩn của cậu.

Trong không khí mát mẻ của buổi chiều, ông Pod đến đón cô bé - một ông Pod khá mệt mỏi, tả tơi và bụi bặm - để dẫn cô bé về cho bữa trà buổi chiều. Và ở nhà có một bà Homily phấn khích cùng những thứ mới thú vị để khám phá. “Con nhắm mắt lại!” bà Homily kêu lên. “Bây giờ mở mắt đi!” và Arrietty, trong niềm vui sướng như mơ, nhìn thấy nhà của cô bé

hoàn toàn thay đổi. Có đủ loại bất ngờ - thậm chí, một hôm, còn có những rèm cửa bằng vải ren cạnh lưới sắt, cuốn lên với dây màu hồng.

Nỗi buồn duy nhất của họ là không có ai ở đó để xem: không có khách, không có người tình cờ đi qua, không có tiếng kêu lên thán phục và cái nhìn thèm muốn! Có gì mà bà Homily không thể cho đi để có được một người nhà Overmantel hoặc nhà Harpsichord cơ chứ? Ngay cả một người nhà Rain-Barrel cũng còn tốt hơn là không có ai cả. “Con viết cho bác Hendreary của con đi,” bà Homily đề xuất. “và kể cho *bác ấy*. Một lá thư dài thú vị, nhớ nhé, và đừng bỏ sót gì nhé!” Arrietty bắt đầu lá thư trên mặt sau một trong những tấm giấy thấm bỏ đi, nhưng khi cô viết nó thành ra chỉ là một danh sách chán ngắt, quá quá dài, như một tập quảng cáo bán đồ dùng hoặc danh sách đồ đạc của một ngôi nhà cho thuê; cô bé cứ liên tục phải nhảy lên để đếm số thìa hoặc để tra từ trong quyển từ điển, và sau một lúc cô bỏ nó sang một bên: còn rất nhiều việc khác phải làm, còn rất nhiều cuốn sách mới phải đọc, và rất nhiều điều, giờ đây, cô bé có thể nói được với cậu bé.

“Cậu ấy đã bị ốm,” cô bé nói với bố mẹ mình, “cậu ấy đang ở đây để có được sự yên tĩnh và không khí nông thôn. Nhưng sắp tới cậu ấy sẽ về lại Ấn Độ. Bố mẹ có biết,” cô bé hỏi bà Homily đang kinh ngạc, “là buổi đêm ở vùng Bắc Cực dài sáu tháng, và khoảng cách giữa hai vùng cực còn ngắn hơn là giữa hai đầu của đường kính kẻ ngang xích đạo?”

Phải, đó là những ngày hạnh phúc và tất cả đã rất tốt đẹp, như ông Pod sau này nói, nếu họ hạn chế việc đi mượn từ ngôi nhà của búp bê. Thì không ai trong số những con người sống trong ngôi nhà có vẻ nhớ rằng nó có ở đó và kết quả là không ai để ý là có đồ biến mất. Tuy nhiên, phòng khách nhỏ không tránh được trở thành một sự cám dỗ: ngày nay nó ít khi được sử dụng; có rất nhiều bàn với đồ trang trí lật vạt quá xa tầm với của ông Pod, và cậu bé, tất nhiên, vặn được chìa khóa ở trong các cửa kính tủ.

Chiếc đàn violon bằng bạc là thứ đầu tiên cậu bé mang đến cho họ, sau đó là chiếc đàn hạc bằng bạc; nó không cao hơn vai ông Pod và ông Pod căng lại dây bằng lông ngựa lấy từ ghế sofa trong phòng ăn sáng. “Một dạ hội âm nhạc, chúng ta có thể tổ chức cái đó!” bà Homily hoan hỉ kêu lên khi Arrietty đánh một nốt nhạc nhỏ chói tai trên sợi dây đàn lông ngựa. “Ước gì,” bà nồng nhiệt nói tiếp, siết hai tay lại, “bố con bắt tay vào sửa sang phòng khách nhỏ!” (Dạo này gần như tuần nào bà cũng uốn tóc và, do ngôi nhà gần như đã xong, bà thỉnh thoảng đổi sang mặc một chiếc váy xa tanh cho bữa tối; nó thụng xuống như bao tải, nhưng bà Homily gọi đó là “kiểu Hy Lạp”). “Chúng ta có thể dùng cái trần nhà vẽ hình của con,” bà giải thích với Arrietty, “và có đủ những miếng gạch đồ chơi để làm một cái sàn nhà nát ván.” (“Nát ván,” bà phát âm, “Nát ván...,” y như một người nhà Harpsichord).

Ngay cả bà dì Sophy, ở ngay trên nhà trong sự lộng lẫy lộn xộn của phòng mình, dường như cũng bị ảnh hưởng từ xa bởi tinh thần nỗ lực mà có vẻ như đang chảy quanh ngôi nhà cũ ù lì trong những vòng xoáy và cơn lốc hân hoan. Gần đây, nhiều lần ông Pod, khi vào phòng bà, đã thấy bà ra khỏi giường. Dạo này ông đến đó không phải để mượn, mà để nghỉ ngơi: căn phòng, có thể nói, đã trở thành câu lạc bộ của ông; một nơi ông có thể đến “để tránh xa mọi chuyện”. Ông Pod hơi không thoải mái với sự giàu có của mình; ông chưa bao giờ hình dung, ngay cả trong những giấc mơ hoang đường nhất, đến những đồ mượn như thế này. Ông cảm thấy bà Homily, nên ngừng lại; chắc chắn bây giờ nhà họ đã đủ lộng lẫy; những hộp thuốc lá gắn đá quý và những đồ vật thu nhỏ gắn kim cương, cái túi đựng đồ trang điểm bằng sợi vàng bạc và những bức tượng nhỏ Dresden - tất cả, như ông biết, từ cái tủ ở phòng khách nhỏ - đều không thật cần thiết: một cô gái chặn cửa cao gần bằng Arrietty hoặc một chiếc tắt nến quá khổ thì có ích gì cơ chứ? Ngồi ngay bên trong thành chắn, nơi ông có thể sưởi ấm tay mình bên ngọn lửa, ông nhìn bà dì Sophy đi tập tễnh từ từ quanh căn phòng với hai cây gậy. “Bà ấy sắp xuống tầng dưới, mình sẽ không ngạc nhiên,” ông mãi nghĩ ngợi ừ ừ, gần như không nghe câu chuyện thường kể của bà về

bữa tiệc hoàng gia vào buổi trưa trên một chiếc thuyền Nga, “lúc đó bà sẽ thấy những đồ đạc bị mất...”

Tuy nhiên không phải bà dì Sophy là người phát hiện ra trước. Mà là bà Driver. Bà Driver chưa bao giờ quên rắc rối với Rosa Pickhatchet. Vào thời điểm đó, không dễ gì xác định được là lỗi của ai. Ngay cả Crampfurl cũng cảm thấy mình đang bị nghi ngờ. “Bắt đầu từ bây giờ,” bà Driver nói, “tôi sẽ tự xoay xở. Không thuê người hầu lạ trong ngôi nhà này - không đâu, nếu còn muốn tôi làm tiếp ở đây!” Một giọt rượu vang Madeira ở đây, một đôi bút tất dài cũ kỹ ở kia, một chiếc khăn mùi soa hay cái gì đó kiểu thế, một cái áo gi lê này kia, hoặc thỉnh thoảng là một đôi găng tay - bà Driver thấy, những thứ này là một chuyện; những thứ này nằm trong quyền hạn của bà. Nhưng những đồ lật vặt ở cái tủ trong phòng khách nhỏ - cái đó, bà vừa tự nhủ một cách dứt khoát vừa nhìn chăm chăm những cái giá trống rỗng, lại là một chuyện hoàn toàn khác!

Bà cảm thấy bị lừa dối. Đứng đó, vào cái ngày định mệnh ấy, trong ánh nắng xuân, chổi lông phủ bụi trên tay, đôi mắt bà đã biến thành những khe nhỏ màu đen đầy tức giận và mưu mẹo. Bà cho rằng chuyện này, giống như ai đó nghi ngờ bà không lương thiện, đang cố giăng bẫy bà. Nhưng đó có thể là ai được chứ? Crampfurl? Thăng bé đó? Người đàn ông đến lên dây cót đồng hồ? Những thứ này đã bị biến mất dần dần, từng thứ một: bà cảm thấy chắc chắn đó là một người quen thuộc ngôi nhà - và là một người muốn hại bà. Đột nhiên bà tự hỏi, có thể là chính quý bà già nua chăng? Gần đây bà lão đã ra khỏi giường và đi quanh phòng. Có thể bà ấy xuống tầng dưới vào buổi đêm, chọc gậy lung tung, chõ mũi và theo dõi. (Bà Driver đột nhiên nhớ đến chai rượu Madeira cạn và hai ly rượu, đã nhiều lần để lại trên bàn bếp). À, bà Driver nghĩ, chẳng phải đây đúng là cái trò mà bà ta có thể làm sao - bà ta sẽ cười khúc khích, lên lại tầng nằm giữa đồng gối, quan sát và chờ đợi bà Driver báo cáo vụ mất mát? “Mọi việc ở dưới kia đều ổn cả chứ, Driver?” - đó là điều bà ta luôn nói rồi liếc bà Driver qua khóe mắt độc ác và già cỗi của mình. “Chẳng có gì đáng ngạc

nhiên nếu bà ta dám làm vậy!” bà Driver kêu lên thành tiếng, nắm chặt cái chổi lông phủ bụi của bà như một cây gậy. “Và hẳn trông bà ta sẽ hay ho lắm đây nếu ta bắt được quả tang bà ta - rón rén quanh những phòng ở tầng dưới lúc nửa đêm. Được thôi, quý bà của tôi,” bà Driver lăm lăm cương quyết, “cứ việc chõ mũi vào chuyện người khác nếu bà muốn - cả hai chúng ta đều chơi được trò đó!”

Chương 17



Bà Driver không nhiều lời với Crampfurl tối hôm đó; bà không ngồi uống rượu cùng ông ta như thường lệ, mà lộp cộp đi quanh bếp, thỉnh thoảng liếc ông ta qua khước mắt. Ông ta có vẻ không thoải mái - thực sự là thế: có mỗi đe dọa trong sự im lặng của bà, một cái gì đó ẩn giấu mà không ai có thể lờ đi. Ngay cả bà dì Sophy cũng cảm thấy điều đó khi bà Driver đem rượu vang lên cho bà; bà nghe thấy điều đó trong tiếng lanh canh của chiếc bình thon cổ đựng rượu va vào cái ly khi bà Driver đặt khay xuống và trong tiếng lạch cạch của các vòng gỗ khi bà Driver kéo rèm cửa; điều đó có trong độ rung của ván gỗ sàn khi bà Driver đi ngang qua căn phòng và trong tiếng lách cách cài chốt khi bà Driver đóng cửa. “Giờ bà ấy làm sao thế nhỉ?” bà dì Sophy tự hỏi một cách lơ đãng khi bà nhẹ nhàng, không mấy khẩn thiết, rót ly đầu tiên.

Cậu bé cũng cảm thấy điều đó. Từ cái cách bà Driver nhìn cậu chăm chăm khi cậu khom người ngồi trong bể tắm; từ cái cách bà xát xà phòng vào bông tắm và cách bà nói, “Nào nào!” Bà kỳ cọ cho cậu một cách chậm chạp, với một sự thận trọng, bình tĩnh ẩn chứa đầy tức giận, và trong suốt lúc tắm bà không nói một lời nào. Khi cậu bé nằm lên giường bà lục qua tất cả đồ đạc của cậu, sẫm soi những cái tủ và mở các ngăn kéo của cậu. Bà kéo va li của cậu ra từ dưới tủ quần áo và tìm thấy con chuột chũi chết yêu quý của cậu bé và kho tích trữ đường viên cùng con dao gọt khoai tây tốt nhất của cậu. Nhưng ngay cả lúc đó bà cũng không nói gì. Bà vứt con chuột chũi vào thùng rác và tặc lưỡi đẩy vế cáu kính; bà bỏ con dao gọt khoai tây và tất cả những viên đường vào túi. Bà nhìn cậu bé chăm chăm một lát

trước khi vặn đèn ga nhỏ xuống - một cái nhìn chăm chăm kỳ lạ, dò hỏi hơn là trách móc.

Bà Driver ngủ ở trên phòng rửa bát. Bà có cầu thang riêng ở phía sau. Đêm đó bà không thay quần áo. Bà đặt đồng hồ báo thức vào nửa đêm và để nó ngoài cửa phòng, nơi tiếng tích tắc không làm bà khó chịu; bà cởi đôi giày chật ních của mình rồi khẽ gặm gù và chui vào dưới tấm chăn lông vịt. Bà “chưa kịp chớp mắt” (như bà kể với Crampfurl sau này) thì chiếc đồng hồ rít lên và rầm rầm gõ bốn cái chân để mỏng mảnh của nó trên ván gỗ sàn trần trụ ở hành lang. Bà Driver nhào ra khỏi giường và lần mò tới cửa. “Suýt!” bà nói với cái đồng hồ trong khi sờ soạng tìm chốt, “Suýt!” và ôm nó vào ngực mình. Bà đứng đó, trên đôi chân đi tất, ở đầu cầu thang phòng rửa bát: cái gì đó, có vẻ thế, lóe sáng ở phía dưới - một tia sáng. Bà Driver nhìn chăm soi xuống đường uốn lượn tối mờ của cầu thang hẹp. Phải, nó lại xuất hiện - ánh chớp chờn như bướm đêm đập cánh! Ánh nấn - chính thế! Một cây nến chuyển động - phía sau cầu thang, sau phòng rửa bát, đâu đó trong bếp.

Tay cầm đồng hồ, bà Driver bước xuống cầu thang cọt kẹt trên đôi chân đi tất, khẽ hỏn hển trong niềm háo hức. Hình như có một tiếng thở dài trong bóng tối, một tiếng dội của chuyển động. Và đối với bà Driver, khi bà đứng đó trên những phiến đá lát sàn lạnh lẽo của phòng rửa bát, thì tiếng động gần như không phải là tiếng động ấy chỉ có thể có một ý nghĩa: tiếng mở nhẹ nhàng của cánh cửa bọc vải len tuyết màu xanh lục - cánh cửa dẫn từ phòng bếp ra hành lang chính phía sau. Bà Driver vội lần mò vào bếp và quờ quạng tìm diêm dọc gờ bếp; bà làm đổ một lọ hạt tiêu và một túi giấy đựng hành tỏi, và khi liếc nhanh xuống phía dưới bà nhìn thấy một sợi ánh sáng nhỏ; bà thấy nó vào giây phút trước khi bà quẹt diêm - một tia sáng, trông có vẻ thế, trên sàn nhà bên cạnh đôi chân bà; nó chạy thành hình thuôn dài, phác ra một hình vuông không thẳng thớm. Bà Driver thốt lên và châm đèn khí ga rồi căn phòng vụt hiện lên quanh bà: bà liếc nhanh sang cánh cửa bọc len tuyết; trước ánh mắt hoảng hốt của bà dường như cánh

cửa đang khẽ rung, như thể nó vừa được đóng lại; bà chạy đến đẩy cửa, nhưng lối đi phía sau im lìm và tăm tối - không có ánh sáng bập bùng hay tiếng bước chân xa gần nào cả. Bà buông cửa và nhìn nó bật lại, một cách chậm chạp, đầy hối tiếc, bị cản trở bởi cái lò xo nặng nề của nó. Phải, đó là âm thanh bà đã nghe thấy từ phòng rửa bát - tiếng thì thào rất khẽ - như một hơi hít vào.

Một cách thận trọng, vừa vén lại váy bà Driver vừa đi về phía bếp. Một đồ vật nằm đó, một thứ màu hồng nhạt, trên sàn nhà bên cạnh cái ván đang chìa ra. À, bà nhận thấy, cái ván đó - đó là nơi ánh sáng đã phát ra! Bà do dự và liếc quanh phòng bếp: tất cả mọi thứ khác trông bình thường và vẫn y nguyên như bà đã sắp đặt - đĩa trên chạn bát, chảo trên tường, và một hàng khăn lau khô bát đĩa treo đối xứng trên dây phía trên bếp. Đồ vật màu hồng nhạt, bây giờ thì bà đã thấy, là một hộp kẹo cao su hình trái tim - cái hộp mà bà biết rõ - từ khay bàn bằng kính bên cạnh lò sưởi trong phòng khách nhỏ. Bà cầm nó lên; nó phủ một lớp sứ bóng và màu vàng kim với những hạt đá quý nhỏ xíu gắn vào đó. “Chà, tôi...” bà lên tiếng, và cúi nhanh xuống với cảm giác tức giận bất chợt, bà giật miếng sàn nhà lên.

Và rồi bà kêu lên âm ì. Bà nhìn thấy sự chuyển động: chạy, hấp tấp, rung chuyển! Bà nghe thấy tiếng kêu chin chít, tiếng nói rối rít, và tiếng thở hỗn hển. Những người tí hon, hình như thế, với bàn tay và chân... và miệng há hốc. Trông như người tí hon... nhưng không thể là người tí hon, tất nhiên! Chạy chỗ này, chỗ kia và khắp nơi. “Ôi! Ôi! Ôi!” bà kêu thê lên và quờ quạng đằng sau mình tìm cái ghế. Bà trèo lên và cái ghế lung lay, loạng choạng dưới chân bà và bà trèo, vẫn đang kêu thê lên, từ ghế lên bàn...

Và bà đứng đó, bị mắc kẹt, vừa khóc lóc vừa thở hỗn hển, kêu cứu âm ì, cho đến khi, có vẻ như sau nhiều tiếng đồng hồ, có một tiếng lạch cạch từ cửa phòng rửa bát. Đó là Crampfurl, cuối cùng đã bị đánh thức bởi ánh sáng và tiếng ồn. “Cái gì thế?” ông hỏi. “Cho tôi vào!” Nhưng bà Driver không chịu rời khỏi bàn. “Một cái tổ! Một cái tổ!” bà hét lên. “Sống và kêu chin chít!”

Crampfurl quăng mình vào cửa và ổ khóa bật mở. Hơi chóng mặt, ông bước lảo đảo vào phòng bếp, ông mặc quần nhưng kẻ ra ngoài cái áo ngủ dài. “Ở đâu?” ông kêu lên, đôi mắt mở to dưới mớ tóc rối bù. “Loại tổ gì?”

Bà Driver, vẫn đang khóc nức nở vì sợ hãi, chỉ xuống sàn nhà. Crampfurl bước đến theo cái cách chậm chạp, không hề vội vàng của mình và nhìn xuống chăm chăm. Ông thấy một cái lỗ trên sàn nhà, và xếp thành hàng có, bừa bộn có, là các đồ vật nhỏ - đồ chơi trẻ con, trông giống như thế, những mẫu rác - tất cả chỉ có thế. “Chẳng có gì cả,” ông nói sau giây lát, “là cái thằng bé đó chứ còn gì nữa.” Ông lấy chân khuấy các đồ vật và làm tất cả những bức tường ngăn đổ xuống. “Tuyệt chẳng có gì sống ở đây cả.”

“Nhưng tôi đã nhìn thấy chúng, tôi nói cho ông biết,” bà Driver nói hỗn hển, “kiểu những người tí hon có bàn tay - hay chuột bé mặc quần áo...”

Ông Crampfurl nhìn chăm chăm vào cái lỗ. “Chuột bé mặc quần áo?” ông nhắc lại ngập ngừng.

“Hàng trăm đứa,” bà Driver nói tiếp, “chạy và kêu chin chít. Tôi đã nhìn thấy chúng, tôi nói cho ông biết!”

“Ừ, nhưng lúc này tuyệt chẳng có gì ở đây,” ông Crampfurl nói, và lấy giày khuấy một lần cuối.

“Thế thì chúng đã chạy đi mất rồi,” bà kêu lên, “dưới sàn nhà... lên phía trên bên trong các bức tường... nơi này lúc nhúc bọn chúng.”

“Ừ,” ông Crampfurl nói với vẻ dửng dưng, “có thể. Nhưng nếu bà hỏi tôi, tôi nghĩ đó là thằng bé ấy - nơi nó giấu các thứ.” Mắt ông sáng lên và ông quỳ xuống trên một đầu gối. “Nơi nó giữ con chồn sương, tôi không ngạc nhiên đâu.”

“Nghe đây,” bà Driver kêu lên, giọng đầy tuyệt vọng, “ông phải nghe chứ. Đây tuyệt chẳng phải là thằng bé và tuyệt chẳng phải là con chồn sương.” Bà với lấy lưng ghế và tự mình lóng ngóng bước xuống sàn nhà; bà đến

cạnh ông ở bên cái lỗ. “Chúng có bàn tay và mặt, tôi nói cho ông biết. Nhìn kia,” bà vừa nói vừa chỉ, “ông nhìn thấy gì kia không? Đó là một cái giường. Và giờ khi nghĩ lại, tôi nhớ có một người trong số chúng nằm trên đó.”

“Bây giờ bà mới nghĩ lại,” Crampfurl nói.

“Ừ,” bà Driver nói tiếp một cách kiên quyết, “và còn một điều khác tôi nghĩ tới nữa. Ông có nhớ cái cô gái đó không, Rosa Pickhatchet ấy?”

“Cái cô ngớ ngẩn ấy ư?”

“Ừ, ngớ ngẩn hay không cũng mặc, cô ta đã nhìn thấy một đứa - trên bệ lò sưởi ở phòng khách nhỏ, có râu.”

“Một gì?” Crampfurl hỏi.

Bà Driver nhìn ông trừng trừng. “Tôi đã kể cho ông cái gì về những - một trong số chúng - những...”

“Chuột bé mặc quần áo?” Crampfurl hỏi.

“Không phải là chuột bé!” bà Driver gằn như hét lên. “Chuột không có râu.”

“Nhưng bà đã nói...” Crampfurl cất tiếng.

“Phải, tôi biết tôi đã nói thế. Nhưng mà bọn này có râu. Ta có thể gọi nó là gì nhỉ? Chúng có thể là gì nếu không phải là chuột?”

“Đừng ồn ào như thế!” Crampfurl nói thầm. “Bà đánh thức cả nhà dậy đấy.”

“Họ không nghe thấy được đâu,” bà Driver nói, “không thể nghe được qua cánh cửa vải len.” Bà đi đến bếp cầm cái kẹp than lên. “Mà họ nghe thấy thì đã sao? Chúng ta tuyệt chẳng làm gì mà. Tránh ra,” bà nói tiếp, “để tôi xem cái lỗ.”

Từng thứ từng thứ một bà Driver nhấc các đồ vật ra - với rất nhiều tiếng hỗn hển sừng sốt, tiếng kêu kinh ngạc, và tiếng thốt kiểu ông-đã-bao-giờ-nhìn-thấy-chưa. Bà chất thành hai đống trên sàn nhà - một đống các đồ quý và một đống những thứ mà bà gọi là “đồ bỏ đi”. Những đồ vật kỳ lạ lủng lẳng rủ xuống từ cái kẹp than - “Ông có tin được không - những chiếc mũ soa ren đẹp nhất của bà ấy! Nhìn này, đây là một cái nữa... và cái nữa! Và cái kim to khâu đệm - tôi nhớ là tôi có một cái - cái đê bạc của tôi, làm ơn đi, và một cái của bà ấy! Và nhìn kia, trời ơi, đống len... đống bông! Không có gì đáng ngạc nhiên khi ta không bao giờ tìm thấy một ống chỉ bông trắng khi ta cần. Khoai tây... hạt dẻ... nhìn cái này này, một lọ trứng cá muối - TRÚNG CÁ MUỐI! Không, quá tệ, thật quá tệ. Những chiếc ghế búp bê... những chiếc bàn... và nhìn tất cả chỗ giấy thấm này - thế ra nó ở chỗ này! Ôi, trời ơi là trời!” bà đột nhiên kêu lên, mắt bà nhìn chăm chú. “Cái gì thế này?” bà Driver đặt cái kẹp than xuống cúi người trên cái lỗ một cách ngập ngừng và sợ hãi như lo bị đốt. “Một cái đồng hồ này - một cái đồng hồ ngọc lục bảo - đồng hồ của bà ấy! Thế mà bà ấy không bao giờ phát hiện ra!” Giọng bà cao vút lên. “Và nó vẫn đang chạy! Nhìn kia, ông có thể thấy qua cái đồng hồ bếp! Mười hai giờ hai mươi lăm phút!” Bà Driver ngồi sụp xuống trên một cái ghế; mắt nhìn chăm chăm và mặt bà trông có vẻ tái và nhũn đi, như bị xị hơi. “Ông biết điều này có nghĩa là gì không?” bà nói với Crampfurl.

“Không?” ông nói.

“Cảnh sát,” bà Driver nói, “điều này có nghĩa là thế đấy - một vụ cho cảnh sát.”

Chương 18



Cậu bé nằm trong chăn, hơi run rẩy. Cái tua vít ở dưới đệm. Cậu bé đã nghe thấy tiếng đồng hồ báo thức; cậu đã nghe thấy bà Driver thốt lên trên cầu thang và cậu đã bỏ chạy. Cây nến bên cạnh giường cậu vẫn hơi tỏa mùi và sáp nến chắc hẳn còn đang nóng. Cậu bé nằm đó chờ đợi; nhưng họ đã không lên gác. Sau nhiều giờ đồng hồ, có vẻ thế, cậu nghe thấy tiếng đồng hồ điểm một giờ. Ở dưới nhà có vẻ hoàn toàn yên ắng, và cuối cùng cậu bé lén ra khỏi giường và bò theo hành lang đến đầu cầu thang. Ở đó cậu ngồi một lúc, khẽ run vì lạnh, và nhìn chăm chăm xuống hành lang tối đen. Không có tiếng động gì ngoài tiếng tích tắc đều đặn của chiếc đồng hồ và thỉnh thoảng có tiếng ào ào thì thầm mà có thể là tiếng gió, nhưng cậu bé biết đó là tiếng động của chính ngôi nhà - tiếng thở dài của các sàn nhà mệt mỏi và cơn đau nhức nhối của các mẫu gỗ. Yên lặng tới nỗi mãi cậu bé mới lấy được can đảm để di chuyển, nhón chân xuống cầu thang và đi dọc hành lang bếp. Cậu bé lắng nghe một lát ở cánh cửa bọc vải len tuyết dài, và từ từ, rất nhẹ nhàng, cậu bé đẩy cánh cửa mở. Phòng bếp im lặng và đầy ắp bóng tối xám xám. Cậu bé lần sờ, như bà Driver đã làm, dọc theo giá tường tìm hộp diêm rồi bật lửa lên. Cậu bé nhìn thấy cái lỗ toang hoác trên sàn nhà và các đồ vật chồng chất lên nhau bên cạnh nó và, cùng lúc đó, cậu nhìn thấy một cây nến trên giá tường. Cậu lóng ngóng thắp nến lên bằng đôi bàn tay run rẩy. Đúng, chúng đang nằm kia - những đồ vật của ngôi nhà bé nhỏ - lung tung bừa bãi trên những tấm ván và cái kệp ở bên cạnh. Bà Driver đã đem đi hết tất cả những gì bà coi là có giá trị và để lại “đồ bỏ đi”.

Và mọi thứ trông như rác rưởi khi vớt lẫn lóc thế này - những cuộn len, củ khoai tây cũ, chiếc bàn ghế lè của búp bê, những hộp diêm, ống chỉ bông, những vuông giấy thấm bị vò nhàu...

Cậu bé quỳ xuống. Chính “ngôi nhà” cũng ngổn ngang - các bức vách ngăn đã bị đổ, nền đất lộ ra (nơi ông Pod đã đào xuống để các căn phòng cao lên), những que diêm, một bánh răng cũ kỹ, vỏ hành tây, nắp chai rải rác... Cậu bé nhìn trân trân, chớp mí mắt và nghiêng nển làm cho sáp nóng hồi chảy xuống tay cậu. Rồi cậu đứng lên và, nhón chân qua phòng bếp, cậu đóng cửa phòng rửa bát. Cậu bé quay lại cái lỗ và, cúi xuống, cậu khẽ gọi, “Arrietty... Arrietty!” Sau giây lát cậu lại gọi. Cái gì đó khác nong nóng rút xuống tay cậu: đó là một giọt nước mắt. Tức giận, cậu quệt nó đi, và, cúi xuống sâu hơn về phía cái lỗ, cậu bé gọi lần nữa. “Pod,” cậu bé thì thầm. “Homily!”

Họ xuất hiện vô cùng lặng lẽ đến nỗi ban đầu, trong ánh nển chập chờn, cậu bé không nhìn thấy họ. Họ đứng câm lặng, nhìn lên cậu bé với những khuôn mặt tái nhợt kinh hãi, từ chỗ đã từng là hành lang bên ngoài các phòng kho.

“Mọi người đã ở đâu thế?” cậu bé hỏi.

Ông Pod hăng giọng. “Ở cuối hành lang. Dưới cái đồng hồ.”

“Tôi phải đưa các bạn ra khỏi đây,” cậu bé nói.

“Để đi đâu?” ông Pod hỏi.

“Tôi không biết. Gác mái có được không?”

“Chỗ đó không được đâu,” ông Pod nói. “Tôi nghe họ nói chuyện. Họ sẽ gọi cảnh sát, một con mèo và thanh tra vệ sinh cùng với một người bắt chuột từ tòa thị chính ở Leighton Buzzard.”

Tất cả cùng im lặng. Những đôi mắt nhỏ nhìn chăm chăm vào đôi mắt lớn.

“Sẽ tuyệt chẳng có nơi nào trong ngôi nhà này an toàn cả,” cuối cùng ông Pod nói. Và không ai động đậy.

“Thế còn ngôi nhà búp bê ở giá tường cao nhất trong phòng học thì sao?” cậu bé đề xuất. “Ngay cả mèo cũng không lên trên đó được.”

Bà Homily thốt lên một tiếng đồng ý nho nhỏ. “Phải,” bà nói, “ngôi nhà búp bê...”

“Không,” ông Pod nói vẫn với cái giọng dờ dẫm, “ta không thể sống được trên một cái giá tường. Có thể con mèo không lên đó được, nhưng ta cũng không thể xuống. Ta sẽ bị kẹt ở đó. Ta cần có nước.”

“Cháu sẽ mang nước cho mọi người,” cậu bé nói. “Và ở đây vẫn còn giường với các thứ khác.” Cậu sờ vào đồng “đồ bỏ đi”.

“Không,” ông Pod nói, “một cái giá tường không được đâu. Hơn nữa, họ bảo cậu sắp đi, hay đại loại thế.”

“Ôi, ông Pod,” bà Homily van xin với giọng thì thầm khàn khàn, “ở trong ngôi nhà búp bê có cầu thang, hai phòng ngủ, một phòng ăn và một bếp. Và một phòng tắm,” bà nói.

“Nhưng nó ở trên tận trần nhà,” ông Pod giải thích với vẻ mệt mỏi. “Ta phải ăn, đúng không,” ông hỏi, “và uống nữa?”

“Phải, ông Pod, tôi biết. Nhưng...”

“Không nhưng gì cả,” ông Pod nói. Ông hít một hơi dài. “Chúng ta phải di cư,” ông nói.

“Ôi,” bà Homily khẽ than thở và Arrietty bắt đầu khóc.

“Thôi, đừng có bắt đầu nữa,” ông Pod nói với giọng mệt mỏi.

Arrietty lấy tay che mặt và những giọt nước mắt chảy qua kẽ ngón tay; cậu bé, đang quan sát, nhìn thấy chúng lóng lánh trong ánh nến. “Con có bắt

đâu đâu,” cô bé thốt lên, “Con rất vui... vui.”

“Ý bác là,” cậu bé nói với ông Pod, nhưng với một mắt vẫn nhìn Arrietty, “gia đình ta sẽ chuyển đến hang con lửng?” Cậu bé cũng cảm thấy sự kích động dâng lên.

“Còn chỗ nào khác nữa?” ông Pod hỏi.

“Ôi, trời ơi là trời!” bà Homily than vãn, và ngồi xuống trên một cái tủ ngăn kéo hỏng làm bằng hộp diêm.

“Nhưng mọi người sẽ phải tìm một chỗ nào đó cho đêm nay,” cậu bé nói. “Mọi người phải có chỗ nghỉ trước khi trời sáng.”

“Ôi, trời ơi!” bà Homily lại than thở.

“Cậu ta nói đúng đấy,” ông Pod nói. “Không thể băng qua những cánh đồng khi trời tối. Băng qua đồng trong ánh sáng ban ngày cũng đủ khó khăn lắm rồi.”

“Con nghĩ ra rồi,” Arrietty kêu lên. Khuôn mặt ướn của cô bé bóng sáng lên trong ánh nến; gương mặt sáng lên lung linh và cô bé hơi nhấc hai cánh tay lên như sắp bay, và cô bé đứng đưa khi giữ thăng bằng trên các ngón chân. “Hãy ở trong nhà búp bê đúng đêm nay thôi và ngày mai...” cô bé nhắm mắt lại trước cái ảo tưởng rục rờ - “ngày mai cậu bé sẽ đưa chúng ta đi - đưa chúng ta...” và cô bé không nói được là đi đâu.

“Đưa chúng ta đi?” bà Homily kêu lên với giọng trống rỗng lạ kỳ. “Bằng cách nào?”

“Ở trong túi của cậu ấy,” Arrietty thốt lên, “đúng không?” cô bé lại đứng đưa, với nét mặt rạng rỡ ngược lên.

“Phải,” cậu bé nói, “và tôi sẽ đem hành lý đến sau - trong một cái giỏ đựng cá.”

“Ôi, trời ơi!” bà Homily than vãn.

“Tôi sẽ lọc tất cả đồ đạc nội thất từ cái đồng này. Hoặ gần tất cả. Họ chắc sẽ không để ý. Và bất cứ thứ gì khác mọi người cần.”

“Trà,” bà Homily thì thầm. “Đủ cho cả đời chúng ta.”

“Được rồi,” cậu bé nói. “Cháu sẽ lấy nửa cân trà. Và cà phê nữa nếu bác muốn. Và ấm đun. Và diêm. Mọi người sẽ ổn thôi,” cậu bé nói.

“Nhưng họ ăn gì?” bà Homily rên rỉ. “Sâu bướm ư?”

“Thôi đi, bà Homily,” ông Pod nói, “đừng ngốc thế. Lupy luôn là người giỏi xoay xở.”

“Nhưng Lupy không có ở đó,” bà Homily nói. “Quả mọng. Họ ăn quả mọng ư? Họ nấu như thế nào? Ở ngoài trời à?”

“Thôi đi, bà Homily,” ông Pod nói, “ta sẽ lo tất cả những việc ấy khi ta đến đó.”

“Tôi sẽ không đánh được lửa bằng cành cây,” bà Homily nói, “khi có gió thổi. Mà mưa thì sao chứ?” bà hỏi. “Họ nấu ăn thế nào khi trời mưa?”

“Thôi đi, bà Homily...” ông Pod lên tiếng - ông bắt đầu mất kiên nhẫn - nhưng bà Homily vẫn tiếp tục.

“Cháu có thể lấy cho chúng ta hai hộp cá mòi để đem theo không?” bà hỏi cậu bé. “Và một chút muối? Vài cây nến? Và diêm? Và cháu có thể lấy được cái thảm từ ngôi nhà búp bê không?”

“Có,” cậu bé nói, “cháu có thể. Tất nhiên là cháu có thể. Bất cứ thứ gì bác muốn.”

“Được rồi,” bà Homily nói. Bà trông vẫn có vẻ rối bời, một phần vì có những sợi tóc tuột ra khỏi cái lô cuốn tóc, nhưng bà có vẻ dịu đi. “Và cháu sẽ đưa chúng ta lên tầng trên bằng cách nào? Lên phòng học ấy?”

Cậu bé nhìn xuống chiếc áo ngủ không có túi của mình. “Cháu sẽ ẵm mọi người lên,” cậu bé nói.

“Bằng cách nào?” bà Homily hỏi. “Trong tay cháu ư?”

“Vâng,” cậu bé nói.

“Ta thà chết còn hơn,” bà Homily nói. “Ta thà ở lại ngay đây để kẻ bắt chuột từ tòa thị chính ở Leighton Buzzard ăn thịt.”

Cậu bé nhìn xung quanh bếp; cậu có vẻ bối rối. “Cháu sẽ mang mọi người lên trong cái túi đựng cặp phoi quần áo nhé?” cuối cùng cậu hỏi khi nhìn thấy cái túi đang treo ở chỗ thường ngày trên nắm cửa phòng rửa bát.

“Được,” bà Homily nói. “Cháu bỏ cặp phoi quần áo ra trước đã.”

Nhưng bà đã khá can đảm bước vào trong túi khi cậu bé trải nó ra sàn nhà. Chiếc túi mềm nhẹ và được may bằng sợi cọ dệt. Bà Homily thét lên rồi túm lấy ông Pod và Arrietty khi cậu bé nhấc túi lên. “Ôi,” bà thở hổn hển trong khi chiếc túi hơi đung đưa, “Ôi, tôi không thể! Dừng lại! Thả tôi ra! Ối! Ối!” Rồi, bám và trượt, họ xô vào nhau thành một đồng ở đáy túi.

“Im lặng đi, bà Homily, không được sao!” ông Pod kêu lên giận dữ, và nắm chặt mắt cá chân của bà. Không dễ dàng điều khiển bà vì ông đang nằm ngửa với khuôn mặt bị đẩy lên phía trước ngực và một chân, bị dựng ngược lên trên cạnh túi, đầu đó phía trên đầu ông. Arrietty thì trèo lên, cách xa bố mẹ mình, bám vào các mấu sợi cọ, và nhìn ra ngoài qua cạnh túi.

“Ôi, tôi không thể! Tôi không thể!” bà Homily kêu lên. “Dừng lại, ông Pod. Tôi sắp chết đây. Bảo cậu bé đặt chúng ta xuống.”

“Đặt chúng tôi xuống,” ông Pod nói với vẻ kiên nhẫn, “chỉ một lát thôi. Đúng thế. Trên sàn nhà,” và, khi túi lại được đặt xuống cạnh cái lỗ, tất cả họ đều chạy ra.

“Nghe đây,” cậu bé nói với giọng không vui với bà Homily, “bác phải cố gắng.”

“Tất nhiên là bà ấy sẽ cố gắng,” ông Pod nói. “Cho bà ấy nghỉ một lát, và hãy nhắc cái túi nhẹ nhàng hơn, nếu cháu hiểu ý bác.”

“Được thôi,” cậu bé đồng ý, “nhưng không còn nhiều thời gian đâu. Đi thôi,” cậu bồn chồn nói, “hãy nhảy vào đi.”

“Nghe này!” ông Pod đột nhiên kêu lên, và cứng đờ.

Cậu bé, khi nhìn xuống, thấy ba khuôn mặt ngẩng lên trong khoảng sáng - họ trông như những viên sỏi, lạnh như đá, trong bóng tối của cái lỗ. Và rồi nhanh như chớp họ biến mất - sàn nhà trống rỗng và cái lỗ không có gì. Cậu bé cúi xuống cái lỗ. “Bác Pod!” cậu bé thì thầm gọi cuống cuồng. “Bác Homily! Quay lại đây!” Và lúc đó cậu bé cũng cứng đờ, giữ nguyên tư thế đang cúi xuống lỗ của mình. Cánh cửa phòng rửa bát mở kèn kẹt đằng sau cậu bé.

Đó là bà Driver. Bà ta đang đứng đó im lặng, lần này mặc váy ngủ. Quay lại, cậu bé nhìn lên bà ta. “Chào bà,” cậu bé nói, ngập ngừng, sau giây lát.

Bà ta không cười, nhưng có cái gì đó sáng lên trong mắt bà ta - một tia sáng hiểm độc, một vẻ mặt chiến thắng. Bà ta cầm một cây nến hắt sáng lên mặt, làm khuôn mặt có những vệt sáng tối kỳ lạ. “Cháu đang làm gì ở đây?” bà ta hỏi.

Cậu bé nhìn bà ta chăm chăm nhưng cậu không nói gì.

“Trả lời ta đi,” bà ta nói. “Và cháu đang làm gì với cái túi đựng cặp phoi quần áo?”

Cậu bé vẫn tiếp tục nhìn bà chăm chăm, gần như với vẻ ngớ ngẩn. “Cái túi đựng cặp phoi quần áo?” cậu bé nhắc lại và nhìn xuống như thể ngạc nhiên khi nhìn thấy cái túi trong tay mình. “Cháu có làm gì đâu,” cậu bé nói.

“Có phải cháu đã để cái đồng hồ vào cái lỗ?”

“Không,” cậu bé vừa nói vừa lại nhìn lên bà ta chăm chăm, “nó đã ở đó từ trước.”

“À,” bà nói và mỉm cười, “thế cháu biết là nó đã ở đó à?”

“Không,” cậu bé nói, “Ý cháu là vâng.”

“Mày có biết mày là gì không?” bà Driver hỏi, nhìn cậu bé chăm chăm.

“Mày là một kẻ lén lút, trộm cắp, độc hại, nhỏ mọn, xấu xa vô tích sự!”

Khuôn mặt cậu bé giật giật. “Tại sao?” cậu bé hỏi.

“Mày biết tại sao đấy. Mày là kẻ trộm cắp vô tích sự, tồi tệ, với trái tim đen tối. Mày là như thế đấy. Và chúng cũng vậy. Bọn chúng là một lũ kinh tởm, tinh quái, bệnh tật, kêu chin chít...”

“Không, họ không phải như thế,” cậu bé nhanh chóng xen vào.

“Và mày cũng cùng phe với chúng!” Bà ta bước đến bên cậu bé và, nắm lấy bắp tay của cậu, rồi kéo cậu đứng dậy. “Mày có biết người ta làm gì với kẻ ăn cắp không?” bà hỏi.

“Không,” cậu bé nói.

“Người ta nhốt chúng lại. Đó là việc họ làm với những kẻ ăn cắp. Và đó là việc sẽ xảy ra với mày!”

“Cháu không phải là kẻ ăn cắp,” cậu bé kêu lên, đôi môi run run, “cháu là người đi mượn.”

“Người gì?” Bà ta quay người cậu bé lại bằng cách siết chặt cánh tay cậu hơn.

“Người đi mượn,” cậu bé nhắc lại; có những giọt nước mắt trên mí mắt; cậu bé mong chúng không rơi xuống.

“Thế ra mà gọi nó là thế!” bà ta thốt lên (giống như cậu bé đã làm ngày hôm đó với Arrietty - chuyện ấy giờ như đã xa xôi lắm rồi).

“Đó là tên của họ,” cậu bé nói. “Họ là giống loài đó - họ là những Người Vay Mượn.”

“Những Người Vay Mượn hả?” bà Driver nhắc lại với vẻ kinh ngạc. Bà ta cười. “Hừm, chúng đã mượn đủ trong cái nhà này rồi!” Bà ta bắt đầu kéo cậu bé về phía cửa.

Những giọt lệ tràn qua mí mắt của cậu bé và chảy xuống má. “Bà đừng làm hại họ,” cậu bé van xin. “Cháu sẽ chuyển họ đi. Cháu hứa với bà. Cháu biết cách mà.”

Bà Driver lại cười và đẩy mạnh cậu bé qua cái cửa bọc len màu lục. “Rồi họ sẽ phải chuyển đi thôi,” bà ta nói. “Không phải lo. Người bắt chuột sẽ biết cách. Con mèo già của Crampfurl sẽ biết cách. Cả ông thanh tra vệ sinh cũng biết. Và đội cứu hỏa, nếu cần. Cảnh sát sẽ biết cách, ta không ngạc nhiên. Không cần phải lo việc chuyển chúng đi. Một khi đã tìm thấy ổ của chúng,” bà ta nói tiếp, giọng hạ xuống thành thì thầm độc ác khi họ đi qua cửa phòng bà dì Sophy, “thì việc còn lại rất dễ dàng!”

Bà ta đẩy cậu bé vào phòng học rồi khóa cửa lại và cậu bé nghe thấy những tấm ván hành lang kêu cọt kẹt dưới chân bà, khi đã hài lòng, bà ta đi khỏi. Cậu bé trèo lên giường vì bị lạnh, và khóc sưng mắt trong chăn.

Chương 19



“Vây là,” bà May nói và đặt kim đan xuống, “xong.”

Kate nhìn bà chăm chăm. “Ôi, không thể thế được,” cô bé thốt lên, “ôi, không... không.”

“Hình vuông cuối cùng,” bà May vừa nói vừa vuốt phẳng nó ra trên đùi mình, “hình vuông thứ một trăm năm mươi. Bây giờ ta có thể khâu chúng lại với nhau rồi...”

“Ôi,” Kate nói rồi lại thờ, “cái chẵn! Cháu tưởng bà nói về câu chuyện.”

“Đó cũng là kết thúc của câu chuyện,” bà May lơ đãng nói, “hoặc là khởi đầu. Em trai bà không bao giờ nhìn thấy họ nữa,” và bà bắt đầu lọc các tấm vải vuông.

“Nhưng,” Kate ấp úng nói, “bà không thể - ý cháu là - thật không công bằng,” cô bé kêu lên, “như thế là gian lận. Thế là...” Những giọt nước ứa lên trong mắt cô bé; cô bé ném miếng đan của mình xuống bàn và sau đó là kim đan, và cô bé đá cái túi đựng len đặt bên cạnh cô trên tấm thảm.

“Sao thế, Kate, sao vậy?” bà May trông thật sự ngạc nhiên.

“Phải có chuyện gì xảy ra nữa chứ,” Kate kêu lên tức giận. “Thế còn người bắt chuột? Và cảnh sát? Và...”

“Nhưng một số chuyện nữa thực sự đã xảy ra,” bà May nói, “rất nhiều chuyện nữa đã xảy ra. Bà sẽ kể cho cháu nghe.”

“Thế sao bà lại nói đó là kết thúc?”

“Vì,” bà May nói (trông bà vẫn có vẻ ngạc nhiên), “em trai bà không bao giờ nhìn thấy họ nữa.”

“Thế sao lại có thêm chuyện?”

“Vì,” bà May nói, “có thêm chuyện. Rất nhiều chuyện.”

Kate nhìn bà giận dữ, “Được rồi,” cô bé nói, “bà kể tiếp đi.”

Bà May nhìn lại Kate. “Kate,” bà nói sau giây lát, “chuyện không bao giờ thật sự chấm dứt. Nó có thể tiếp tục và tiếp tục mãi. Chỉ là đôi khi, vào một lúc nào đó, ta ngừng kể chuyện.”

“Nhưng đây không phải là lúc đó,” Kate nói.

“Ừm, xâu chỉ đi,” bà May nói, “lần này thì với len màu ghi. Và ta sẽ khâu các mảnh vuông này với nhau. Bà sẽ bắt đầu ở phía trên và cháu có thể bắt đầu ở phía dưới. Bắt đầu với mảnh vuông màu ghi, sau đó với màu ngọc lục bảo, sau đó với màu hồng, và tiếp tục như thế...”

“Thế nghĩa là bà không thực sự có ý đó,” Kate nói với giọng cáu kỉnh, cố xuyên sợi len gập đôi qua cái lỗ kim hẹp, “khi bà nói ông ấy không bao giờ nhìn thấy họ nữa?”

“Nhưng đó đúng là ý của bà mà,” bà May nói. “Bà đang kể cho cháu nghe đúng chuyện đã xảy ra. Ông ấy phải ra đi đột ngột - vào cuối tuần - vì có chuyến thuyền đi Ấn Độ và một gia đình có thể dẫn ông ấy theo cùng. Và trong ba ngày trước khi ông ấy đi, họ nhốt ông ấy ở trong hai căn phòng đó.”

“Trong ba ngày!” Kate thốt lên.

“Phải. Có vẻ như bà Driver đã nói với bà dì Sophy là ông ấy bị cảm. Bà ta đã kiên quyết, cháu biết không, giữ ông ấy tránh xa cho đến khi bà ta tổng khứ được những Người Vay Mượn.”

“Và bà ta đã làm thế ạ?” Kate hỏi. “Ý cháu là - tất cả họ có đến không? Cảnh sát? Người bắt chuột? Và người...”

“Thanh tra vệ sinh đã không đến. Ít ra là không đến trong lúc em trai bà còn ở đó. Và họ đã không có người bắt chuột từ tòa thị chính, nhưng họ có một người ở địa phương. Viên cảnh sát đã đến...” Bà May cười. “Trong ba ngày đó bà Driver thường kể cho em trai bà biết sự việc đang xảy ra ở dưới nhà. Bà ta rất thích càu nhàu, và em trai bà, vì đã bị biến thành vô hại và bị nhốt ở tầng trên, đã trở nên bất cần. Bà ta thường đem các bữa ăn lên cho em trai bà, và, cái buổi sáng đầu tiên đó, bà ta đem tất cả đồ đạc nội thất của búp bê trên một cái khay đựng đồ ăn sáng và bắt em trai bà trèo lên các giá tường và đặt lại vào nhà búp bê. Đó là lúc bà ta kể cho em bà về viên cảnh sát. Em trai bà kể rằng bà ta rất tức giận.”

“Tại sao?” Kate hỏi.

“Vì hóa ra viên cảnh sát là Ernie, con trai của Nellie Runacre, và vốn là đứa mà hồi trước nhiều lần bà Driver đã đuổi bắt vì ăn trộm táo nâu đỏ từ cái cây ở cạnh cổng ra vào - ‘Một kẻ ghê tởm, trộm cắp, vô tích sự,’ bà ta kể với em trai bà. ‘Bây giờ nó đang ngồi ở dưới kia, trong bếp, chình ình ra đây với cuốn sổ ghi nhớ, cười tí mắt tí mũi... hai mươi một tuổi, nó nói giờ nó đã trưởng thành, và hớn láo như xưa...”

“Và ông ấy là như thế ư,” Kate hỏi, mắt tròn xoe, “một kẻ vô tích sự?”

“Tất nhiên là không. Cũng như em trai bà thôi. Ernie Runacre là một thanh niên tốt, thẳng thắn và mang lại danh dự cho cơ quan cảnh sát. Và thật ra ông ấy đã không cười nhạo bà Driver khi bà kể cho ông ấy nghe câu chuyện của mình, nhưng ông ấy đã cho bà ta một thứ mà Crampfurl sau

này gọi là ‘một cái nhìn nghiêm trọng’ khi bà ta tả về bà Homily trên giường - ‘Pha thêm nước với thứ đó rồi,’ cái nhìn ấy có vẻ như nói thế.”

“Thêm nước với thứ gì cơ?” Kate hỏi.

“Với rượu Fine Old Pale Madeira, bà đoán vậy,” bà May nói. “Và bà dì Sophy cũng cùng mỗi ngờ vực như thế: bà đã rất tức giận khi nghe nói bà Driver nhìn thấy nhiều người tí hon trong khi chính bà sau một bình rượu đầy chỉ nhìn thấy một hoặc quá lắm là hai người tí hon. Crampfurl đã phải đem tất cả rượu Madeira lên từ tầng hầm và chõng các két rượu áp vào tường trong một góc phòng ngủ của bà dì Sophy, nơi, như bà đã nói, bà có thể để mắt tới nó.”

“Thế họ có mang con mèo đến không?” Kate hỏi.

“Có, họ có mang. Nhưng việc đó cũng không thành công lắm. Đó là con mèo của Crampfurl, một con mèo đực to màu vàng có những vệt trắng. Theo như bà Driver kể, nó chỉ có hai ý nghĩ trong đầu - trốn ra ngoài nhà hoặc vào tủ đựng thức ăn. ‘Nói về những Người Vay Mượn,’ bà Driver nói trong khi bà ta vứt cái bánh cá xuống cho em ta ăn trưa, ‘cái con mèo đó là một đứa vay mượn, nếu đã từng có ai như vậy; nó đã mượn con cá, cái con mèo đó, và hơn một nửa bát nước sốt trứng!’ Nhưng con mèo đã không ở đó lâu. Việc đầu tiên những con chó sục của người bắt chuột làm là đuổi con mèo ra khỏi nhà. Lúc đó đã có một cuộc ẩu đả đáng sợ, em trai ta kể. Bọn chó đuổi con mèo khắp nơi - tầng trên rồi tầng dưới, ra vào tất cả các phòng, sủa nặng xì. Em trai ta thoáng nhìn thấy con mèo lần cuối cùng khi nó chạy xuyên qua lùm cây và những cánh đồng, theo sau là lũ chó sục.”

“Chúng có bắt được nó không?”

“Không,” bà May cười. “Nó vẫn ở đó khi ta đến một năm sau đó. Hơi rầu rĩ nhưng khỏe như vâm.”

“Bà kể về lúc bà đến thăm đi!”

“Ôi, ta không ở đó lâu,” bà May nói hơi nhanh, “và sau đó ngôi nhà đã bị bán. Em trai ta không bao giờ quay lại đó cả.”

Kate nhìn bà chăm chăm với vẻ nghi hoặc, ấn cái kim vào giữa môi dưới của mình. “Thế là họ đã không bắt được những người tí hon ư?” cuối cùng cô bé nói.

Mắt bà May liếc sang chỗ khác. “Không, họ đã không bao giờ thực sự bắt được những người đó, nhưng” - bà ngập ngừng - “đối với cậu em trai đáng thương của ta, điều mà họ đã làm còn có vẻ tồi tệ hơn.”

“Họ đã làm gì?”

Bà May đặt miếng đan của mình xuống và trầm ngâm nhìn chăm chăm một lát vào đôi bàn tay rảnh của mình. “Ta căm thù người bắt chuột đó,” bà đột nhiên nói.

“Tại sao, bà có biết người đó không?”

“Ai cũng biết ông ta. Ông ta một mắt bị lác và tên là Rich William. Ông ta cũng là tên đồ tể, và, hừm - ông ta cũng làm những việc khác - ông ta có súng, rìu, xẻng, cuốc chim, và một cái máy kỳ cục với những cái ống phun khói để đuổi mọi thứ ra. Ta không biết cụ thể là loại khói gì - loại khói độc gì đó mà ông ta đã tự phát chế từ các loại cỏ và chất hóa học. Ta chỉ nhớ cái mùi của nó; cái mùi đó bám lại trong kho thóc hay bất cứ chỗ nào ông ta từng đến. Cháu có thể tưởng tượng em trai ta cảm thấy như thế nào trong cái ngày thứ ba đó, ngày mà ông đi, khi đột nhiên ông ngửi thấy cái mùi đó...”

“Ông đã mặc xong quần áo và sẵn sàng đi khỏi. Những chiếc túi đã gói ghém và đang để dưới hành lang. Bà Driver đến, mở khóa cửa và dẫn ông ấy tới phòng bà dì Sophy cuối hành lang. Ông đứng đó, cứng nhắc và xanh xao, đeo găng tay và mặc áo măng tô bên cạnh cái giường phủ màn. ‘Cháu đã bị say sóng rồi ư?’ bà dì Sophy vừa trêu ông vừa chăm chăm nhìn ông qua gờ tấm đệm to đùng.”

“ ‘Không,’ ông nói, ‘đó là vì cái mùi.’

“Bà Sophy ngước mũi lên. Bà hít ngửi. ‘Mùi gì đó Driver?’

“ ‘Đó là người bắt chuột, thưa quý bà,’ bà Driver giải thích, mặt đỏ lên, ‘ở dưới bếp.’

“ ‘Cái gì!’ bà dì Sophy thốt lên, ‘các người đang phun khói để đuổi chuột đi à?’ và bà bắt đầu cười. ‘Trời ơi... trời ơi!’ bà nói hớn hển, ‘nhưng nếu bà không thích chúng, Driver, thì có biện pháp giải quyết dễ dàng mà.’

“ ‘Như thế nào, thưa quý bà?’ bà Driver hỏi lạnh lùng, nhưng ngay cả đôi má bà ta cũng đang đỏ lên.

“Cười sảng sặc, bà dì Sophy vẫy bàn tay đeo nhẫn về phía bà Driver, mắt bà trợn lên và hai bả vai bà rung rung, ‘Đừng mở nút chai rượu nữa,’ cuối cùng bà cũng cố gắng nói được rồi vẫy họ đi ra. Khi đi xuống cầu thang họ vẫn nghe thấy bà cười.

“ ‘Bà ta không tin bọn chúng có thật,’ bà Driver lẩm bẩm, và bà nắm tay em trai ta chặt hơn. ‘Rồi xem ai ngốc hơn! Bà ta sẽ đổi giọng điệu của mình, chắc chắn thế, khi sau này ta đem chúng lên, đặt chúng nằm lên một tờ báo sạch theo thứ tự kích cỡ...’ rồi bà ta lôi ông đi dọc hành lang.

“Cái đồng hồ đã bị dịch chuyển, làm lộ ván ốp chân tường, và, như em trai ta nhận thấy ngay lập tức, cái lỗ đã bị chặn và bịt kín. Cửa chính đang được mở như mọi khi và ánh mặt trời chiếu vào. Những chiếc túi ở bên cạnh cái thảm, hơi bị nướng lên trong khí ấm ruộm vàng. Những cây ăn quả ở sau bờ cỏ đã rụng hoa và dưới ánh mặt trời sáng lên màu xanh trong suốt dịu dàng. ‘Còn rất nhiều thời gian,’ bà Driver vừa nói vừa liếc về phía đồng hồ, ‘mãi ba giờ rưỡi taxi mới đến...’

“ ‘Cái đồng hồ đã chết,’ em trai ta nói.

“Bà Driver quay người lại. Bà ta đội mũ và mặc cái áo măng tô màu đen đẹp nhất, sẵn sàng đưa ông ấy đến nhà ga. Bà ta trông khác lạ và nghiêm

trọng như đang đi lễ nhà thờ - không hề giống với ‘Driver’. ‘Ừ nó đã chết,’ bà ta nói; quai hàm thông xuống và má của bà trở nên nặng nề và trĩu xuống. ‘Tại di chuyển nó đấy,’ bà ta rút ra kết luận sau một lát. ‘Nó sẽ ổn thôi,’ bà ta nói tiếp, ‘một khi ta đặt nó lại. Ông Frith đến vào thứ Hai,’ và bà lại kéo bắp tay em trai ta.

“ ‘Chúng ta đang đi đâu?’ ông ấy vừa hỏi vừa cưỡng lại.

“ ‘Vào bếp. Chúng ta vẫn còn hơn mười phút. Cháu không muốn xem chúng nó bị bắt à?’

“ ‘Không,’ ông nói, ‘không!’ và giăng ra khỏi bà ta...

“Bà Driver nhìn ông chăm chăm, khẽ mỉm cười. ‘Ta muốn,’ bà ta nói, ‘Ta muốn xem chúng thật gần. Ông ta sẽ thổi khói vào và chúng sẽ chạy ra. Ít nhất, đó là cách làm với chuột. Nhưng đầu tiên, ông ta nói, ta phải bịt hết các đường ra...’ và mắt bà ta hướng theo mắt của em trai ta đến cái lỗ dưới tấm ván ốp tường.

“ ‘Họ đã tìm được cái lỗ bằng cách nào?’ em trai ta hỏi (cái lỗ trông có vẻ bị bít lại với một tấm giấy dán màu nâu hình vuông cong queo bên trên).

“ ‘Rick William đã tìm thấy đấy. Đó là việc của ông ta.’

“ ‘Họ có thể tháo nó ra,’ em trai ta nói sau giây lát.

“Bà Driver cười. ‘Ồ, không được đâu! Xi măng đấy! Một cục xi măng lớn, ở ngay bên trong, với một tấm lưới sắt chắn ngang lấy từ mặt trước cái lò sưởi cũ trong phòng vệ sinh ngoài nhà. Ông ta và Crampfurl đã phải bẫy cái sà nhà ở phòng ăn sáng để tới được đó. Họ đã làm việc cả ngày thứ Ba, đến tận bữa trà chiều. Chúng ta sẽ không để có thêm những trò như thế này nữa. Không thể như thế dưới cái đồng hồ này. Một khi đã đặt lại cái đồng hồ, ta sẽ không di chuyển nữa. Sẽ không làm vậy nếu ta muốn nó chạy đúng giờ. Hãy nhìn chỗ nó đứng - chỗ sà nhà trông như đã bị cọ đến mòn đi.’ Đó là lúc em trai bà nhìn thấy, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, cái

bệ đá nhô cao chưa bị kỳ cọ. ‘Giờ đi thôi,’ bà Driver nói và kéo tay ông. ‘Chúng ta có thể nghe thấy tiếng taxi ở trong bếp.’

“Nhưng cái bếp, khi bà kéo em trai ta qua cánh cửa bọc vải len, có vẻ như một mớ âm thanh hỗn độn. Từ đây chẳng thể nghe được tiếng của bất kỳ taxi nào đang đến vì những tiếng kêu, tiếng sữa, tiếng bước đi và tiếng nói rộn rã. ‘Từ từ, từ từ, từ từ, từ từ, từ từ...’ Crampfurl nói to, trong khi cố giữ bọn chó sục đang rít lên và thở phì phò của người bắt chuột. Viên cảnh sát cũng có mặt ở đó, Ernie, con trai của Nellie Runacre. Ông ấy đến vì tò mò và đứng cách xa mọi người một chút, đứng nguyên tắc nghề nghiệp, với một tách trà trên tay và cái mũ bị kéo ra sau hở trán. Nhưng khuôn mặt ông ấy sáng lên niềm thích thú như trẻ nhỏ và ông ấy khuấy thìa vòng quanh vòng quanh. ‘Có nhìn thấy mới tin được!’ ông ấy nói về phần khởi với bà Driver khi nhìn thấy bà ta bước vào qua cửa. Một cậu bé trong làng đang ở đó với một con chồn sương. Nó cứ trèo ra khỏi túi áo của cậu bé, em trai ta kể thế, và cậu bé ấy phải luôn tay đẩy nó vào lại. Còn Rick William thì đang quỳ xuống trên sàn nhà cạnh cái lỗ. Ông ta đã đốt cái gì đó dưới một miếng bì xắc răn và mùi cháy khét xoáy cuộn khắp phòng. Ông ta đang sắp xếp mấy cái ống, với sự chăm chú cực kỳ tỉ mỉ, cúi người về phía chúng - mê mải và hồi hộp.

“Em trai ta đứng đó như đang trong một giấc mơ (‘Có thể đó thực sự là một giấc mơ,’ ông ấy kể với bà sau này - rất lâu sau, sau khi chúng ta đã thành người lớn). Ông nhìn quanh phòng bếp. Ông nhìn thấy qua cửa sổ những cây ăn quả ngập ánh mặt trời và một cành cây anh đào ở trên bờ cỏ; ông ấy nhìn thấy những tách trà rỗng ở trên bàn, với những chiếc thìa bên trong và một tách không đĩa; ông ấy nhìn thấy dựa vào bức tường ở gần cánh cửa bọc vải len là đồ nghề của người bắt chuột - một cái áo măng tô sờn rách vá víu bằng da; một đồng bẫy bắt thỏ; hai cái túi, một chiếc xẻng, một khẩu súng và một cái cuốc chim...

“ ‘Chuẩn bị nhé,’ Rich William nói; giọng dâng lên niềm phấn khích, nhưng ông ta không quay đầu lại. ‘Chuẩn bị nhé. Bây giờ chuẩn bị thả chó.’

“Bà Driver bỏ tay em trai ta ra và đi về phía cái lỗ. ‘Tránh ra,’ người bắt chuột nói, vẫn không quay đầu lại. ‘Để chúng tôi có chỗ...’ và bà Driver lo lắng lùi lại về phía cái bàn. Bà ta đặt một cái ghế ở bên cạnh bàn và hơi nhấc một đầu gối lên, nhưng lại đặt xuống khi bà nhìn thấy ánh mắt coi thường của Ernie Runacre. ‘Được thôi, thưa bà,’ ông ấy nói, nhướn một bên lông mày, ‘khi nào đến lúc thì chúng tôi sẽ báo cho bà để nhấc chân lên,’ và bà Driver ném cho ông ấy một ánh nhìn tức giận; bà ta cầm ba tách trà trên bàn và đi lộp cộp, tức tối, vào phòng rửa bát. ‘Đồ bẩn thỉu...’ Em trai ta nghe thấy bà ta lẩm bẩm khi bà ta lướt qua ông. Và khi nghe thấy những lời nói đó, đột nhiên, em trai ta tỉnh ra...”

“Ông liếc nhanh quanh phòng bếp: những người đàn ông đang chăm chú; mọi con mắt đều đang dõi theo người bắt chuột - trừ đôi mắt của cậu bé trong làng đang moi con chồn sương ra. Một cách rón rén em trai ta cởi găng tay và bắt đầu lùi lại... từ từ... từ từ... về phía cánh cửa bọc len màu lục; trong khi di chuyển ông nhẹ nhàng nhét đôi găng tay vào túi áo, ông vẫn dõi theo đám người đang ở cạnh cái lỗ. Ông dừng lại một lát bên cạnh đồ nghề của người bắt chuột và thận trọng đưa một bàn tay ra mò mẫm; những ngón tay của ông cuối cùng đã đặt trên một cái cán gỗ - nó trơn nhẵn và mòn đi do dùng nhiều; ông nhìn nhanh xuống để chắc chắn - phải, như ông đã hy vọng, đó là cái cuốc chim. Ông ngửa người lại một chút và dùng bả vai đẩy - nhẹ đến gần như không thể bị phát hiện - vào cánh cửa; cửa mở rất nhẹ nhàng, khẽ khàng. Không một người đàn ông nào nhìn lên. ‘Từ từ,’ người bắt chuột vừa nói vừa cúi xuống sát những cái ống phun khói, ‘phải mất một lúc để tỏa khắp... không có lỗ thoát khí, ở dưới sàn nhà thì không có đâu...’

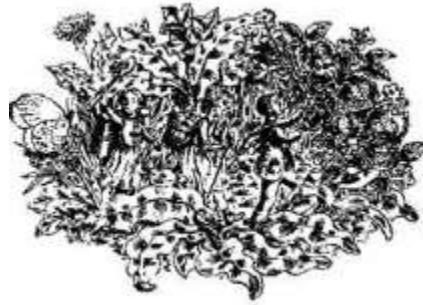
“Em trai ta lén qua cánh cửa mở hé và nó khép lại phía sau ông ấy, khép lại tiếng ồn. Ông ấy nhón chân đi vài bước xuôi hành lang tối của phòng bếp và rồi chạy.

“Lại hành lang, ngập nằng, với những chiếc túi của ông ở cạnh cửa ra vào. Ông va vào cái đồng hồ và nó đánh một tiếng, một tiếng vang - giục giã và

trầm đục. Ông nâng cái cuốc chim lên ngang vai mình và nhắm một cú đập ngang vào cái lỗ ở dưới tấm gỗ ốp tường. Tấm giấy bị rách, vài miếng vụn thạch cao rơi ra, và cái cuốc chim bật mạnh lại, làm tê tay ông. Đứng là có sắt ở sau xi măng - một cái gì đó không lay chuyển được. Ông giáng một cú đập nữa. Lần nữa rồi lần nữa. Tấm gỗ ốp tường phía trên cái lỗ bị nứt và xước ra, và tờ giấy rù xuống thành từng miếng dài, nhưng cái cuốc chim vẫn bị nảy ra. Không có kết quả; tay ông, ướt mồ hôi, bị trượt trên cán gỗ. Ông dừng lại thở và, khi nhìn ra ngoài, ông thấy taxi đã đến. Ông nhìn thấy nó trên đường, phía sau bờ rào ở đằng xa bên vườn cây ăn quả; xe sắp tới cây táo bên cạnh cổng; chẳng mấy chốc nó sẽ rẽ vào lối đi. Ông nhìn lên đồng hồ. Nó đang tích tắc đều đặn - có thể là kết quả sau cú va của ông. Âm thanh ấy an ủi ông và khiến trái tim đang đập loạn trở nên bình tĩnh; thời gian, đó là cái ông cần, thêm một chút thời gian. ‘Phải mất một lúc,’ người bắt chuột đã nói, ‘để tỏa khắp... không có lỗ thoát khí, ở dưới sàn nhà thì không có đâu...’

“ ‘Lỗ thông hơi’ - chính là cái từ ấy, cái từ cứu nguy. Tay cầm cuốc chim, em trai ta đã chạy ra khỏi cửa. Ông ấy bị vấp một lần trên lối đi rải sỏi và suýt ngã; cái cán cuốc vung lên và đập mạnh vào thái dương ông. Khi vừa đến, ông đã thấy một sợi khói mỏng cuộn ra ngoài cái lưới sắt và ông nghĩ, trong lúc ông đang chạy đến, rằng có gì đó chuyển động trong bóng tối giữa các thanh sắt. Đó hẳn là nơi họ sẽ đứng, tất nhiên, để có không khí. Nhưng ông không dừng lại để xem chắc chắn. Bấy giờ ông đã nghe thấy đằng sau mình lạo xạo bánh xe trên sỏi và tiếng móng ngựa. Như bà đã kể với cháu, ông không phải là một cậu bé thật khỏe, và ông chỉ mới chín tuổi (không phải mười, như ông đã khoe với Arrietty) nhưng, với hai cú đập mạnh vào gạch tường ông đã đánh bật ra một cạnh của cái lưới sắt. Nó rơi xuống một bên, treo hơi nghiêng, có vẻ như thế, trên một cái đỉnh. Rồi ông trèo lên bờ cỏ và vụng về ném cái cuốc chim vào đám cỏ dài phía sau cây anh đào. Trong khi loạng choạng quay lại, mồ hôi đầm đìa và thở hổn hển, về phía taxi, ông thầm nghĩ là việc đó - cái cuốc bị mất - sau này cũng gây ra vấn đề của riêng nó.”

Chương 20



“Nhưng,” Kate thốt lên, “ông ấy không nhìn thấy họ thoát ra ư?”

“Không. Lúc đó bà Driver đến, hốt hải bực mình, vì họ đang bị muộן tàu hỏa. Bà ta giục ông ấy vào xe khách vì bà ta muốn quay lại càng sớm càng tốt, bà ta nói, ‘để chúng kiến cái chết.’ Driver là như thế đấy.”

Kate im lặng một lát và nhìn xuống. “Thế là hết,” cuối cùng cô bé nói.

“Phải,” bà May nói, “có thể. Hoặç là sự bắt đầu.”

“Nhưng,” - Kate ngẩng khuôn mặt lo lắng lên - “có thể họ đã không thoát qua cái lưới sắt?”

“Ồ, họ đã thoát chứ,” bà May nói nhẹ nhàng.

“Nhưng sao bà biết được?”

“Ta biết rõ,” bà May nói.

“Nhưng họ đi qua những cánh đồng bằng cách nào? Với bò và những thứ khác? Và những con quạ?”

“Ta đoán là họ đi bộ. Gia đình Hendreary đã làm thế. Người ta có thể làm bất cứ cái gì một khi họ đã quyết định.”

“Nhưng thật đáng thương cho bà Homily! Bà ấy chắc hẳn rất buồn.”

“Ừ, bà ấy buồn,” bà May nói.

“Và họ làm sao biết được đường đi?”

“Đi theo ống ga,” bà May nói. “Có một cái gò chạy suốt qua từ bụi cây và những cánh đồng. Cháu biết không, khi con người đào một cái rãnh và đặt ống xuống đó thì chỗ đất họ đã đào lên thừa ra khi họ xúc trở lại. Mặt đất trông khác trước.”

“Nhưng tội nghiệp bà Homily - bà ấy không có trà hay đồ nội thất hay những tấm thảm hay bất cứ cái gì cả. Bà nghĩ họ có đem theo gì không?”

“Ôi, người ta bao giờ cũng đem theo cái gì đó,” bà May nói ngắn gọn, “nhiều khi là những đồ vật kỳ lạ nhất - nếu cháu đã từng đọc về tàu thuyền bị đắm.” Bà nói nhanh, như thể bà đã chán chủ đề này. “Cháu phải cẩn thận nhé - đừng dùng màu ghi cạnh màu hồng. Cháu sẽ phải tháo ra đấy.”

“Nhưng,” Kate nói tiếp bằng giọng tuyệt vọng khi cô bé cầm cái kéo lên, “bà Homily sẽ không thích phải ở lại cái chỗ nghèo nàn và thiếu thốn của Lupy.”

“Thiếu thốn,” bà May kiên nhẫn nói, “và Lupy không ở đó, cháu có nhớ không. Lupy đã không bao giờ trở lại. Và cháu có biết bà Homily sẽ làm gì không? Cháu không tưởng tượng ra bà ấy đâu - bà ấy như cá gặp nước vậy. Bà ấy ngay lập tức đeo tạp dề và kêu lên ‘... đám đàn ông xuân ngốc này,’ rồi bà ấy hối hả tắt bật, làm ầm lên và nấu cơm, dọn dẹp sạch sẽ rồi bắt họ phải chùi sạch chân khi họ đi vào.”

“Trên cái gì?” Kate hỏi.

“Trên một miếng rêu, tất nhiên, được rải ra trước cửa.”

“Họ đều là con trai cả ạ?” Kate hỏi, sau giây lát.

“Ừ, nhà Harpsichord và nhà Clock. Và họ sẽ cứng chiều Arrietty khủng khiếp.”

“Thế họ ăn gì? Bà có nghĩ họ là ăn sâu bướm thật không?”

“Ôi trời, con bé này, tất nhiên là không. Họ đã có một cuộc sống tuyệt vời - tất cả những gì Arrietty từng mơ đến. Họ sống rất thoải mái. Những cái hang con lửng không khác gì ngôi làng - đầy lối đi, các phòng và kho. Họ có thể thu lượm quả phi, quả sồi và hạt dẻ; họ có thể thu lượm hạt ngũ cốc - mà họ tích trữ và nghiền thành bột, y như con người làm - tất cả đều có sẵn đó cho họ: họ thậm chí không phải trồng trọt. Họ có mật ong. Họ làm trà từ hoa cây cơm cháy và cây chanh lá cam. Họ có quả của cây tầm xuân và táo gai rồi cả quả mâm xôi, mận gai và dâu tây dại. Các cậu con trai có thể câu cá ở suối và một con cá tuế đối với họ to bằng một con cá thu đối với cháu. Họ có trứng chim - vô hạn - để làm món trứng sữa rồi bánh và trứng tráng nữa. Cháu biết không, họ sẽ biết tìm mọi thứ ở đâu. Và tất nhiên họ có rau, có quả. Hãy tưởng tượng một món xa lát làm từ lá non của cây táo gai - như chúng ta thường gọi thì đó là bánh mì và pho mát - với cây chút chút chua và cây bồ công anh Trung Quốc rồi rắc lên một chút cỏ xạ hương và tỏi dại. Bà Homily là một đầu bếp giỏi, nên nhớ vậy. Nhà Clock ở dưới sàn bếp không phải là không có lý do.”

“Nhưng những nguy hiểm,” Kate kêu lên, “bọn chồn sương rồi quạ rồi chồn và cả các loài động vật khác thì sao?”

“Có,” bà May đồng ý, “tất nhiên là có nguy hiểm. Có nguy hiểm bất cứ ở đâu, nhưng họ không phải đối mặt với nhiều nguy hiểm như con người. Ít ra họ không có *chiến tranh*. Và còn những người khai hoang sớm tại Mỹ thì sao? Và những người mở nông trường ở giữa những đất nước có thú vật lớn tại châu Phi và ở bìa rừng Ấn Độ? Họ sẽ phải học thói quen của loài vật. Không có mấy con vật lúc nào cũng say máu cắn xé. Ngay cả loài thỏ cũng biết khi nào một con cáo đang không săn mỗi; chúng sẽ chạy khá gần con cáo khi nó đã no và đang biếng nhác sưởi nắng. Nên nhớ họ đều là những cậu trai; họ được học đi săn để có cái cho vào nồi và học cách tự vệ. Ta đoán rằng Arrietty và bà Homily sẽ không đi xa ở ngoài đồng.”

“Arrietty sẽ như vậy,” Kate nói.

“Ừ,” bà May mỉm cười đồng ý, “ta đoán Arrietty sẽ như vậy.”

“Thế họ có thịt không?” Kate nói.

“Có, thỉnh thoảng. Nhưng những Người Vay Mượn là những Người Vay Mượn; không phải là kẻ giết chóc. Ta nghĩ rằng,” bà May nói, “ví dụ như một con chồn giết một con gà gô thì họ sẽ mượn một cái đuôi!”

“Và nếu một con cáo giết một con thỏ thì họ sẽ dùng lông?”

“Ừ, để làm thảm và các đồ đạc khác.”

“Giả dụ,” Kate nói, “khi họ có một miếng thịt nướng nhỏ, họ sẽ bóc vỏ quả táo gai và nướng bằng lò, quả táo sẽ có vị như khoai tây nướng lò?”

“Có thể,” bà May nói.

“Nhưng họ không thể nấu trong hang con lửng. Cháu nghĩ họ nấu cơm ở ngoài trời. Thế họ giữ ấm trong mùa đông như thế nào?”

“Cháu biết ta đang nghĩ gì không?” bà May nói; bà đặt miếng đan xuống và hơi cúi người ra phía trước. “Ta nghĩ họ không hề sống trong hang con lửng. Ta nghĩ họ dùng cái hang đó, với những lối đi và phòng kho, giống lối vào lỗ chỗ rất lớn vậy. Không ai ngoài họ biết lối đi bí mật trong các đường hầm cuối cùng dẫn tới nhà của họ. Những Người Vay Mượn rất thích các lối đi và họ rất thích những cái cống; và họ rất thích được ở cách xa cửa ra vào của họ.”

“Thế họ sẽ ở đâu?”

“Ta nghĩ,” bà May nói, “ở gần đường ống dẫn ga...”

“Ồ đúng rồi,” Kate kêu lên, “cháu hiểu ý bà rồi.”

“Đất ở đó sẽ rất mềm và phủ cát. Ta nghĩ họ sẽ đi xuyên qua hang con lửng và đào một phòng lớn hình tròn, ngang với ống dẫn ga. Và từ phòng lớn ấy,

xung quanh nó có các phòng nhỏ, như những cabin. Và ta nghĩ,” bà May nói, “họ khoan ba cái lỗ nhỏ vào ống dẫn ga. Một lỗ rất nhỏ gần như không nhìn thấy được và lỗ đấy sẽ luôn được đốt lửa. Hai lỗ kia có nút, khi họ muốn châm ga, họ bỏ nút ra. Họ dùng đèn dầu để châm hai lỗ lớn. Đó là nơi họ nấu ăn và cho họ ánh sáng.”

“Nhưng họ có thông minh đến thế không?”

“Họ là những người thông minh,” bà May cả quyết, “rất thông minh. Quá thông minh để biết sống cạnh một ống dẫn ga mà không dùng nó. Cháu phải nhớ họ là những Người Vay Mượn.”

“Nhưng họ cần một lỗ thoát khí nhỏ?”

“Ôi,” bà May nói nhanh, “họ có một cái lỗ thoát khí.”

“Làm sao bà biết được?” Kate hỏi.

“Vì có lần khi ở trên đó ta đã ngửi thấy mùi thịt hầm với khoai tây.”

“Ôi,” Kate kêu lên phấn khích; cô bé quay tròn và quỳ trên chiếc gối quỳ, “thế ra bà đã đến đó? Vì thế nên bà mới biết! Bà cũng đã nhìn thấy họ!”

“Không, không,” bà May nói, hơi ngả người vào ghế, “ta chưa bao giờ nhìn thấy họ. Chưa bao giờ.”

“Nhưng bà đã lên trên đó? Bà biết điều gì đó! Cháu có thể thấy là bà biết.”

“Phải, ta đã lên trên đó.” Bà May nhìn lại khuôn mặt háo hức của Kate; ngập ngừng, bà có vẻ cảm thấy hơi có lỗi. “Ừm,” cuối cùng bà cũng thừa nhận, “ta sẽ kể cho cháu nghe. Dù cũng chẳng quan trọng lắm. Khi ta đến ở ngôi nhà đó là lúc ngay trước hôm bà dì Sophy chuyển đến nhà an dưỡng. Ta biết ngôi nhà sẽ được bán, vì thế ta” - một lần nữa bà May ngập ngừng, gần như thẹn thùng - “ừ, ta đã lấy hết đồ nội thất ra khỏi căn nhà búp bê và bỏ chúng vào một cái vỏ gối rồi đem lên đó. Ta cũng đã mua những thứ khác bằng tiền mà bố mẹ ta cho - trà, hạt cà phê, muối, hạt tiêu, hành tỏi và

một hộp đường viên to đùng. Và ta đem theo một đồng những mẫu lụa nhỏ thừa sau khi khâu một tấm chăn ca rô chắp mảnh. Và ta lấy cho họ vài cái xương cá để làm kim khâu. Ta đem theo một cái đê nhỏ xíu trong bánh pút đình Giáng sinh mà ta đã được cho và một đồng bánh vụn và bánh quy giòn ta để trong một cái hộp sô cô la...”

“Nhưng bà đã không bao giờ nhìn thấy họ!”

“Không. Ta chưa bao giờ thấy họ. Ta ngồi đợi hàng tiếng đồng hồ bên cạnh bờ cỏ dưới hàng rào cây táo gai. Đó là một bờ cỏ rất đẹp, với những rễ táo gai xoắn và đầy những lỗ cát, có cây hoa tím, hoa anh thảo và hoa cúc mới nở. Từ trên đỉnh bờ cỏ cháu có thể nhìn xa hàng dặm qua các cánh đồng: ta có thể nhìn thấy những khu rừng và thung lũng và con đường làng vòng vèo; ta có thể nhìn thấy ống khói của các ngôi nhà.”

“Có thể không phải là chỗ đó.”

“Ta không nghĩ thế. Khi ta đang ngồi đó trên cỏ, hơi mơ màng và nhìn những con bọ cánh cứng và những con kiến, ta đã tìm thấy một nửa quả sồi; nó nhăn bóng, khô, có một lỗ khoan ở một bên và bị cắt ở đỉnh...”

“Cái ấm trà!” Kate thốt lên.

“Ta nghĩ thế. Ta nhìn khắp nơi, nhưng ta không tìm được cái vôi bằng lông gà. Lúc đó ta đã gọi họ, vào tất cả các lỗ - như em trai ta đã làm. Nhưng không ai trả lời. Ngày hôm sau, khi ta lên đó, cái vỏ gối đã biến mất.”

“Và tất cả đồ trong đó?”

“Ừ, tất cả. Ta tìm trên hàng chục mét đất xung quanh, xem liệu có thể có một mảnh lụa vụn hay một hạt cà phê. Nhưng không có gì. Tất nhiên, có thể có ai đó đi qua đã nhặt cái vỏ lên và đem đi. Đó chính là ngày,” bà May nói và cười, “ta nghĩ thấy mùi thịt hầm với khoai tây.”

“Và là ngày,” Kate hỏi, “bà đã tìm thấy cuốn nhật ký của Arrietty phải không?”

Bà May đặt miếng đan xuống. “Kate,” bà bắt đầu bằng một giọng ngạc nhiên, và rồi, ngập ngừng, bà cười, “điều gì làm cháu nói thế?” Hai má của bà trở nên ửng hồng.

“Cháu đoán,” Kate nói. “Cháu đã biết có điều gì đó - điều mà bà đã không định kể cho cháu biết. Ví dụ như... như bà đã đọc nhật ký của người khác.”

“Đó không phải là cuốn nhật ký,” bà May vội nói, nhưng đôi má bà càng trở nên hồng hơn. “Đó là cuốn sách gọi là ‘Hồi ký,’ cuốn sách với những trang để trống. Cô bé ấy đã viết trong cuốn sách đó. Và ta không tìm thấy cuốn sách này ngay ngày hôm ấy, mà ba tuần sau đó - một ngày trước khi ta đi khỏi.”

Kate ngồi im lặng, nhìn bà May chăm chăm. Sau giây lát cô bé hít một hơi dài. “Thế đó là bằng chứng cho điều ấy,” cuối cùng cô bé nói, “những căn phòng dưới đất và mọi thứ.”

“Không hẳn,” bà May nói.

“Tại sao không?” Kate hỏi.

“Arrietty thường viết chữ ‘e’ giống như hình bán nguyệt với một nét ngang ở giữa...”

“Thế thì sao?” Kate hỏi.

Bà May cười và lại cầm miếng đan lên. “Em trai của bà cũng viết như thế,” bà nói.



Chú thích

[1] Harpsichord nghĩa là “đàn Clavico”; Overmantel nghĩa là “đồ trang trí trên bệ lò sưởi”. Các gia đình Người Vay Mượn được gọi tên theo nơi ở của họ.

[2] Ran-Pipe nghĩa là “máng nước mưa”.

[3] Clock nghĩa là “đồng hồ”.

[4] Linen-Press nghĩa là “ủi vải nhanh”.

[5] Sink nghĩa là “bồn rửa”.

[6] Broom-Cupboard nghĩa là “tủ đựng đồ lau dọn”.

[7] Ngày 9 tháng Bảy năm 1885, đội quân 26 Cameron của Scotland, có lịch sử lâu đời và phong phú, đã được sáp nhập với các đội quân khác và vì thế giao lá cờ của mình cho nhà thờ lớn của Glasgow, thủ đô Scotland.

[8] Triều đại Edward.

Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)